Thư viện tỉnh
Điện Biên
ĐC/S
959.7

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
BẢO TÀNG CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

DE CASTRIES

Và tập đoàn cứ điểm

Điện Biên Phủ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

DE CASTRIES

VÀ TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

959.7041
D. 200 C

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
BẢO TÀNG CTLS ĐIỆN BIÊN PHỦ

DE CASTRIES
VÀ TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIÊN BIÊN PHỦ

1911
THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHO ĐỊA CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Có lẽ đối với người Pháp, trận chiến tại Điện Biên Phủ là một dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử đất nước. Đến nay, sau gần sáu thập kỷ nhìn lại, trong khi chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt Nam năm ấy đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử chống giặc ngoại xâm thì lại là một thảm kịch đối với chế độ thực dân trên thế giới nói chung và đối với nước Pháp nói riêng. Thảm kịch ấy gắn liền với một quá trình lịch sử lâu dài và cho tới nhiều năm sau sức ảnh hưởng của nó vẫn mang đến những hệ lụy cho số phận của nhiều con người. Chẳng thế mà sau sự kiện Điện Biên Phủ đã có bao nhiêu bài báo, cuốn sách, hồi ký của các tướng tá, sĩ quan Pháp, những con người đã trực tiếp gây chiến, tham chiến và bản thân họ cũng bị ám ảnh một cách nặng nề về cuộc chiến tranh phi nghĩa mà họ đã tiến hành.

Cuốn sách De Castries và Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được xuất bản trong bối cảnh dư luận thế giới đã có cái nhìn khá đầy đủ về Điện Biên Phủ. Từ sau khi bị bắt và được trả tự do, chúng ta không biết hoặc biết rất ít thông tin về De Castries, người gắn liền với sự thất

bại của nước Pháp tại thung lũng Mường Thanh. Còn Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ năm xưa giờ đây đã trở thành những di tích lịch sử đặc biệt, có giá trị vô cùng to lớn trong việc giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Trong cuốn sách này có sử dụng nhiều tư liệu của các tác giả trong và ngoài nước. Có thể những gì được trình bày sau đây chưa đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của bạn đọc nhưng đã là những nỗ lực, cố gắng của nhóm biên soạn.

Với mong muốn góp thêm một tư liệu chân thực về cuộc chiến Điện Biên Phủ, Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ xin trân trọng giới thiệu cuốn sách "De Castries và Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ".

Phần một

TIỂU SỬ DE CASTRIES

De Castries tên gọi đầy đủ là Christian Marie Ferdinand de la Croix de Castries, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1902 tại thủ đô Paris nước Pháp. De Castries xuất thân trong một gia đình có dòng dõi quý tộc, dòng họ của De Castries đã làm binh nghiệp từ thời thập tự chinh, có người đã làm tới Thống chế và Bộ trưởng Hải quân dưới thời vua Louis XV. Ngoài ra trong dòng tộc này còn có rất nhiều người từng giữ những chức vụ cao, có đến: 1 Đô đốc, 4 Tổng trấn, 7 người là Trung tướng và có tới 5 người được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh hạng 5.

Năm 20 tuổi De Castries gia nhập quân đội với cấp bậc binh nhì, bắt đầu sự nghiệp của mình. De Castries đã nỗ lực không ngừng để trở thành một kỵ binh thực thụ, sau này là chỉ huy kỵ binh, luôn được đánh giá là người có tài và dũng cảm. Trong một thời gian, De Castries đã theo học tại trường Somuya và đã được phong hàm sĩ quan tại đây.

Một trong những niềm đam mê của De Castries là đua ngựa, không bao giờ ông ta bỏ lỡ một cuộc đua ngựa

nào từ lớn đến bé và đã trở nên nổi tiếng ở môn thể thao này. Đã 2 lần De Castries vô địch thế giới ở nội dung đua ngựa nhảy cao và nhảy xa vào các năm 1933 và 1935.

Tháng 9 năm 1939, De Castries tình nguyện gia nhập vào đội đặc công Corp Frane. Trong một lần lọt vào vùng Sarre để bắt tù binh, De Castries đã ra lệnh cho một tên lính dưới quyền đánh chuông. Ngay lập tức quân Đức đã phản ứng bằng một loạt đạn pháo. Dù chống trả quyết liệt xong vẫn có tới hai tên lính dưới quyền bị thiệt mạng. Tuy nhiên điều đó chẳng khiến De Castries phải bận tâm và suy nghĩ nhiều. Đến năm 1940, trong thời gian thế chiến thứ hai, De Castries cùng 60 chiến hữu đã đối đầu với cả một tiểu đoàn quân Đức và chỉ đầu hàng khi bị thương và không còn lấy một viên đạn nào. Sau đó De Castries bị bắt làm tù binh và có tới 3 lần định vượt ngục, trốn khỏi trại giam nhưng đều thất bại. Đến ngày 31 tháng 3 năm 1941, De Castries cùng 20 sĩ quan khác đào một đường hầm ở vùng Sinedi, trốn thoát thành công và trở về Pháp, tiếp tục bí mật vượt qua biên giới Tây Ban Nha để đến với lực lượng Pháp, gia nhập vào đội quân do Tướng Juin chỉ huy tại Bắc Phi.

Từ năm 1944 đến năm 1945, De Castries là chỉ huy của đại đội thiết giáp, chiến đấu nhiều và thương vong cũng không phải là ít nhưng không bao giờ vị chỉ huy này tới thăm những đơn vị cứu thương của mình.

Năm 1946, lần đầu tiên De Castries được điều động sang Đông Dương làm chỉ huy một đội thiết giáp hạng

nhẹ và nhanh chóng trở nên nổi tiếng bởi bản tính thích mạo hiểm và xông xáo nơi chiến trận.

Năm 1951, sau khi tham gia một khoá bổ túc tại trường quân sự, De Castries được đề bạt lên Trung tá và được Tướng Delattre de Tassigny, lúc này đang là Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương đưa sang Việt Nam chỉ huy phía Nam đồng bằng Bắc Bộ.

De Castries trong căn hầm chỉ huy của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Trong một trận phục kích De Castries bị thương nặng, gãy hai chân và được hồi hương để chữa bệnh. Sau chấn thương đó, De Castries phải mang thêm một chiếc gậy ba toong bên mình với dáng đi khập khiễng. Tuy vậy vào tháng 11 năm 1952, một lần nữa De Castries đã mang về cho mình thêm một chiếc cúp mới

về đua ngựa ở Saumur (một thủ phủ của quận Maine et Loire, nước Pháp).

Đến đầu tháng 8 năm 1953, sau khi nhậm chức Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, Navarre đã sang Việt Nam đưa theo nhiều tay chân của mình trong đó có De Castries. Tại đây, De Castries được giao nhiệm vụ chỉ huy 1 binh đoàn cơ động tại một khu vực khó khăn nhất ở đồng bằng Bắc Bộ (Nho Quan - Ninh Bình).

Ở tuổi 50, De Castries được nhận hàm Đại tá và được ân thưởng "Đệ tứ Bắc đẩu bội tinh", với 21 lần khen thưởng trong đó có tới 16 lần được tuyên dương cấp uỷ quân đoàn trong toàn quân đội Pháp.

Với sự ra đời của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, có thể nói chưa bao giờ De Castries được tín nhiệm đến vậy. Được làm chỉ huy của Tập đoàn cứ điểm mạnh nhất từ trước đến giờ ở Đông Dương mà đáng lẽ giữ vị trí ấy phải là một ngôi sao cấp tướng, điều đó đủ cho thấy người ta đã kỳ vọng rất nhiều ở viên Đại tá này.

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, De Castries lên Điện Biên Phủ và chỉ một ngày sau đó một buổi lễ nhậm chức đã diễn ra khá long trọng trước sự chứng kiến của rất nhiều binh lính Pháp đã đóng ở đây.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, Quân đội Nhân dân Việt Nam, dưới sự chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nổ súng tấn công vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bắt đầu một chuỗi những ngày tháng đen tối của

De Castries. Mặc dù được thăng lên thiếu tướng khi cuộc chiến tại Điện Biên Phủ đang trong giai đoạn cao trào, nhưng từng đó là chưa đủ để viên kỵ binh này thể hiện sự bản lĩnh của mình, thay đổi lại tình thế đang vô cùng nguy cấp của quân đồn trú Pháp, để rồi chỉ hơn 20 ngày sau đó De Castries cùng toàn bộ Bộ tham mưu của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã phải đầu hàng.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, De Castries bị bắt làm tù binh tại Điện Biên Phủ. Cùng với những sĩ quan, binh lính dưới quyền, De Castries được giải về Sở chỉ huy chiến dịch của quân đội Việt Minh tại Mường Phăng, sau đó được đưa về trại giam Na Hang, Tuyên Quang để lấy lời khai và tiếp tục được giải về trại giam Việt Trì, Phú Thọ. Tại đây, ông ta đã không ít lần trải lòng về những ngày tháng chỉ huy Tập đoàn cứ điểm và bày tỏ sự khâm phục về chiến thắng và sự mưu lược trong nghệ thuật chiến đấu của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ngày 3 tháng 9 năm 1954, sau gần 4 tháng bị bắt giữ, De Castries được trao trả cho nước Pháp theo hiệp định Genever. Cho đến mãi sau này De Castries vẫn không thể quên được chính sách khoan hồng của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Trong khoảng một thời gian sau khi trở về từ Việt Nam, De Castries còn tham gia vào cuộc chiến tranh ở Algérie.

Năm 1984, De Castries có ý muốn quay trở lại thăm Việt Nam, nơi đã từng gắn bó một phần cuộc đời binh nghiệp với biết bao sự nuối tiếc, nhưng do hoàn cảnh bấy giờ chính sách mở cửa còn khắt khe nên ý

nguyện đó của De Castries không thể thực hiện được. Năm 1991, De Castries qua đời tại Pháp khi đã 89 tuổi. Năm 1994, con gái của De Castries đã sang Việt Nam và lên thăm Điện Biên Phủ, thực hiện ước nguyện chưa thành của người cha quá cố.

Có thể nói, cuộc đời binh nghiệp của De Castries danh vọng cũng lắm mà thăng trầm cũng nhiều. Từ trước khi có sự kiện Điện Biên Phủ, De Castries luôn được đánh giá là một người dũng cảm, xông xáo, cá tính, gây được nhiều ấn tượng mạnh mẽ với các cấp chỉ huy bên trên. Đến với Điện Biên Phủ là một cơ hội để ông ta thể hiện mình. Nhưng với những gì đã thể hiện, cái kết thúc không được mong đợi đã khiến De Castries không thể bước lên đài vinh quang. Sau này Navarre đã có tới ba cuốn hồi ký biện hộ về sự kiện Điện Biên Phủ. Người ta chờ đợi những trần tình của De Castries, để cho dù đó là những lời bao biện thì cũng góp thêm một góc nhìn toàn diện hơn về trận chiến này. Tuy nhiên, sự im lặng từ sau khi trở về nước Pháp đủ cho thấy chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ làm rung chuyển thế giới mà còn rung chuyển cuộc đời De Castries, số phận của viên thiếu tướng này hoàn toàn đã bước sang một trang mới.

Phần hai

TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

I. KẾ HOẠCH NAVARRE

1. Nội dung kế hoạch Navarre

Sau gần tám năm tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai, nước Pháp đã rơi vào khủng hoảng nặng nề về kinh tế và chiến tranh. Đến giữa năm 1953, khoảng 390.000 quân bị loại khỏi vòng chiến đấu, không kể hàng chục vạn quân đang bị giam chân trên chiến trường Đông Dương mà chủ yếu là ở Việt Nam, làm hao tổn gần 2.130 tỷ phrăng. Tại thuộc địa, vùng kiểm soát của người Pháp ngày càng bị thu hẹp, Quân đội Pháp ngày càng bị lún sâu vào thế phòng ngự bị động và thiếu hẳn một lực lượng cơ động chiến lược mạnh để có thể đối phó với các cuộc tiến công liên tiếp của Quân đội Việt Minh. Tại nước Pháp, tình hình chính trị ngày càng rối ren, phức tạp. Tình trạng kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương đã làm cho

các tầng lớp nhân dân nước Pháp thêm khốn khổ vì phải nai lưng gánh chịu nạn tăng thuế và binh dịch. Từ đó, phong trào đòi chấm dứt chiến tranh Đông Dương ngày càng lan rộng. Mâu thuẫn nội bộ trong giới cầm quyền Pháp ngày càng gay gắt. Chính phủ Pháp đã liên tục 19 lần được thay thế và lần lượt đưa sang Đông Dương 5 cao ủy như đô đốc Dargenlieu, Bolert, Pignon, DeLattre, Le Tourneau, còn tổng tư lệnh thì có 6 tướng kế tiếp như: Tướng Leclerc, Tướng Valluy, Tướng Blaizot, Tướng Carpentier, Tướng Delatte, Tướng Raoul Salan và sau này đến Navarre là viên tướng thứ bảy.

Henrri Navarre gắn Huân chương cho đơn vị lính dù Âu Phi trước ngày lên xâm chiếm Điện Biên Phủ.

Trong Quốc hội Pháp, phái chủ trương hòa bình giải quyết vấn đề Việt Nam vẫn ngày càng thu được nhiều phiếu ủng hộ. Một số lãnh đạo của các đảng phái trong

chính phủ Pháp cũng nhận thấy một thực tế là không thể tiếp tục chiến tranh mãi bởi lực lượng đối phương ngày càng phát triển mạnh mẽ, không dễ gì có thể đối phó. Nhưng nếu muốn chấm dứt cuộc chiến tranh này thì phải ở trên thế mạnh. Điều kiện kiệt quệ của đất nước lúc bấy giờ không cho phép người Pháp có thể chần chừ thêm được nữa. Họ lại tiếp tục cầu viện trợ của Mỹ. Mỹ từ lâu đã muốn can thiệp sâu vào các nước Đông Dương nên nhân cơ hội này đã ra sức ủng hộ cuộc chiến và yêu cầu nước Pháp phải có kế hoạch cụ thể.

Trước tình hình đó, buộc những nhà cầm quyền nước Pháp phải có những tính toán mới. Trước đó, các tướng lĩnh lần lượt sang Đông Dương không giải quyết dứt điểm được vấn đề chiến tranh, gần đây nhất là Raoul Salan và Delattre de Tassigny, được giới ký giả quân sự Pháp đánh giá cao cũng không tránh khỏi số phận hẩm hiu của những viên danh tướng trước đó. Và cái tên Navarre được người ta đề cử trong hoàn cảnh này.

Khi được gọi về nhận nhiệm vụ mới, Navarre đang là Tham mưu trưởng lục quân khu vực Trung Âu của khối NATO (liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương do Mỹ cầm đầu). Cho tới lúc này viên tướng bốn sao mới để ý đến cái bán đảo xa tắp ở Đông Nam Á nhưng đã chôn vùi sự nghiệp của những người đi trước. Khó có thể từ chối một nhiệm vụ mà đích thân tổng thống đã giao phó.

Một bản lý lịch đầy đủ về viên tướng này đã xuất hiện trên tất cả các tờ báo cùng với tin tức về vị chỉ huy

mới ở Đông Dương. Tên đầy đủ là Henri Eugène Navarre, sinh ngày 31 tháng 7 năm 1898 ở Vin-phrăng-xơ thuộc khu Ru-éc-ghơ, nước Pháp. Năm 18 tuổi, Navarre được vào trường quân sự Xanh Xia nổi tiếng thế giới. Navarre đã từng đến Syrie trong hai năm, chống lại sự nổi dậy của người Ả Rập[1], tham gia "bình định" ở Maroc. Đến năm 1937, Navarre làm việc ở phòng Nhì[2] và từ năm 1938 đến 1940 lãnh đạo phân ban Đức. Trong thời kỳ nước Pháp bị chiếm đóng, Navarre làm công tác tình báo cho lực lượng kháng chiến. Tháng 11 năm 1944, trong chiến dịch An-dát, Navarre làm Chỉ huy trưởng trung đoàn cơ giới trinh sát trung đoàn Xpa-hi thứ 5[3], chỉ huy một khu vực ở Algérie rồi làm việc tại Bộ tham mưu Pháp ở Đức và được đề bạt sư trưởng sư đoàn thiết giáp thứ 5 ở đó. Sau đấy ông ta được phong chức Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh lục quân Trung Âu thuộc khối quân sự Bắc Đại Tây Dương. Cuối cùng được thống chế Juin giới thiệu với thủ tướng René Mayer sang làm Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Cuộc đời binh nghiệp của Navarre gặp nhiều thuận lợi, lên cấp khá nhanh. Chỉ trong vòng hơn 10 năm từ 1942 đến năm 1953, từ một Đại úy tình báo Navarre đã được thăng lên cấp Đại tướng. Thời gian đầu khi mới sang Đông Dương nhậm chức, Navarre được giới báo trí phương Tây ca ngợi là một danh tướng trẻ có

(1) Syrie lúc này đang là thuộc địa của Pháp.
(2) Phòng 2 Quân báo.
(3) Tiếng sấm Điện Biên Phủ, Tr.44.

tài, có nhãn quan chiến lược và là người có thể uốn nắn lại tình hình Đông Dương.

Ngay sau khi nhậm chức, ngày 18 tháng 5 năm 1953, Navarre sang Đông Dương và ngay ngày hôm sau ông ta đã có mặt ở Sài Gòn. Nhận bàn giao nhiệm vụ với Salan, Navarre cũng không quên thăm dò tình hình từ người tiền nhiệm của mình và một số sĩ quan khác. Mặc dù mới sang nhậm chức, Navarre đã có những việc làm mạnh mẽ và dứt khoát trong đó có việc thay đổi lại một số tướng, tá chỉ huy mà ông ta cho rằng họ có trách nhiệm về tình hình xấu đi vừa qua đồng thời quan sát, tìm hiểu chiến trường, nắm tình hình thực tế để đề ra kế hoạch hoạt động cho đội quân viễn chinh Pháp.

Sau hơn một tháng nghiên cứu và khảo sát chiến trường, đầu tháng 7 năm 1953, Navarre quay trở lại Paris và đệ trình Hội đồng Tham mưu trưởng và Hội đồng Quốc phòng tối cao Pháp bản chương trình hành động gồm hai phần chính: Phần thứ nhất nói về những điều kiện chính trị chi phối kế hoạch quân sự; phần thứ hai là kế hoạch quân sự.

Trên cơ sở những nét lớn về tình hình Đông Dương, Navarre đã đưa ra một số nhận định về những thiếu sót khiến cho tình hình quân sự ngày càng trì trệ. Tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng bất lợi đối với quân đội viễn chinh Pháp, Quân đội Việt Minh đã lớn mạnh, bộ đội chủ lực rất thiện chiến, bộ đội địa phương quen

1911
THƯ VIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHO ĐỊA CHÍ

thuộc chiến trường, lực lượng cơ động mạnh gồm nhiều đại đoàn được trang bị tốt, tinh thần chiến đấu rất anh dũng, có khả năng mở những chiến dịch tiến công quy mô tương đối lớn. Chiến tranh du kích của họ phát triển cao đã ngăn chặn và tiêu hao nhiều sinh lực quân Pháp.

Trong khi đó, lực lượng quân viễn chinh Pháp ngày càng lâm vào tình trạng phân tán và bị động. Phần lớn phải làm nhiệm vụ phòng ngự trong hàng nghìn đồn bốt rải rác trên các chiến trường. Tuy quân Pháp đông hơn quân Việt Minh nhưng lại kém xa Việt Minh về khả năng cơ động và khả năng tập trung binh lực trong các chiến dịch lớn. Lực lượng chiếm đóng địa phương đã yếu, lực lượng dự bị càng yếu hơn, thiếu hẳn một lực lượng cơ động mạnh để đối phó với các cuộc tiến công của chủ lực Việt Minh.

Về kế hoạch quân sự, việc đầu tiên là Navarre xác định "tìm một lối thoát ra khỏi sự bế tắc ở Đông Dương". Theo Navarre lối thoát này chỉ có thể là "lối thoát chính trị", tức là phải tạo nên những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự đối với Chính phủ Pháp. Muốn có giải pháp chính trị tốt thì điều kiện quân sự của cuộc chiến tranh là phải bảo vệ những vị trí của chúng ta và cải thiện nó trong điều kiện có thể. Hai vấn đề nổi rõ lên là tổ chức quân đội và tác chiến. Về tổ chức quân đội, từ nghiên cứu thực tế, tương quan lực lượng quân giữa khối liên hiệp Pháp với "bộ đội Việt Minh", phải tiến hành xây dựng một quân đoàn tác chiến mạnh và một lực lượng dự bị chiến lược đông

đảo. Quân đoàn tác chiến gồm 6 sư đoàn bộ binh và một sư đoàn dù, được biên chế thành 24 binh đoàn cơ động (trong đó có 12 binh đoàn quân ngụy Việt Nam), 3 binh đoàn dù.

Với Navarre, "quân đoàn tác chiến" phải mạnh hơn và cơ động hơn, tương đương với quân đoàn tác chiến của đối phương.

Trong kế hoạch của mình, Navarre ưu tiên tăng thêm và chấn chỉnh lính Pháp ở Đông Dương, đồng thời dùng mọi phương sách để tập trung lực lượng cơ động lại. Khẩu hiệu của Navarre là "tập trung lực lượng, tích cực tấn công, giành lại chủ động".

Để có lực lượng tổ chức các binh đoàn cơ động phải thực hiện 2 yêu cầu: Rút các đơn vị đang đóng quân tại Tây Đức trong khối xâm lược Bắc Đại Tây Dương, rút ở Algérie và quân ở Triều Tiên sau khi bị đánh bại trở về. Còn ở Việt Nam, Navarre tích cực thi hành chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", theo dự định trong kế hoạch là 54 tiểu đoàn Ngụy quân trong năm 1953 và 108 tiểu đoàn trong năm 1954.

Navarre còn chủ trương "vàng hóa" quân đội Lê dương, nghĩa là rút bớt một số lính Lê dương ở từng đơn vị ra rồi bổ sung số thiếu bằng Ngụy binh, như vậy sẽ dôi ra được một số lính Lê dương để tổ chức thêm đơn vị mới.

Về tác chiến, Navarre chủ trương trong Đông Xuân 1953 - 1954 tránh giao chiến toàn bộ với chủ lực đối phương, tập trung vào việc tổ chức quân đoàn tác chiến

mạnh; đến chiến cuộc 1954 - 1955 (khi quân đoàn cơ động tác chiến đủ mạnh) sẽ tiến hành giao chiến toàn bộ với đối phương. Navarre định ra kế hoạch tác chiến trong hai năm tới phải tiến hành. Trong chiến cuộc 1953 - 1954, thực hiện phòng ngự chiến lược ở phía Bắc vĩ tuyến 18, tránh giao chiến toàn diện; nhưng cố gắng thực hiện tiến công ở phía Nam vĩ tuyến 18, nhằm bình định miền Nam, tiến công chiếm đóng vùng tự do liên khu 5. Sau khi đã có được ưu thế về lực lượng cơ động, từ mùa thu 1954 sẽ chuyển lên tiến công phía Bắc vĩ tuyến 18, tạo nên một cục diện quân sự khiến cho Pháp có được một giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh.

Bản kế hoạch chiến lược của Navarre được mang tên là "kế hoạch Navarre". Để thực hiện kế hoạch tác chiến phòng ngự chiến lược ở phía Bắc vĩ tuyến 18 và tiến công ở chiến trường phía Nam, trong 2 năm 1953 - 1954, Bộ Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương định ra hai giai đoạn tác chiến cụ thể như sau:

- Trong Thu - Đông năm 1953 và mùa Xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược cơ động lớn ở đồng bằng Bắc bộ để đối phó với cuộc tiến công của đối phương; thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam nhằm chiếm đóng ba tỉnh tự do ở liên khu 5; đồng thời đẩy mạnh việc mở rộng Ngụy quân và xây dựng một đội quân cơ động đủ sức đánh bại các đại đoàn chủ lực của đối phương.

- Từ Thu - Đông năm 1954, sau khi đã hoàn thành những mục tiêu trên, sẽ dồn toàn lực ra Bắc, chuyển

sang tiến công chiến lược trên chiến trường chính giành thắng lợi lớn về quân sự, buộc đối phương phải chấp nhận điều đình theo những điều kiện của Pháp, nếu đối phương khước từ, quân cơ động chiến lược của Pháp sẽ tập trung mọi nỗ lực loại trừ chủ lực Việt Minh.

Đối với Pháp và Mỹ đây là một kế hoạch táo bạo, kiên quyết và chắc thắng vì có cơ sở đánh giá hai bên đối chiến một cách khách quan: "...trong chiến tranh, đánh giá thấp đối phương là một sai lầm nặng nhưng thật là ngờ nghệch nếu đánh giá quá cao đối phương. Tình hình thuận lợi cho chúng ta, chiến thắng là chắc chắn nhưng nó chỉ đến với ai biết nắm lấy nó. Người ta chỉ có thể thắng bằng cách tiến công...".

Chẳng thế mà ngoại trưởng Mỹ Đalet đã đánh giá: "Kế hoạch Navarre trong 2 năm tới, nếu không phải là một thắng lợi hoàn toàn thì ít nhất cũng thu được kết quả nhất định về quân sự". Còn Thủ tướng Pháp Lanien thì phấn khởi nói trên diễn đàn Quốc hội: "Kế hoạch Navarre chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mỹ cũng tán thành. Nó cho phép hy vọng đủ mọi điều".

Với bản kế hoạch này, tương lai của quân viễn chinh Pháp đang mở ra trước mắt, hứa hẹn sẽ lật ngược được thế cờ, mang lại nhiều hy vọng. Báo chí phương Tây đã tốn không ít giấy mực, dùng những từ ngữ khoa trương để ca ngợi bản kế hoạch này và tin rằng không chỉ nước Pháp mà nước Mỹ cũng sẽ thỏa mãn với chiến lược mới.

2. Vì sao Điện Biên Phủ lại có trong kế hoạch Navarre?

Trong bản kế hoạch Navarre đã được trình bày ở trên không hề có ba chữ Điện Biên Phủ. Vậy tại sao, một nơi hẻo lánh xa xôi ở góc trời Tây Bắc Việt Nam lại là nơi quyết định số phận cho quân đội Pháp ở chiến trường Đông Dương?

Đó là một nơi không hẹn trước của cả hai bên nhưng lại là một điểm hẹn tất yếu của lịch sử. Xét lại tình hình vào thời điểm đó ta sẽ nhận thấy Điện Biên Phủ là một chuỗi những logic không thể không xảy ra.

Thực ra, Điện Biên Phủ đã bị Pháp, Nhật và quân Tưởng lần lượt chiếm đóng từ lâu. Kẻ thù xâm lược đã đặt ách đô hộ tại đây với nhiều đồn bốt, lô cốt được xây dựng. Tuy nhiên từ sau chiến dịch Tây Bắc năm 1952, Điện Biên Phủ đã được giải phóng cùng với nhiều châu, huyện khác. Lúc bấy giờ người chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp là Salan cho dù không giữ được Điện Biên Phủ nhưng chưa bao giờ giấu giếm ý định chiếm lại cánh đồng lớn nhất vùng Tây Bắc này. Tuy nhiên do vấp phải các cuộc tiến công của Việt Minh trên hầu hết các chiến trường, phải chia nhỏ lực lượng để đối phó nên ông ta chưa thể đưa quân lên vùng đất hẻo lánh nhưng rất quan trọng đó.

Đầu tháng 5 năm 1953, Navarre sang Đông Dương nhận bàn giao nhiệm vụ mới, gánh vác trọng trách thay đổi lại tình hình Đông Dương. Dù không mấy vui vẻ và tin tưởng vào sự thay thế này nhưng Salan vẫn

không quên nhắc tới tầm quan trọng của Điện Biên Phủ và nguyện vọng bất thành của mình là chiếm lại địa bàn này.

Bản kế hoạch Navarre ra đời với những ưu điểm vượt trội nhưng không hề có địa bàn chiến lược Điện Biên Phủ. Một loạt các hoạt động, các cuộc hành quân được ông ta xúc tiến tại các mặt trận Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên và Nam Bộ.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953, Navarre đã điều động 22 tiểu đoàn đánh ra Tây Nam Ninh Bình với cuộc hành quân mang tên Hải Âu, trong trận đánh này có một đại đoàn do De Castries chỉ huy. Sau đó một số tiểu đoàn khác đổ bộ lên bờ biển Thanh Hóa, hoạt động chiến tranh tâm lý ở khu IV... Những cuộc hành quân trên của Navarre nhằm ngăn chặn một cuộc tấn công của đối phương vào đồng bằng Bắc Bộ.

Về phía Việt Nam, sau khi đánh giá và phân tích bản kế hoạch quân sự quan trọng của Pháp đã có những chỉ đạo để đối phó. Vào mùa khô 1953 - 1954, bộ đội chủ lực Việt Nam kết hợp với lực lượng địa phương mở những cuộc tấn công vào những hướng chiến lược nhằm giải phóng đất đai và buộc Pháp phải phân tán lực lượng cơ động để đối phó. Trên chiến trường Bắc Bộ chuyển hướng tấn công lên Tây Bắc, tiêu diệt quân đồn trú đang đóng ở Lai Châu, uy hiếp địch ở Thượng Lào, tiến đánh Trung Lào và Hạ Lào. Ở khu V, đánh Bắc Tây Nguyên để tiêu diệt sinh lực quân đối phương và bảo vệ vùng khu V một cách hiệu quả. Các chiến trường Nam bộ, Nam Trung bộ

và đồng bằng Bắc bộ cũng được đẩy mạnh với các cuộc chiến tranh du kích. Hướng chính trong giai đoạn này là Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào và Tây Nguyên.

Như vậy những tính toán để bảo vệ một số vùng chiếm đóng của Navarre đã không nhận được kết quả như mong muốn. Sự thất bại của cuộc hành binh Hải Âu làm cho Navarre bế tắc. Lúc này, bản kế hoạch của Navarre đã lộ rõ nhiều sơ hở. Mấy tiểu đoàn Pháp còn lại ở Lai Châu bị lọt thỏm giữa vùng rừng núi Tây Bắc bao la và luôn đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Mặt khác, con đường số 6 đi Hoà Bình, Sơn La, Tuần Giáo, Điện Biên Phủ đang không có vật cản, rất dễ dàng cho Việt Minh đánh chiếm mà không bị cản trở. Trước đó từ cuối tháng 7, Navarre đã có những trăn trở về việc

Tướng Gilles nhảy dù xuống Điện Biên Phủ

thiết lập những căn cứ "lục - không quân hỗn hợp" hoặc những "căn cứ trận địa" để bảo vệ trực tiếp nước Lào nhưng chưa biết đặt căn cứ đó ở đâu. Suy đi tính lại, Navarre chợt nhớ lời của Salan về cái thung lũng Điện Biên Phủ. Phải chăng Điện Biên Phủ sẽ là địa bàn chiến lược để lấp đầy những lỗ hổng trong những tính toán quân sự của vị chỉ huy này.

Dù có rất nhiều ý kiến trái ngược xung quanh vấn đề này, kế hoạch hành binh mang tên Caxstor vẫn ra đời. Theo kế hoạch, quân Pháp sẽ đánh chiếm Điện Biên Phủ bằng ba lực lượng phối hợp: từ Lai Châu đánh xuống, từ Thượng Lào đánh sang và quân dù từ trên trời nhảy thẳng xuống cánh đồng Mường Thanh.

Trong khi kế hoạch Caxstor đang được người ta đưa lên bàn để cân đong đo đếm thì vào khoảng trung tuần tháng 11, một sự kiện không được mong đợi đã đến khiến tổng hành dinh của Navarre ở Hà Nội rất bất ngờ. Phòng Nhì được tin đại đoàn 316 của đối phương hình như đã xuất quân lên hướng Tây Bắc. Một hội nghị cao cấp được triệu tập với tình thế vô cùng khẩn cấp, quyết định đánh chiếm Điện Biên Phủ được vị lãnh đạo uy lực nhất lúc này phê duyệt.

Và trong vòng ba ngày, từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 11 năm 1953, tướng Gilles đã chỉ huy những người lính của mình thực hiện ý đồ chiến lược của cấp trên.

Ngày 25 tháng 11 năm 1953, Bộ chỉ huy Pháp lại nhận được tin báo của phòng Nhì, đối phương lại tiếp tục cho 3 đại đoàn quân chủ lực là 308, 312, 351 hành

quân lên Tây Bắc. Không còn con đường nào khác là phải lập tức chiếm đóng Điện Biên Phủ, xây dựng ở đây một Tập đoàn cứ điểm mạnh, tương kế tựu kế biến Điện Biên Phủ vừa là cái chốt vừa là cái bẫy sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương nếu họ dám tấn công vào, đồng thời bảo vệ được Thượng Lào, ngăn chặn các cuộc tiến công vào đồng bằng.

Ngày 29 tháng 11 năm 1953, lần đầu lên thăm Điện Biên Phủ, viên Tổng chỉ huy Navarre đã tận mắt nhìn thấy một vị trí đặc biệt quan trọng của thung lũng này cả về quân sự và kinh tế. Điều đó càng củng cố thêm quyết tâm biến nơi đây thành một lô cốt chiến lược của quân đội Pháp. Và thế là chỉ mấy ngày sau, ngày 3 tháng 12 bản mệnh lệnh số 949 bằng giấy trắng mực đen do chính Navarre ký được chuyển đến cơ quan tham mưu và những người có liên quan về chiến lược mới của vị Tổng chỉ huy.

Navarre là một con người nhạy cảm, tỉ mỉ và khá thận trọng. Bất cứ động thái nhỏ nào của đối phương cũng khiến ông ta đau đầu, tìm cách đối phó và dường như trong suốt một thời gian dài từ khi giữ cương vị mới, đây là lần ông ta cảm thấy dễ thở nhất. Thật vậy, Điện Biên Phủ giờ đây sẽ trở thành lối thoát cho nước Pháp, hơn thế nữa đó là nơi Navarre với những tính toán quân sự của mình sẽ nghiền nát quân chủ lực đối phương. Với việc tăng cường lực lượng, biến Điện

Biên Phủ thành một Tập đoàn cứ điểm cỡ bự, buộc Việt Minh phải chấp nhận chiến đấu nếu muốn giải phóng vùng đất này, chiến trường Điện Biên Phủ đã trở thành điểm quyết chiến chiến lược nóng bỏng của cả hai bên. Nhưng Navarre đâu có ngờ rằng cái bản mệnh lệnh mà ông ta cho rằng có tính chất quyết định ấy cũng quyết định luôn số phận của ông ta chỉ không lâu sau đó. Con "chuột biển" ra đời, rồi đến "con nhím" nhưng cuối cùng chỉ còn sót lại con người. Viên tướng thứ 7 của nước Pháp cũng chính là viên tướng cuối cùng có mặt ở Đông Dương, kết thúc gần 100 năm người Pháp cai trị tại bán đảo này.

II. QUÁ TRÌNH CHIẾM ĐÓNG VÀ XÂY DỰNG TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ

Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nhất ở vùng thượng du phía Tây Bắc, sát biên giới Việt Lào, cách biên giới các nước Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan từ 150 đến 300km, cách Hà Nội gần 500km. Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và Tây Nam giáp hai tỉnh Phong Saly và Luang Prabang (Lào) với 170km đường biên giới. Điện Biên là tỉnh có chung đường biên giới với hai quốc gia Trung Quốc và Lào.

Cái tên Điện Biên Phủ (phủ Điện Biên) bắt đầu có từ năm 1841 bao gồm hầu hết đất đai tỉnh Lai Châu ngày nay. Về tên đất Điện Biên được đứng vào bậc

hay nhất trong các tên đất của nước ta. Điện là vững, Biên là biên giới. Điện Biên là "biên giới vững vàng". Một cách hiểu khác có nghĩa là "Giữ vững vàng nơi biên giới". Điện Biên có tên bằng tiếng Thái là Mường Thanh. Mường Thanh là đọc theo cách phát âm tiếng phổ thông, còn nguyên bản tiếng địa phương là Mướng Theng mà Mướng Theng cũng là từ Mướng Then mà ra. Mướng Then có nghĩa là Mường Trời. Người Thái ở đây gọi đất này là đất của trời.

Với vị trí đặc biệt, Pháp và Mỹ coi Điện Biên Phủ là ngã tư chiến lược quan trọng không những đối với chiến trường Đông Dương mà còn đối với miền Đông Nam Á. Một trục giao thông nối liền các miền biên giới Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc. Đó là "một cái chìa khóa để bảo vệ Thượng Lào", một "bàn xoay" có thể xoay đi bốn phía Việt Nam, Lào, Miến Điện và Trung Quốc. Đây cũng sẽ trở thành một căn cứ không quân, lục quân lợi hại phục vụ tối ưu cho các chính sách mà Pháp tiến hành ở Việt nam. Từ Điện Biên Phủ, quân Pháp có thể bảo vệ được Lào rồi từ đó đánh chiếm ra các vùng đã mất ở Tây Bắc trong năm 1953 - 1954 và tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của đối phương nếu họ đến đấy.

Người Pháp đã chiếm Điện Biên Phủ từ năm 1888 và nơi đây trở thành một trong bốn đạo quan binh của Pháp. Từ năm 1939 Điện Biên Phủ đã có một sân bay có khả năng được nới rộng ra một cách dễ dàng từ hai đến

ba lần. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, hàng ngàn quân Pháp đã qua con đường Lai Châu chạy sang Trung Quốc. Năm 1945, quân Nhật sau đó là quân Tưởng Giới Thạch đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Khi ta ký hiệp định sơ bộ ngày mùng 6 tháng 3 năm 1946 với Pháp, Pháp đã yêu cầu được đưa hơn 800 quân trở lại vùng này để làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tưởng.

Điện Biên Phủ có một dạng địa hình khá đặc biệt, bốn bên là núi hoặc những quả đồi nối tiếp nhau. Ở giữa có một dải đất bằng phẳng giống như một thung lũng lọt thỏm giữa trùng điệp của núi non. Dải đất bằng phẳng đó được tô đậm bởi cánh đồng Mường Thanh rộng lớn, hiếm có đã đi vào thơ ca "Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc"(1). Đây là một vựa thóc khổng lồ giữ miền rừng núi trùng điệp. Vào cuối thế kỷ 18 nhà bác học Lê Quý Đôn đã miêu tả khá tỉ mỉ về cánh đồng trù phú này trong tài liệu sử học của mình: "thế núi vòng quanh,... ruộng đất bằng phẳng, mầu mỡ... công việc làm ruộng bằng nửa các châu khác mà số hoa lợi thu hoạch gấp đôi...". Sau này, cánh đồng Mường Thanh đã trở thành nơi trọng điểm về lúa gạo của tỉnh Lai Châu.

Ngoài điểm mạnh về đồng ruộng, Điện Biên còn có nhiều ưu thế khác. Nguồn tài nguyên rừng vô cùng phong phú, đa dạng, là nguồn nguyên liệu quý giá tại chỗ. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu

(1) Bốn cánh đồng lớn: Mường Thanh (Điện Biên), Mường Lò (yên Bái), Than Uyên (Lai Châu), Mường Tấc (Sơn La)

từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô bắt đầu từ tháng 11, tháng 12 đến tháng 3, tháng 4 năm sau. Bên cạnh đó, Điện Biên Phủ còn nằm trong hệ thống sông Đà (đổ vào sông Hồng) và sông Mã. Riêng khu vực lòng chảo còn mang trong mình dòng sông Nậm Rốm (chảy vào sông Mê Kông), sau này đã trở thành dòng sông lịch sử.

Ngay khi lần đầu tiên lên thăm Điện Biên Phủ, hiện lên trước mắt Navarre là một cánh đồng bằng phẳng, rộng lớn trải dài với những vựa lúa đang độ chín vàng, nặng trĩu bông. Mường Thanh đứng đầu trong bốn cánh đồng lớn ở Tây Bắc. Lúa gạo thu hoạch được từ cánh đồng này đạt năng suất rất cao, nhiều thống kê cho thấy lương thực còn có thể nuôi sống từ 20.000 đến 25.000 người trong nhiều tháng.

Với con mắt của một nhà binh, Navarre đã nhìn thấy những ưu điểm của vùng đất này: "Đất này mà xe tăng cơ động thì tuyệt. Sân bay kia có thể sửa lại và mở rộng gấp hai ba lần. Đảo mắt lên những ngọn núi cao vút, rất xa, vây quanh lòng chảo, viên tướng thấy một không gian rộng cho phép các loại máy bay hoạt động, lên xuống dễ dàng. Những ngọn núi đó, bức thành thiên nhiên ngăn chặn không cho đối phương đặt pháo với tầm tới lòng chảo. Ôi chao! một địa bàn lý tưởng để xây dựng một căn cứ không quân, lục quân hiện đại lớn vào bậc nhất Đông Dương".

Những điều kiện thuận lợi ở mảnh đất Điện Biên Phủ chính là một trong những yếu tố chính làm cho nơi

đây được chọn để diễn ra trận đánh của thế kỷ. Sau năm 1954, cái tên Điện Biên Phủ được người ta nghĩ đến nhiều hơn, nhắc đến nhiều hơn và biết đến nhiều hơn. Lúa gạo ở Điện Biên Phủ cùng với kĩ thuật canh tác ngày càng hiện đại, sản lượng đã tăng lên rõ rệt. Thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước đã khiến hạt gạo nơi đây thơm ngon đặc biệt ít có vùng đất nào có thể sánh kịp. Vẫn là một thung lũng lòng chảo, Mường Thanh đã đi vào huyền thoại và một chiến thắng, nay cũng đã trở thành huyền thoại.

Bên cạnh đó, những tính toán của Navarre về khó khăn của Việt Minh đã khiến viên tướng này hài lòng. Việt Minh không thể mở đường lên Điện Biên Phủ bằng sức lao động thủ công nên không thể đưa pháo vào trận địa và vận chuyển cơ giới qua vùng Tây Bắc hiểm trở, nếu có thì cũng là rất ít. Cũng vì thế, vấn đề lương thực là một vấn đề nan giải đối với một lực lượng chiến đấu lên đến hàng chục vạn người.

Việt Minh không thể chịu nổi thời tiết, khí hậu khắc nghiệt ở Tây Bắc. Là những người miền xuôi, họ sẽ đau ốm, mệt mỏi không thể duy trì được sức chiến đấu liên tục. Mùa mưa tới vận tải khó, đời sống chiến hào sẽ thiếu thốn, sẽ xảy ra nạn dịch lúc đó không đánh cũng thua.

Bộ đội chủ lực Việt Nam không thể nào tiếp cận được các trung tâm đề kháng của Tập đoàn cứ điểm mà không bị thương vong và không thể nào đánh liên tục cả ngày lẫn đêm kéo dài hàng tháng trời.

Trên thực tế những gì đã diễn ra sau đó không nằm trong bất cứ sự tính toán nào của Navarre. Tướng Giáp cũng có những tính toán của mình và đó là những tính

toán của người Việt Nam trên mảnh đất mà họ được quyền làm chủ. Từ vấn đề mở đường, hậu cần, đưa pháo vào trận địa cho đến chiến thuật đánh lấn, bấn tỉa và công kiên lâu dài đã được cân nhắc kỹ lưỡng đảm bảo cho một trận đánh chắc thắng. Và rồi sau Điện Biên Phủ, Navarre trở về nước trong sự ê chề, sầu thảm, phải giải trình trước Quốc hội Pháp, còn cái tên Võ Nguyên Giáp được vinh danh trên toàn thế giới, là biểu tượng về một anh hùng dân tộc với một nhãn quan chiến lược tài tình, xuất sắc.

2. Quân đội Pháp tiến hành chiếm đóng Điện Biên Phủ

Pháp đã dự định chiếm đóng Điện Biên Phủ qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn đầu là chiếm Điện Biên Phủ bằng một cuộc hành quân không vận.

Giai đoạn hai là rút các lực lượng từ Lai Châu về Điện Biên Phủ nhưng do đặc thù của địa hình nên Pháp không thể bảo vệ được Lai Châu trước một đòn tấn công mạnh từ phía Việt Minh.

Cuộc hành quân diễn ra vào ngày 20 tháng 11 năm 1953 với việc thả 6 tiểu đoàn dù diễn ra một cách khá suôn sẻ ngoại trừ gặp phải một sự phản kháng nhỏ từ phía Việt Minh (tiểu đoàn địa phương Việt Minh) khiến một số lính dù bị thiệt mạng khi chưa kịp chạm chân xuống đất.

Từ khoảng 4 giờ 30 phút sáng, phía sau một chiếc Dakota số 356 cất cánh từ một sân bay Hà Nội mang theo các máy bộ đàm và nhiều sĩ quan cấp tướng, thăm dò để quyết định tiến hành hay hủy bỏ cuộc hành quân kinh khủng nhất của cuộc chiến tranh Đông Dương. Sau khi bay một vòng quanh thành phố, viên phi công bẻ lái quá đi 20° về phía Tây và bay với tốc độ bình thường. Khoảng 5 giờ 45 phút, trời rạng sáng những khuôn mặt dán chặt vào khung kính máy bay chúng đã phát hiện giữa dãy núi hiểm trở có một thung lũng chạy dài phía trên được bao phủ bởi lớp sương mù trắng xóa. Các tướng tá của Pháp đang quan sát những rừng cây nhiệt đới sau lớp sương mù, Tướng Gilles hỏi: "Liệu sương có tan không?" Các tướng tá nhìn nhau với vẻ ái ngại. Chiếc Dakota tiếp tục hướng cũ bay về phía biên giới Trung Quốc rồi sau đó ngoặt sang 65° về phía trái theo hướng Tây Nam để tiến về phía đồng bằng.

6 giờ 30 phút, một bức điện báo về cho Cogny: "Ở Điện Biên Phủ sương đang tan dần". Mọi ánh mắt đổ dồn về Tướng Gilles, người chỉ huy cuộc hành quân Caxstor sẽ làm lại một Nà Sản, nơi đã từng giam chân của hàng ngàn quân tinh nhuệ. Điện Biên Phủ sẽ phải nhận sự tiếp tế duy nhất bằng cầu hàng không. Ngoài ra nó còn cách căn cứ hậu phương gấp đôi so với Nà Sản. Tướng Gilles sẽ ném quân của mình xuống giúp quân đội bám trụ lại Điện Biên Phủ và sẽ nhường chỗ cho ai đó! Vì sức khỏe của ông bắt đầu có vấn đề. Đợi cho sương tan thì máy bay hạ thấp độ cao rồi hạ cánh.

Quân Pháp nhảy dù xuống cánh đồng Mường Thanh.

Đến 8 giờ 15 phút các phi đội cất cánh. Khoảng 60 chiếc Dakota lần lượt cất cánh thành từng tốp, bay thành một đoàn dài chừng 10km. Trên mỗi chiếc máy bay có chở những tên lính dù với trang phục và mũ chiến đấu, sẵn sàng làm nhiệm vụ. Lúc này lòng chảo Điện Biên Phủ đang là mùa thu hoạch vụ chiêm.

Khoảng 10 giờ 35 phút, những chiếc Dakota đã vượt qua những đỉnh núi cao và thả gần 3.000 lính dù xuống hai khu vực được chỉ định là Natacha (nằm ở phía Tây Bắc của lòng chảo Điện Biên), gồm 1 đại đội công binh và 6 tiểu đoàn lính dù do Tướng Brechignac chỉ huy cách đó 5km là khu vực thứ hai có tên là Simone (nằm ở phía Nam) có tiểu đoàn II/R.C.P số 1 của Brechignac. Trên điểm Simone tiểu đoàn Brechignac đã dàn quân trên một vùng

đất rộng hoang vắng nằm ngăn giữa một bên là sông Nậm Rốm bên kia là những triền dốc phía Đông trong địa phận của Hồng Cúm. Do thông tin chuyển đi không chính xác nên quân Pháp đã nhảy dù xa so với vị trí xác định ban đầu do đó đã không gặp phải bất kỳ sự phản kháng nào từ phía đối phương. Còn tại Natacha cách chỗ quân Pháp nhảy dù 500m về phía Tây binh lính Pháp đã đối đầu với sự phản ứng từ phía Việt Minh khá dữ dội. Các đại đội của tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 truy kích ngay khi chưa chạm đất, rất nhiều lính dù bị bắn và bị thương khi đang nhảy dù. Một trận mưa dù đã phủ trắng thung lũng Mường Thanh, những tên lính dù được thả xuống cánh đồng và mau chóng tập kết thành từng toán di chuyển trên cánh đồng. Tại Hà Nội, Cogny cũng lên máy bay Dakota để đến Điện Biên Phủ. Những chiếc Dakota đã quay trở lại Hà Nội và tiếp tục đưa tiểu đoàn dù số 1 thả xuống Natacha.

Ngay hôm sau, cùng với đợt nhảy dù buổi sáng, Tướng Gilles đã hạ cánh xuống Natacha cùng lúc với trung tá Langlais, người đã nhận được quyền chỉ huy binh đoàn. Chỉ sau 3 ngày từ 20 đến 22 tháng 11 sáu tiểu đoàn dù, khoảng 4.500 lính đã được ném xuống Điện Biên Phủ.

Trong vòng 10 ngày (từ 23 tháng 11 đến 3 tháng 12 năm 1953), quân đội Pháp đã thả hàng ngàn chiếc dù hàng với đủ loại vũ khí phương tiện cung cấp cho chiến trường Điện Biên Phủ. Những cuộn dây thép gai, phuy ét xăng, đạn dược, thực phẩm những khối đạn pháo và phương tiện đủ loại được thả xuống Điện Biên Phủ. Chỉ

trong một thời gian ngắn sân bay Mường Thanh đã được tu sửa lại. Ngày 25 tháng 11 chiếc Dakota đầu tiên đã hạ cánh xuống Điện Biên Phủ.

Sau khi cân nhắc kỹ vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ, ngày 3 tháng 12 năm 1953, NaVa đã quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một Tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương, hình thành 3 phân khu, chia thành 8 cụm với 49 cứ điểm kiên cố.

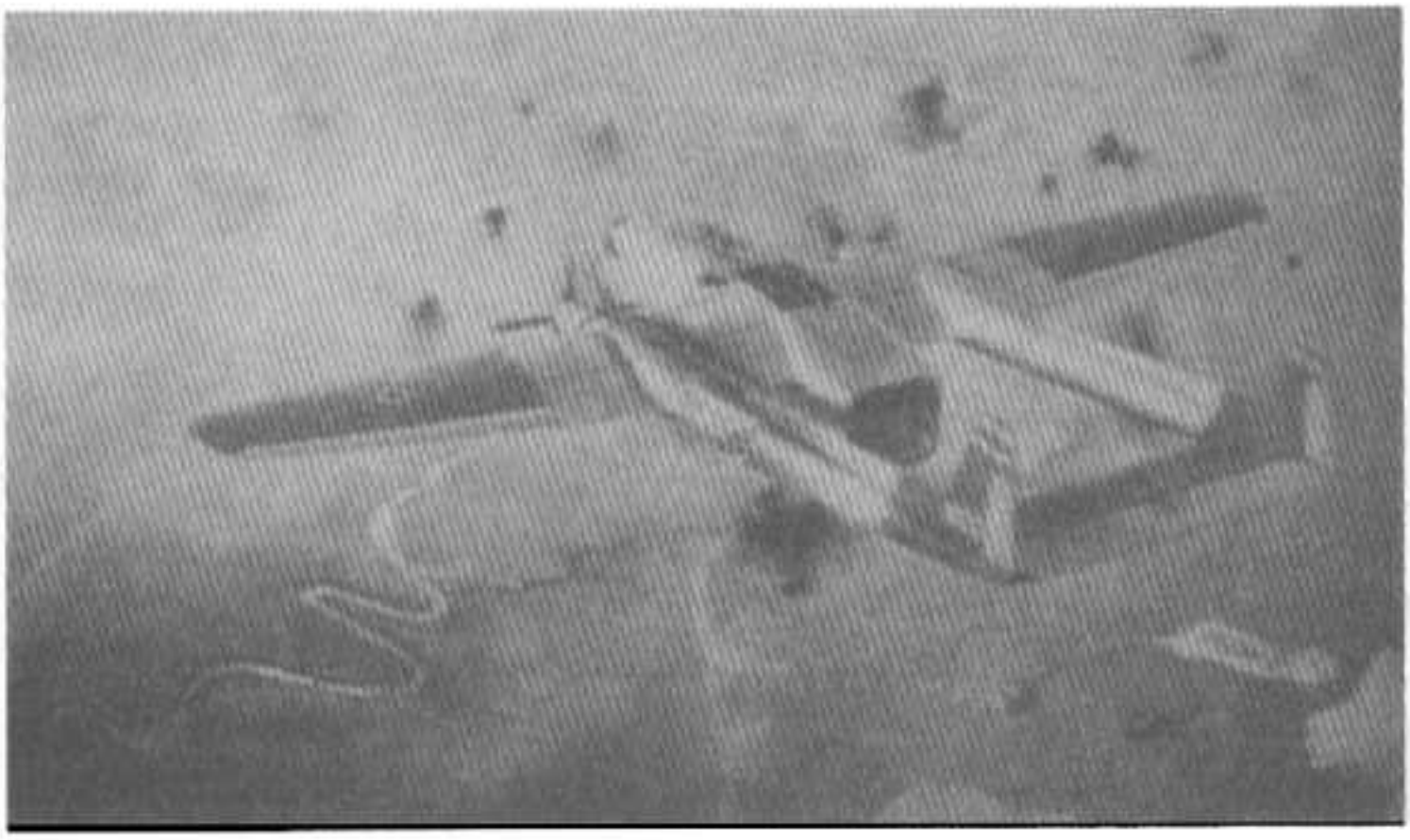

Chiếc máy bay Dakota đang thả lính dù xuống lòng chảo Điện Biên Phủ.

Việc tiến hành chiếm đóng Điện Biên Phủ của quân đội Pháp là giai đoạn chuẩn bị của một trận đánh lớn. Nước Pháp trông chờ vào trận đánh này. Người Mỹ hy vọng vào một kết thúc có lợi. Và dân tộc Việt Nam đặt niềm tin vào một chiến thắng. Điện Biên Phủ từ sau cái

ngày mà người Pháp nhảy dù xuống đã trở thành tâm điểm của thế giới ở một góc độ nào đấy. Hơn một nửa trong số đó có cùng chí hướng với Việt Nam. Số ít đứng về phía Pháp, Mỹ. Số còn lại không quan tâm hoặc biết chút ít tin tức. Cho dù là phía nào, ngày 7 tháng 5 năm 1954 cũng đã làm thay đổi thế giới, đi vào bài học lịch sử của bất cứ quốc gia nào về sự sụp đổ dần dần của chế độ thực dân.

3. Lý do Navarre chọn De Castries chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Việc nhảy dù và chiếm đóng Điện Biên Phủ của Pháp khá thuận lợi, không gặp trở ngại gì ngoài việc tướng Gilles, sau khi hoàn tất nhiệm vụ đưa quân dù xuống đã đề nghị người thay thế vai trò Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm quan trọng này. Sau này rất nhiều bài báo, cuốn sách bình luận về sự thoái thác của Gilles. Người trong cuộc với những lý lẽ đơn giản và hợp lý, sức khỏe không tốt và nhiệm vụ không phù hợp với một lính dù. Lời đề nghị đã được tướng Navarre chuẩn y. Navarre và Cogny, tư lệnh Bắc Việt Nam được quyền lựa chọn một ai đó có đủ khả năng làm Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngày 29 tháng 11 năm 1953 trên chuyến máy bay từ Hà Nội lên Điện Biên Phủ để kiểm tra, Navarre và Cogny đã có cuộc trao đổi về việc tìm một người có khả năng đảm trách một nhiệm vụ quan trọng có tính chất quyết định này.

Từ trước đó cả hai đã có những dự kiến về việc tìm người thay thế. Đã có những ý kiến về người phù hợp nhất với nhiệm vụ này. Cuộc đối thoại trên máy bay chỉ là để thống nhất trong sự hài lòng của cả hai. Và đây có thể nói là một trong số ít những điểm chung hiếm hoi của hai vị tướng này.

Với Navarre: "De Castries, một kỵ binh sẽ được đánh giá cao ở Điện Biên Phủ. Tình thế ở đó rất biến động. Chúng ta cần có ở đó một con người năng động và đẩy lùi quân Việt Minh. Đó cũng là ứng viên của tôi". Tiếp đó Navarre nói với Cogny: "Anh có thể chỉ định De Castries lúc nào tùy ý".

Cogny đáp lại: "Thưa tướng quân, tôi muốn là tự tướng quân thông báo cho ông ấy". Ý kiến của Cogny cũng cho rằng: "Vanuxem, một trong số tướng lĩnh của De lattre vốn đã nổi tiếng là một chỉ huy binh đoàn cơ động nhưng lại là người không thật biết tiết kiệm quân số. De Castries, người vừa cùng với Vanuxem tốt nghiệp Học viện Quân sự cao cấp, đã biết sử dụng các đơn vị thiết giáp của mình ở vùng đồng bằng và nắm vững kiểu chiến tranh mà người ta tiến hành ở đó". Cogny vừa nói vừa đưa chiếc "can"[(1)] chỉ vào một địa giới rộng lớn của khu lòng chảo Điện Biên Phủ để tranh thủ một lời tán đồng, rồi nói tiếp "ông ta có thể phi nước đại ở trong đó".

Navarre đã biết con người này từ 20 năm trước khi De Castries còn là trung úy dưới quyền với cương vị

(1) Gậy pa toong.

quản trị trưởng đại đội, là thiếu úy khi anh ta là đại đội trưởng của đơn vị thiết giáp số 16 ở Saint Germain và sau này là chỉ huy phân đội thiết giáp của tập đoàn quân số một. Năm 1944, khi Navarre giữ chức chỉ huy trung đoàn Ma Rốc số 3 thì De Castries là tiểu đoàn trưởng bộ binh cơ giới thuộc quân đoàn thứ nhất của tướng De Gaulle.

Ngày 30 tháng 11 năm 1953, Navarre gặp lại De Castries trên vùng cửa sông Hồng thuộc tỉnh Thái Bình. Navarre đã không ngại thể hiện rõ niềm vui khi gặp được De Castries ở đây. Không ngần ngại, vị Chỉ huy này đã bổ nhiệm vị trí quan trọng ở Điện Biên Phủ cho cấp dưới của mình đó là Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm. De Castries không biểu lộ niềm vui, tuy nhiên những hứa hẹn về một ngôi sao cấp tướng mà họ hứa sẽ trao khi mùa xuân tới làm ông ta khá hài lòng.

Navarre nói với De Castries: "Gilles muốn tái diễn lại Nà Sản, tôi không nhất trí với cách ấy. Điện Biên phủ phải trở thành một căn cứ tấn công. Chính vì vậy mà tôi đã chọn anh". Để thuyết phục hoàn toàn De Castries, Cogny nói thêm: "Ở đó cần một kỵ binh vùng núi. Anh sẽ là người kỵ binh đó và anh xây dựng lâu đài chiến thắng trong những không gian rộng lớn của vùng thượng du".

Vậy De Castries là con người thế nào mà được cả hai viên tướng giữ chức vụ lớn của quân đội viễn chinh Pháp tin cậy như vậy? Theo Navarre, De Castries là một sĩ quan nổi bật, bị chê trách nhưng có thể nói chuyện được, thái độ thường khinh khỉnh nhưng là một kỵ binh

đáng khen ngợi, có năng khiếu chiến trận. Dưới thời của Napoléon, De Castries hẳn sẽ là Lassalle, viên tướng tiên phong ưu tú của đạo quân lớn. Y vốn là người chỉ huy đi đầu của Navarre trong mọi công việc và sẽ làm việc tuyệt vời với những chiếc xe thiết giáp được tháo rời từng bộ phận để chuyển tới Điện Biên Phủ. De Castries sẽ dùng hỏa lực của các khẩu đại bác và vũ khí tự động để quét sạch đối phương nếu như Việt Minh mạo hiểm bước vào đó.

Nhìn vào bản tiểu sử chi tiết và cái tên quý tộc dài dằng dặc của De Castries, trong giới sĩ quan Pháp cũng nhận thấy việc De Castries được bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là điều "rất hợp lý". Rõ ràng mọi người đã tin tưởng tuyệt đối vào viên Chỉ huy Tập đoàn cứ điểm quan trọng bậc nhất Đông Dương vì ông ta hội tụ đủ những yếu tố mà người Pháp cần lúc này: một sĩ quan kỵ binh, biết sử dụng xe tăng, xe thiết giáp, sẽ "vừa biết phòng ngự vừa biết tiến công khi cần thiết".

Có rất nhiều câu hỏi đối với Tổng tư lệnh Navarre về việc chọn một sĩ quan thiết giáp trong khi thông thường Chỉ huy Tập đoàn cứ điểm phải là sĩ quan bộ binh. Câu trả lời thỏa đáng của Navarre khiến niềm tin đối với De Castries tăng lên một cách rõ rệt. "Sự phân biệt giữa "bộ binh" và "thiết giáp" là một khái niệm cũ kỹ và lỗi thời. Đặc biệt là với Đại tá De Castries, điều kiện chiến đấu của ông ở Ý, Pháp, Đức và hai lần phục hồi ở Bắc Bộ đã

rèn luyện ông thành một "lính bộ binh" hoàn toàn có giá trị. Vả lại trong các "lính bộ binh" lúc này có mặt ở Đông Dương không ai là người có kinh nghiệm bằng De Castries về kiểu chiến tranh sắp diễn ra ở Điện Biên Phủ, một kiểu chiến tranh trận địa mang dáng dấp của chiến tranh năm 1914 - 1918".

Ở một góc độ khác, có nhiều ý kiến thể hiện sự ái ngại về hàm Đại tá của De Castries mà đáng lẽ nếu giao cho một sĩ quan cấp tướng sẽ hợp lý hơn? Navarre cũng không ngần ngại mà trả lời rằng: "Ở Đông Dương rất thiếu cấp tướng nên việc một đại tá đảm nhiệm công việc của một thiếu tướng cũng là bình thường. Vả lại cả tôi và Cogny đều không trông lon mà xét người nên cũng chẳng sùng bái gì mấy ngôi sao cấp tướng lắm. Tôi khẳng định: Trong số các chỉ huy được lựa chọn, không ai có thể làm giỏi hơn De Castries được".

Ngày 30 tháng 11 năm 1953, De Castries được bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chín ngày sau đó ông ta có mặt ở thung lũng Mường Thanh, chính thức trở thành Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, để rồi gần năm tháng trên cương vị mới chỉ kém một ngày vào ngày 7 tháng 5 năm 1954, De Castries đã phải cúi đầu giữa hai hàng họng súng, theo lệnh của những người lính áo xanh ra khỏi hầm chỉ huy, chính thức trở thành tù binh của Quân đội Việt Minh.

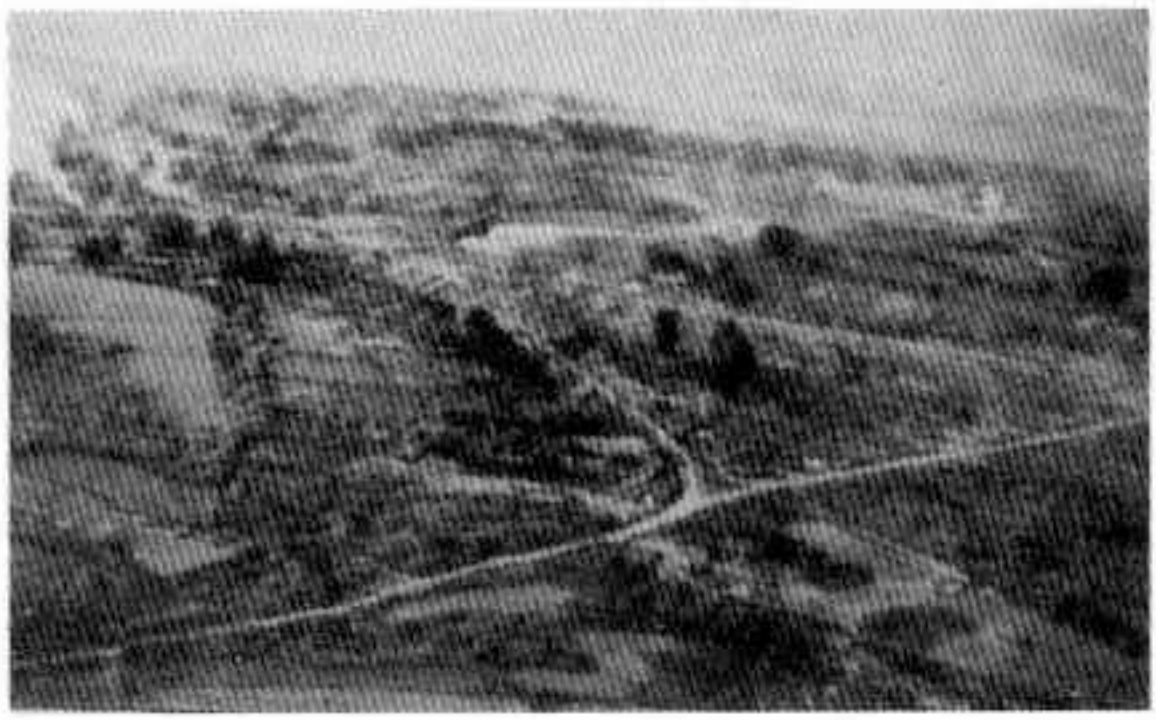

Thung lũng Điện Biên Phủ trước khi quân Pháp chiếm đóng

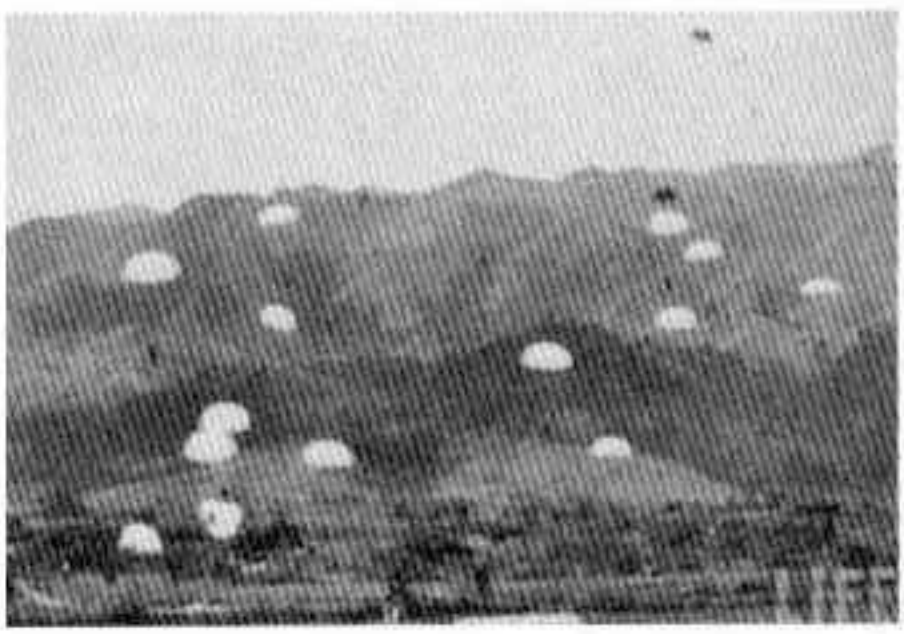

Những cơn mưa dù của thực dân Pháp nhảy xuống cánh đồng Mường Thanh

** Thiếu tá Bi-gia, chỉ huy tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 vừa nhảy dù xuống Điện Biên Phủ*

4. Quân đội Pháp xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Ném quân dù xuống Điện Biên Phủ, hạ quyết tâm xây dựng một trận địa lợi hại tại đây cho thấy ngày càng rõ ý đồ thôn tính Việt Nam một cách mãnh liệt của Navarre. Đầu tháng 12 năm 1953, những công trình hiện đại đã bắt đầu mọc lên ở thung lũng lòng chảo. Lần đầu tiên hơn 21.000 dân cư ngụ tại mảnh đất này được chứng kiến một công trình lạ lẫm đến vậy.

Tướng Navarre, tướng Cogny và De Castries họp bàn kế hoạch xây dựng trận địa và phòng thủ Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Hàng trăm lượt máy bay, xe tăng, xe ủi đất và hàng trăm pháo lớn các loại, hàng ngàn tấn bom đạn và phương tiện chiến tranh cùng quân tinh nhuệ được huy động để chiếm đóng Điện Biên Phủ. Quân Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành một Tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh, một "pháo đài không thể công phá", một "cối xay thịt" có

thể nghiền nát bộ đội chủ lực của đối phương. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có tổng cộng 49 cứ điểm và mỗi cứ điểm đều có khả năng phòng ngự riêng biệt. Nhiều cứ điểm nằm sát cạnh nhau tạo thành cụm cứ điểm, bao gồm 8 cụm cứ điểm yểm trợ lẫn nhau theo kiểu "phòng ngự liên hoàn" với những "trung tâm đề kháng phức hợp", có lực lượng cơ động và hỏa lực riêng, có hệ thống công sự vững chắc xung quanh có hàng rào dây thép gai dày đặc và có khả năng phòng ngự độc lập. Những cụm cứ điểm này được gọi theo thứ tự A, B, C... căn cứ vào thời gian hoàn thành việc xây dựng. Mỗi cụm cứ điểm mang tên của một thiếu nữ đẹp nước Pháp:

1. Annơ Mari (Anne Marie) - gồm 4 cứ điểm Anne Marie 1 và 2 nằm trên 2 mỏm của đồi Bản Kéo. Anne Marie 3 và 4 nằm ở phía Bắc sân bay Mường Thanh liền kề với phân khu Trung tâm, sau này được sát nhập vào phân khu Trung tâm.

2. Bêatrixơ (Béatrice) - tức đồi Him Lam cách phân khu Trung tâm 2,5km.

3. Clôđin (Claudine) - gồm những cứ điểm nằm ở phía Nam sân bay, hữu ngạn sông Nậm Rốm.

4. Đôminích (Dominique) - gồm những cứ điểm ở phía Đông sân bay, tả ngạn sông Nậm Rốm.

5. Êlian (Éliane) - gồm những cứ điểm nằm ở phía Đông phân khu Trung tâm, tả ngạn sông Nậm Rốm.

6. Gabrien (Gabrielle) - tức đồi Độc Lập cách phân khu Trung tâm 4km.

7. Huyghet (Huguette) - gồm một số cứ điểm nằm ở phía Tây sân bay, hữu ngạn sông Nậm Rốm.

8. Idaben (Isabella) - gồm các cứ điểm phía Nam sân bay Hồng Cúm.

Mỗi cụm cứ điểm là một hệ thống hỏa lực nhiều tầng, có chiến hào ngang dọc. Một số cứ điểm còn có hầm ngầm. Hàng rào dây thép gai bao quanh các cứ điểm dày từ 50 đến 200 mét. Ngoài ra còn có các bãi mìn dày đặc và hàng rào điện sát mặt đất.

Tám cụm cứ điểm này được tổ chức thành ba phân khu, mỗi phân khu đều có chức năng và nhiệm vụ riêng.

Phân khu Trung tâm là phân khu quan trọng nhất bao gồm bốn cụm cứ điểm: Huguette, Claudine, Éliane, và Dominique, lấy trận địa trung tâm nằm giữa thung lũng Mường Thanh, có cơ quan chỉ huy Tập đoàn cứ điểm GONO, trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, phía Đông phân khu có cả một hệ thống cao điểm rất lợi hại, đặc biệt là những ngọn đồi A1, C1, C2, D1, E1, những cao điểm này giữ vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ phân khu.

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, De Castries chính thức thay tướng Gilles ở Điện Biên Phủ. Vừa nhận chức xong, De Castries bắt tay ngay vào việc mở rộng và củng cố Điện Biên Phủ theo chỉ thị của Navarre. Từ đó trở đi, "con nhím" Điện Biên Phủ lớn lên rất nhanh, mỗi ngày một mạnh hơn, một phức tạp hơn và mật danh Caxstor trước đây để chỉ Điện Biên Phủ nay được đổi là binh đoàn tác chiến ở Tây Bắc, gọi tắt là "PC.GONO".

Một đại đội công binh được giao nhiệm vụ xây ngay những căn hầm quan trọng. De Castries tự tay ký chỉ

thị quy định kích thước cụ thể cho những căn hầm chứa người và chứa các vật liệu quý. Điều kiện là hầm phải chịu nổi đạn cối 120mm. Máy lọc nước và phân phối nước, máy phát điện cũng được đặt gấp. Công việc xây dựng diễn ra tấp nập trên khắp Tập đoàn cứ điểm:

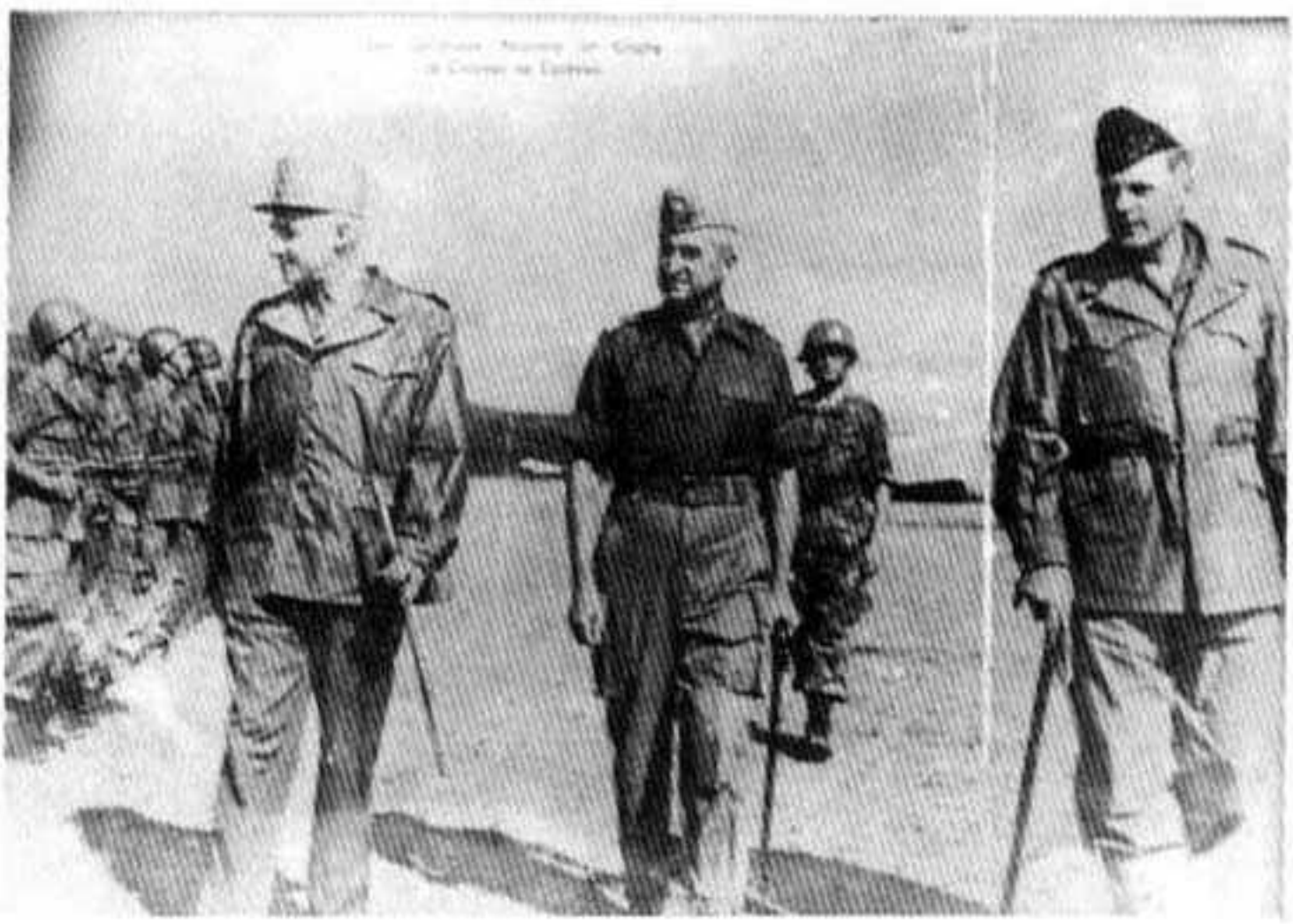

Tướng Navarre, Cogny trực tiếp lên Điện Biên Phủ kiểm tra kế hoạch phòng thủ của tướng De Castries năm 1953

Cứ điểm A1 (Élian 2): Được xác định là "cái cuống họng" đối với Sở chỉ huy trung tâm, A1 có ý nghĩa quyết định đến sự tồn vong của cả Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Bởi vậy cứ điểm A1 được tướng De Castries bố trí một lực lượng quân đặc biệt tinh nhuệ là Tiểu đoàn 1 trung đoàn số 4 bộ binh Ma Rốc. Trong quá trình diễn ra trận đánh lần lượt thay thế các đơn vị: Tiểu đoàn 1

bán lữ đoàn Lê dương số 13. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 6. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 1. Ngoài ra còn sử dụng 3 tiểu đoàn khác làm lực lượng phản kích. Lực lượng trấn giữ cứ điểm A1 được phân thành 3 tuyến: Tuyến 1, tuyến phòng ngự chủ yếu phía ngoài, bố trí các phân đội bộ binh, quân dù: tuyến 2 (tuyến giữa) làm nhiệm vụ ngăn chặn, bố trí các phân đội hỏa lực: Súng cối, DKZ, trọng liên; tuyến 3 (tuyến cố thủ) có cơ quan chỉ huy cứ điểm, có hầm ngầm kiên cố. Tất cả các tuyến đều có giao thông hào, lô cốt, ụ súng kiên cố và đặc biệt thuận tiện trong việc hỗ trợ, chi viện giữa các tuyến. Ngoài cùng bố trí 5 lớp hàng rào dây thép gai dày hơn 100m với nhiều loại mìn dày đặc... Có thể nói đây là một cứ điểm mạnh, sẵn sàng nghiền nát mọi lực lượng của đối phương.

Cứ điểm C1 (Élian1): Cứ điểm này được nối tiếp với cứ điểm A1. Quân Pháp bố trí tiểu đoàn 1 trung đoàn bộ binh Ma Rốc số 4 trấn giữ: ngoài ra còn được sự hỗ trợ của tiểu đoàn dù thuộc địa số 6. tiểu đoàn dù Ngụy số 5 và một đại đội của tiểu đoàn dù xung kích số 8 tất cả đều đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của BiGia, Chỉ huy phó phân khu trung tâm.

Về bố phòng, xây dựng các trận địa phòng ngự kiên cố với hệ thống giao thông hào, công sự vững chắc ngoài ra còn có tới 7 lớp hàng rào dây thép gai với đủ các loại hình thù như mái nhà đơn, mái nhà kép, hình lò xo, hình cũi lợn xen kẽ vào đó là bãi mìn dày đặc và xây dựng một số các đường hào nối C1 với C2, A1, D1... để dễ dàng yểm trợ cho nhau khi bị tiến công.

Lính công binh Pháp được giao nhiệm vụ xây dựng hầm hào ở Điện Biên Phủ

Cứ điểm C2 (Élian 4): Đồi C2 khá rộng nối với C1 bằng một yên ngựa, sườn đồi phía trong thoai thoải đổ xuống đường 41 rất tiện cho quân Pháp cơ động lên phản kích. Quân Pháp bố trí ở đây hệ thống hầm hào, lô cốt, ụ súng khá kiên cố phía ngoài được bao bọc bởi rất nhiều lớp rào thép gai và bãi mìn. Đơn vị chốt giữ là tiểu đoàn dù thuộc địa số 5 và trung đoàn Ma Rốc số 4.

Cứ điểm D1 (Dominique 2): Được bố trí ngoài cùng gồm 3 lớp hàng rào dây thép gai với đủ các hình thù được liên kết với nhau có độ dày từ 40m đến 60m xen kẽ là các bãi mìn dày đặc. Kế tiếp là tuyến hào lộ thiên sâu 1,5m rộng 1m từ tuyến hào này Pháp cho đào những tuyến hào nhỏ ăn thông với tuyến hào 2 và phát triển ra 3 cứ điểm nằm trên 3 quả đồi (D1, D2, D3). Sau tuyến hào lộ thiên

là chướng ngại vật với lớp hàng rào hình lò xo và các bãi mìn. Chiến hào này sâu 1,7m rộng 1m trên hào được bố trí nhiều ụ súng máy để bảo vệ Chỉ huy sở. Tiểu đoàn 3 trung đoàn Algérie rất thiện chiến được giao nhiệm vụ trấn giữ cứ điểm này.

Cứ điểm E1(Dominique 1): Là sự có mặt của Trung đoàn 3 Angiêri. Đây là một trong những đơn vị Âu Phi thiện chiến, dưới chân đồi là một trận địa pháo gồm 4 khẩu pháo 105 mm, được bố trí thành cụm hỏa lực mạnh, sẵn sàng chi viện cho các mũi phản kích nhằm ngăn chặn các mũi tấn công của ta. Cũng như nhiều vị trí khác, xung quanh đồi E1 là những lớp rào dây thép gai và đủ các loại mìn khác nhau cùng với một hệ thống hỏa lực nhiều tầng để bảo vệ.

Có thể nói 5 cứ điểm A1, C1, C2, D1, E1 nằm trên 5 ngọn đồi trong hệ thống phòng ngự liên hoàn phía Đông của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ tạo thành tấm lá chắn thép che chở cho Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm.

Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - PC.GONO (Hầm De Castries) được đặt ở vị trí trung tâm lòng chảo Điện Biên Phủ, cách cứ điểm A1 về phía Tây chừng 500m theo đường chim bay; cách cầu Mường Thanh khoảng 300m về phía Tây Nam. Hầm được thiết kế và xây dựng bằng các vật liệu chắc chắn đủ sức chịu đựng sự công phá của các loại hỏa lực của đối phương. Nóc hầm lợp những tấm tôn hình vòm, trên xếp nhiều lượt bao cát và những cây gỗ lớn. Trần hầm bằng các tấm thép lá ghép liền nhau. Hầm sâu 2m, rộng 8m và dài 20m,

có 4 ngăn. Xung quanh hầm và các vách ngăn là một dây thùng phi chứa đầy cát. Hầm có hai cửa thông sang các hầm lân cận. Bên ngoài hầm có hàng rào dây thép gai và những bãi mìn dày đặc chỉ chừa lại một lối nhỏ vào hầm theo hình chữ chi. Phía ngoài hàng rào có 4 xe tăng thường trực ở bốn hướng được coi như 4 lô cốt di động luôn sẵn sàng nhả đạn tiêu diệt các mục tiêu của đối phương ngay khi vừa xuất hiện. Bảo vệ vòng ngoài của sở chỉ huy là 4 cụm cứ điểm: Dominique, Claudine ở phía Tây; Huguette, Anne Marie, Gabrielle ở phía Tây Bắc; Isabelle ở phía Nam. Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là cơ quan đầu não, là trái tim, linh hồn và sự sống của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Vì vậy đây là một cứ điểm được xây dựng kiên cố nhất và được bảo vệ vững chắc nhất đối với quân Pháp lúc bấy giờ.

Địch xây dựng trận địa, hầm hào ở Điện Biên Phủ.

Sân bay cũng nhanh chóng được sửa lại cho tốt hơn, đường băng được lát thêm những tấm ghi sắt và được coi là dạ dày của cả Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và được nối liền với hậu phương của Quân đội viễn chinh Pháp ở Hà Nội bằng một cầu hàng không duy nhất. Hằng ngày có đến năm, sáu chục chuyến Dakota thả xuống khoảng 150 tấn hàng. Mức hoạt động của máy bay có khi lên đến 200 chuyến một ngày, mọi thứ đều phải nhờ máy bay chuyển đến tận nơi hoặc thả xuống pháo, đạn, thuốc men, dây thép gai. lương thực, thậm chí cả nước đá, rau tươi và nhiều thứ khác.

Ngày 18 tháng 12 năm 1953, chiếc xe tăng đầu tiên được tháo rời ra thành nhiều bộ phận và thả dù xuống Điện Biên Phủ. Đó là loại xe tăng M.24 Chaffee. De Castries cho lập ở Điện Biên Phủ một kíp công binh lắp ráp, cứ ba đến bốn ngày sẽ lắp xong một xe. Pháo hạng nặng cũng được chở lên, thả xuống và lắp ráp tương tự.

Về hỏa lực pháo binh được bố trí thành hai căn cứ có thể phối hợp yểm hộ cho tất cả các cứ điểm. Căn cứ thứ nhất ở Mường Thanh gồm một tiểu đoàn pháo 105mm, một đại đội pháo 155mm và 16 khẩu cối 120mm. Căn cứ thứ hai ở Hồng Cúm có một tiểu đoàn pháo 105mm.

Mặt đất xung quanh mỗi cứ điểm không còn một thứ cây cỏ gì ngoài một loại "cây leo bằng kim loại" chằng chịt đang sinh sôi nảy nở mỗi ngày. đó là dây thép gai.

Hỏa lực của mỗi cứ điểm thường có: 4 khẩu súng đại liên, 40 đến 45 khẩu súng tiểu liên, 9 khẩu súng trung liên, 9 khẩu súng phóng lựu đạn. 2 khẩu súng cối 60mm và 1 khẩu pháo không giật 57mm. Ở những cứ điểm quan trọng, quân số được tăng thêm thì vũ khí cũng được tăng thêm

tùy theo sự cần thiết. Đặc biệt còn có thêm vũ khí mới như súng phun lửa, các phương tiện chống đạn khói và súng hồng ngoại để bắn vào ban đêm mà không cần đèn.

Với hai phần ba lực lượng quân địch (8 tiểu đoàn trong đó 5 tiểu đoàn chiếm đóng và 3 tiểu đoàn cơ động) cùng với trên 30 cứ điểm liên kết với nhau thành một khối rắn chắc quanh sân bay và dãy đồi ở phía Đông phân khu Trung tâm sẽ trở thành nơi quyết định thành bại của trận đánh.

Nằm cách trận địa trung tâm từ 2 - 3 km về phía Bắc và Đông Bắc là phân khu Bắc, gồm các cụm cứ điểm Him Lam (Béatrice), Độc Lập (Gabrielle) và Bản Kéo (Anne Marie). Him Lam cùng với Độc Lập, Bản Kéo hình thành một tuyến cứ điểm vành ngoài, che chở cho Tập đoàn cứ điểm ở cả 3 phía Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc, ngăn chặn quân đối phương từ 3 hướng tiến vào trung tâm đề kháng Điện Biên Phủ.

Cứ điểm Him Lam (Béatrice) nằm trên đường 41 (nay là đường 279) cạnh một bản nhỏ, giữ nhiệm vụ chủ yếu ngăn chặn bộ đội chủ lực Việt Nam từ phía Tuần Giáo vào Điện Biên. Đây cũng đồng thời là đài quan sát nhằm phát hiện lực lượng quân đối phương cho Sở chỉ huy. Khi cần thiết pháo binh ở trung tâm Mường Thanh sẽ kết hợp với máy bay bắn phá, oanh tạc các vị trí của Việt Minh từ xa.

Him Lam gồm 3 cứ điểm nhỏ nằm trên 5 quả đồi cao từ 45m đến 50m so với mặt đường. Mỗi cứ điểm cách nhau từ 200m đến 300m, hình thành một thế tam giác tựa lưng vào nhau, có thể chống đỡ với đối phương từ cả bốn phía.

Xung quanh cụm cứ điểm được bố trí công sự phụ dày đặc. Những bãi mìn đủ loại, mìn nhựa, mìn nhảy, mìn napan, mìn sáng, mìn điện nằm xen kẽ giữa lớp hàng rào dây thép gai dày tới 50m đến 60m, có chỗ rộng tới 100m đến 200m. Ngoài ra còn có nhiều tầng chiến hào nối liền với các lô cốt, với các ụ súng hình thành những điểm tựa vòng tròn, hỏa lực của các cứ điểm khá mạnh, bố trí thành nhiều tầng. Ngoài trung liên, đại liên còn có trọng liên, pháo không giật, súng phun lửa, Bazoka, súng cối và súng bắn thẳng có kính ngắm ban đêm. Trung liên đặt ở vòng ngoài kiểm soát sát mặt đất. Đại liên và trọng liên ở trên cao kiểm soát xa. Súng cối, súng không giật ở trong cùng, đặt gần Sở chỉ huy. Súng phun lửa bố trí ở những hướng dự đoán quân Việt Minh sẽ đột phá vào. Pháp còn bố trí những ụ vệ tinh ở ngoài hàng rào dây thép gai tạo thành những hỏa điểm bí mật, bắn lướt sườn để gây sát thương quân đối phương khi tấn công vào cứ điểm.

Lực lượng nhận nhiệm vụ chiếm giữ cứ điểm Him Lam được giao cho tiểu đoàn Lê dương tăng cường thuộc bán lữ đoàn Lê dương số 13. Bán lữ đoàn Lê dương số 13 là một trong những đơn vị thiện chiến và tinh nhuệ nhất lúc bấy giờ.

Với lực lượng phòng ngự chắc chắn, lại ỷ vào trang bị, vũ khí hiện đại nên Pháp đã lớn tiếng tuyên bố Him Lam là một pháo đài rất mạnh, một "cánh cửa thép" của Tập đoàn cứ điểm "bất khả xâm phạm" Điện Biên Phủ.

Cứ điểm Độc Lập (Gabrielle) được xây dựng là một trong những trung tâm đề kháng kiên cố. Cứ điểm này nằm trên một quả đồi dài 700m, rộng 150m, nằm cách

trung tâm Mường Thanh 4km, xung quanh đồi cây cối bị phạt tận gốc thay vào đó là nhiều hàng rào dây thép gai từ bùng nhùng đến kiểu cũi lợn dày đặc từ ngoài vào trong. Cứ điểm Độc Lập do tiểu đoàn 5 trung đoàn 7 Algérie và một đại đội Ngụy Thái phòng ngự. Vị trí đồi Độc Lập có nhiệm vụ án ngữ và ngăn chặn các cuộc tiến công của quân đối phương từ phía Bắc theo đường Lai Châu vào Điện Biên Phủ.

Tại cứ điểm này, De Castries đã cho xây dựng một trận địa phòng ngự kiên cố với hệ thống công sự phụ khá mạnh. Ngoài hỏa lực của tiểu đoàn, trung tâm đề kháng Gabrielle còn được tăng cường 4 khẩu súng cối 120mm và pháo binh từ Mường Thanh, Hồng Cúm chi viện nhằm ngăn chặn sự tiến công từ phía Bắc theo đường Lai Châu vào Điện Biên Phủ. Lương thực thì dồi dào đủ có thể chống đỡ được 4 ngày, bên cạnh đó còn có Trung đoàn pháo binh thuộc địa số 4 hỗ trợ. Đồi Độc Lập với địa thế lý tưởng, lực lượng mạnh và đặc biệt tinh nhuệ, khiến cho người Pháp vô cùng yên tâm.

Nằm ở phía Tây Bắc lòng chảo Điện Biên, có nhiệm vụ bảo vệ trận địa trung tâm và mở rộng vùng trời an toàn cho sân bay Mường Thanh là cứ điểm Bản Kéo (Anne Marie). Chiếm giữ cứ điểm này là tiểu đoàn Ngụy Thái số 3. Xung quanh cứ điểm bố trí hệ thống công sự phụ dày đặc. Những lớp hàng rào dây thép gai với đủ các loại hình thù như: hình mái nhà đơn, mái nhà kép, hình lò xo, hình cũi lợn xen kẽ là những bãi mìn dày đặc với đủ các loại như: mìn nhựa, mìn napan, mìn sáng, mìn điện. Ngoài hệ thống hàng rào thép gai còn bố trí hệ thống giao

thông hào nối liền các lô cốt, ụ súng, với Sở chỉ huy cứ điểm nằm trên đỉnh đồi.

Pháp trang bị cho trung tâm đề kháng Anne Marie hệ thống hỏa lực khá mạnh. Ngoài trung liên, đại liên còn có trọng liên, pháo không giật, súng phun lửa, Bazoka, súng cối và súng bắn thẳng có kính ngắm ban đêm. Trung tâm đề kháng Anne Marie còn được không quân và pháo binh từ Mường Thanh chi viện khi bị tấn công.

Phân khu cuối cùng trong hệ thống phòng thủ của Tập đoàn cứ điểm là phân khu Nam nằm cách Trung tâm khoảng 6km về phía Nam, bao gồm: Cụm cứ điểm Isabelle (Hồng Cúm), sân bay dự bị, trận địa pháo.

Cụm cứ điểm Hồng Cúm có vai trò quan trọng, vừa bảo vệ phía Nam Tập đoàn cứ điểm vừa chi viện cho phân khu Trung tâm khi bị tấn công bằng pháo binh, bộ binh, lực lượng cơ giới và còn có nhiệm vụ ngăn chặn Việt Minh tấn công từ phía Nam lên, đồng thời giữ đường liên lạc với Thượng Lào. Nếu Tập đoàn cứ điểm có nguy cơ bị tiêu diệt thì đây sẽ là "cửa sau" để mở đường rút chạy sang Thượng Lào cũng như đón quân từ Lào sang ứng cứu, chi viện.

Tại cụm cứ điểm Hồng Cúm lực lượng được bố trí khá mạnh gồm: Tiểu đoàn Lê dương số 3, tiểu đoàn Algérie số 2, tiểu đoàn Algérie số 5 (một đại đội), tiểu đoàn Ngụy Thái số 3, một tiểu đoàn pháo 105mm, một đại đội súng cối 120mm, 2 xe tăng, với tổng số quân lên tới 2.000 binh lính và một sân bay dã chiến chạy dài theo hướng Bắc - Nam, bên tả ngạn sông Nậm Rốm. Hỏa lực bao gồm nhiều súng cối các cỡ, súng phun lửa và các loại súng bắn thẳng

bố trí thành một hệ thống vừa có thể bảo vệ vừa yểm hộ cho những cứ điểm xung quanh. Toàn phân khu được bố trí thành một hệ thống gồm 3 cụm cứ điểm A, B, C, các cứ điểm trong một cụm có thể tự bảo vệ được chính mình vừa yểm trợ cho các cứ điểm xung quanh. Cụm cứ điểm này được đặt dưới quyền chỉ huy của Đại tá LaLande.

Khi xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Navarre đã cho xây dựng 2 sân bay, sân bay chính là Mường Thanh và sân bay dự bị là Hồng Cúm. Mục đích của việc xây dựng 2 sân bay này là để nhận quân tăng viện của Pháp từ Hà Nội và một số cảng hàng không khác lên phục vụ cho chiến trường Điện Biên Phủ. Một cầu hàng không nối liền sân bay Điện Biên với các sân bay Gia Lâm, Bạch Mai được thiết lập hoạt động tấp nập từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là cố gắng, nỗ lực cao nhất và cuối cùng của Pháp, Mỹ để giải quyết dứt điểm tình hình Đông Dương lúc này. Dù không có trong bản kế hoạch chiến lược của viên tướng thứ 7 ở Đông Dương nhưng cuối cùng vùng cửa ải biên giới phía Tây Bắc của đất nước Việt Nam lại trở thành điểm mấu chốt của kế hoạch Navarre. Người Pháp tin rằng họ bắt Việt Nam buộc phải chơi một ván cờ lật ngửa mà trong đó những quân cờ chủ chốt của họ đã đi trước đối phương một nước. Lẽ dĩ nhiên khi đã đi trước một bước, lại có sự chuẩn bị tối ưu về mọi mặt thì việc mơ về chiến thắng là điều không khó hiểu.

Tướng Cogny (trái) và De Castries (phải)
tại Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

** Tướng Cogny (thứ 3 từ phải sang), Tướng De Castries (đang chỉ tay)*
và Đại tá Piroth (ngoài cùng bên phải) chỉ huy pháo binh của Pháp
ở Điện Biên Phủ.

** Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp Pleven (ngoài cùng bên phải) và De Castries (đang chỉ tay) kiểm tra chiến trường Điện Biên Phủ.*

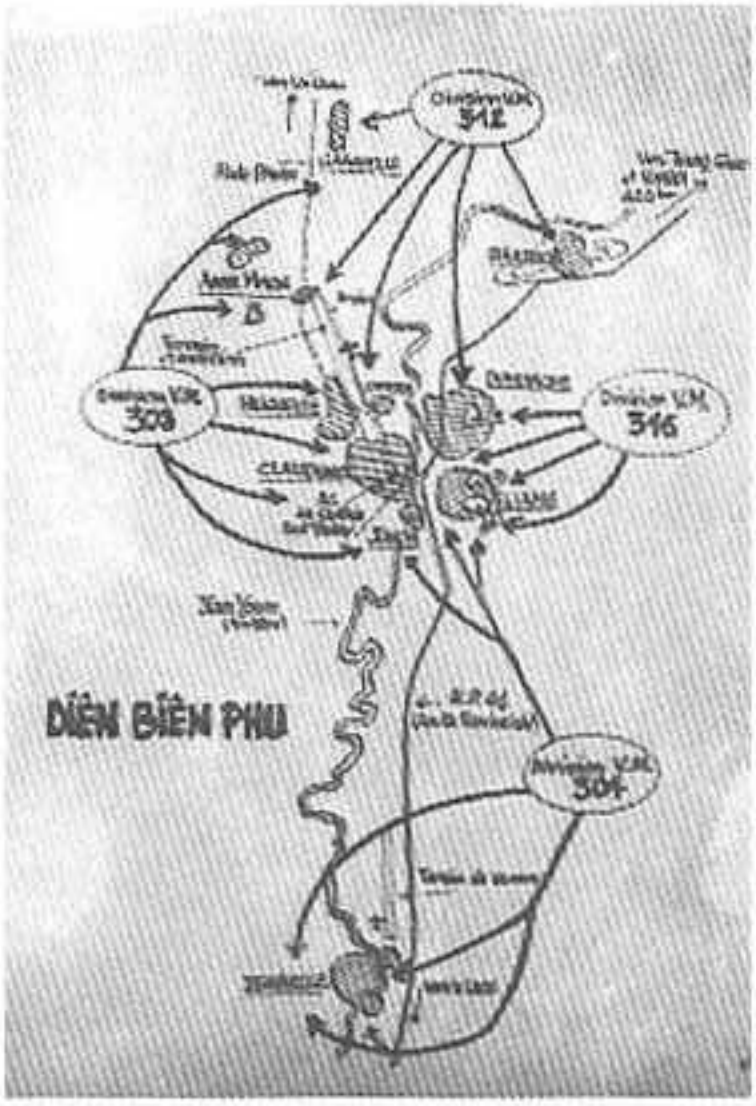

** Bản đồ Điện Biên Phủ theo nhận định của các tướng lĩnh Pháp về bố trí lực lượng và hướng tiến đánh của Việt Minh.*

III. VAI TRÒ CỦA DE CASTRIES ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Sự chỉ đạo của De Castries và Bộ tham mưu trong quá trình xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Khi quân Pháp đổ bộ xuống thung lũng Mường Thanh, họ tự hào có hệ thống các loại phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, những loại vũ khí tối tân nhất; họ cho rằng có đội quân tinh nhuệ nhất, những chiến binh dũng cảm nhất và họ cũng tự viễn hoặc có những vị tướng tài giỏi nhất, bản lĩnh nhất. De Castries là người tiêu biểu cho cái sự viễn hoặc đó. Vậy hãy xem viên đại tá này đã nhào nặn "con nhím" Điện Biên Phủ như thế nào?

Từ sau ngày 20 tháng 11 năm 1953, Điện Biên Phủ đã không còn như những gì vốn có của nó. Một vẻ đẹp thanh bình, hoang sơ đã nhường chỗ cho những hoạt động quân sự ầm ĩ, náo loạn của những kẻ đi xâm lược. Lúa vẫn chín vàng trên cánh đồng. Nhưng những tiếng cười vui được mùa đã thay thế bởi tiếng bom nổ ở ven rừng để đốt lúa của dân và đề phòng bộ đội ta tập kích, tiếng máy bay từng đợt, từng đợt bay lượn trên bầu trời và thả xuống những cuộn dây thép gai, những hòm gỗ lớn, những xe húc đất, những tảng thiết bị công sự... Thật vậy, chỉ trong vòng ba ngày, Pháp đã cho nhảy dù hơn 4.500 lính thuộc 6 tiểu đoàn dù. Trong dự định số quân Pháp triển khai ở Điện Biên Phủ là 12.000 lính, nhưng với những động thái từ hai phía sau đó con số này đã có lúc cao điểm lên đến 16.200 lính, bao gồm các trung đoàn không vận, đội lính Lê dương, đội xạ thủ Châu Phi, binh

đoàn thuộc địa người Việt và số lính đánh thuê người Thái, Lào, Mường.

Ngay sau khi nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, Thực dân Pháp đã tiến hành chiếm đóng thung lũng này. Như đã nói ở trên, ban đầu ba chữ Điện Biên Phủ chưa hề có trong kế hoạch của người Pháp. Chỉ đến khi chúng được tin một số đại đoàn của ta tiến quân lên Tây Bắc và nhận thấy vị trí chiến lược quan trọng của Điện Biên Phủ thì Navarre mới quyết định xây dựng tại nơi đây một Tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Điện Biên Phủ lần đầu tiên trở thành cái tên được quan tâm nhất, gây nhiều sự chú ý nhất trên các trang báo nước ngoài lúc bấy giờ. Người Pháp dồn toàn nỗ lực và quyết tâm cuối cùng vào Điện Biên Phủ hòng tìm một chiến thắng quyết định, thay đổi lại cục diện chiến tranh, lấy lại danh dự cho nước Pháp. Cho đến thời điểm đó thì đây là một trong những biện pháp hữu hiệu với những động lực mạnh mẽ nhằm giải quyết nhanh chóng tình hình Đông Dương. Chỉ sau này người Pháp mới nhận ra rằng đó là một sai lầm không gì có thể sửa chữa được bởi khi họ chọn Điện Biên Phủ cũng chính là họ đã tự chọn nghĩa địa để chôn mình, đánh dấu sự sụp đổ bước đầu của chế độ thực dân trên chiến trường Đông Dương nói chung và cho sự nghiệp cầm binh của viên tướng bốn sao Navarre nói riêng.

Trở lại với Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, ngay từ đầu việc dựng các công trình của Tập đoàn cứ điểm quan trọng này được xây dựng kỹ lưỡng và công phu dưới sự đầu tư, viện trợ hết mình của Mỹ.

Với địa thế đặc biệt như một lòng chảo của Điện Biên Phủ, người Pháp đã tính toán để Tập đoàn cứ điểm này được bảo vệ một cách tối ưu nhất. Họ san phẳng mọi chướng ngại vật có thể bao quát tầm nhìn một cách tối đa. Những lùm cây ven rừng bị chặt đi, cây cối, bụi tre trong các bản mường bị phát quang, nhà bị dỡ xuống. Những khu rừng xung quanh bị đốn hạ. Để xây dựng Tập đoàn cứ điểm với quy mô lớn cần rất nhiều vật liệu. Những hàng rào dây thép gai nhanh chóng mọc lên xung quanh các vị trí trú quân tạm thời. Quân Pháp còn xua đuổi mọi người dân ra khỏi nhà, khỏi bản. Đàn ông bắt đi lính; người già, phụ nữ và trẻ em dồn vào các trại tập trung xung quanh các cứ điểm tạo thành một hàng rào vây quanh các trại lính với mục đích làm bia đỡ đạn. Bên cạnh đó, các công sự phòng thủ nhằm ngăn chặn con đường phía Bắc từ Lai Châu xuống, cũng như phía Tây - Nam từ Lào sang, ngăn không cho bộ đội ta tiếp cận sân bay và trên những mỏm đồi phía Đông[1] do những tiểu đoàn lính dù đảm nhiệm. Những ngày sau đó là những cuộc không vận tăng viện ồ ạt cho Điện Biên Phủ. Một số đơn vị dù được đưa về Hà Nội làm lực lượng dự bị và thay thế bằng những đơn vị lính Lê dương thích hợp với cuộc chiến đấu phòng ngự hơn. Pháo không giật và những khẩu pháo 105mm kém chất lượng chuyển từ Lào sang thời kỳ đầu cũng được thay thế bằng pháo 105mm, 155mm và cối 120mm trong đó có nhiều khẩu mới nhận của Mỹ.

(1) Sau này là các trung tâm đề kháng Eliane

Ngày 8 tháng 12 năm 1953, De Castries chính thức lên nhậm chức ở Điện Biên Phủ, trở thành Chỉ huy trưởng Tập đoàn cứ điểm này, chuẩn bị đương đầu với một cuộc tiến công lớn. De Castries có mặt ở Điện Biên Phủ, "con chuột nước" sẽ được thay thế bởi một "con nhím", một "con nhím" khổng lồ, có thể giết chết đối thủ.

De Castries tại Điện Biên Phủ.

Với sự tin tưởng tuyệt đối của các nhà cầm quyền nước Pháp, ngay khi vừa lên đến Điện Biên Phủ, De Castries đã không tiếc tay để biến Điện Biên Phủ thành một Tập đoàn cứ điểm có thể nói là mạnh nhất Đông Dương với hệ thống phòng ngự vô cùng kiên cố và vững chắc, hòng nghiền nát quân chủ lực Việt Minh nếu họ tấn công vào đây. Lần lượt các hầm, công sự, các chiến hào, các cứ điểm được mọc lên dưới bàn tay của De Castries. Và thực tế, cái Tập đoàn cứ điểm này mạnh lên từng ngày so với thời gian đầu.

Đến ngày 15 tháng 12 năm 1953, lực lượng Pháp ở Điện Biên Phủ tiếp tục tăng lên 11 tiểu đoàn. Tiếp đó, De Castries thấy cần phải có những xe tăng hạng nhẹ cho

Điện Biên Phủ và ngay lập tức 10 trong số 18 chiếc M.24 Chaffee của Mỹ mới viện trợ, được chuyển tới Điện Biên Phủ bằng một cầu hàng không đặc biệt gồm 5 chiếc máy bay C.47 và 2 máy bay vận tải Bristol của Anh.

Ngày 24 tháng 12 năm 1953, Navarre lên Điện Biên Phủ dự lễ Giáng sinh với quân đồn trú đang đóng ở đây. Tại lòng chảo Điện Biên Phủ, một Tập đoàn cứ điểm đã dần xuất hiện.

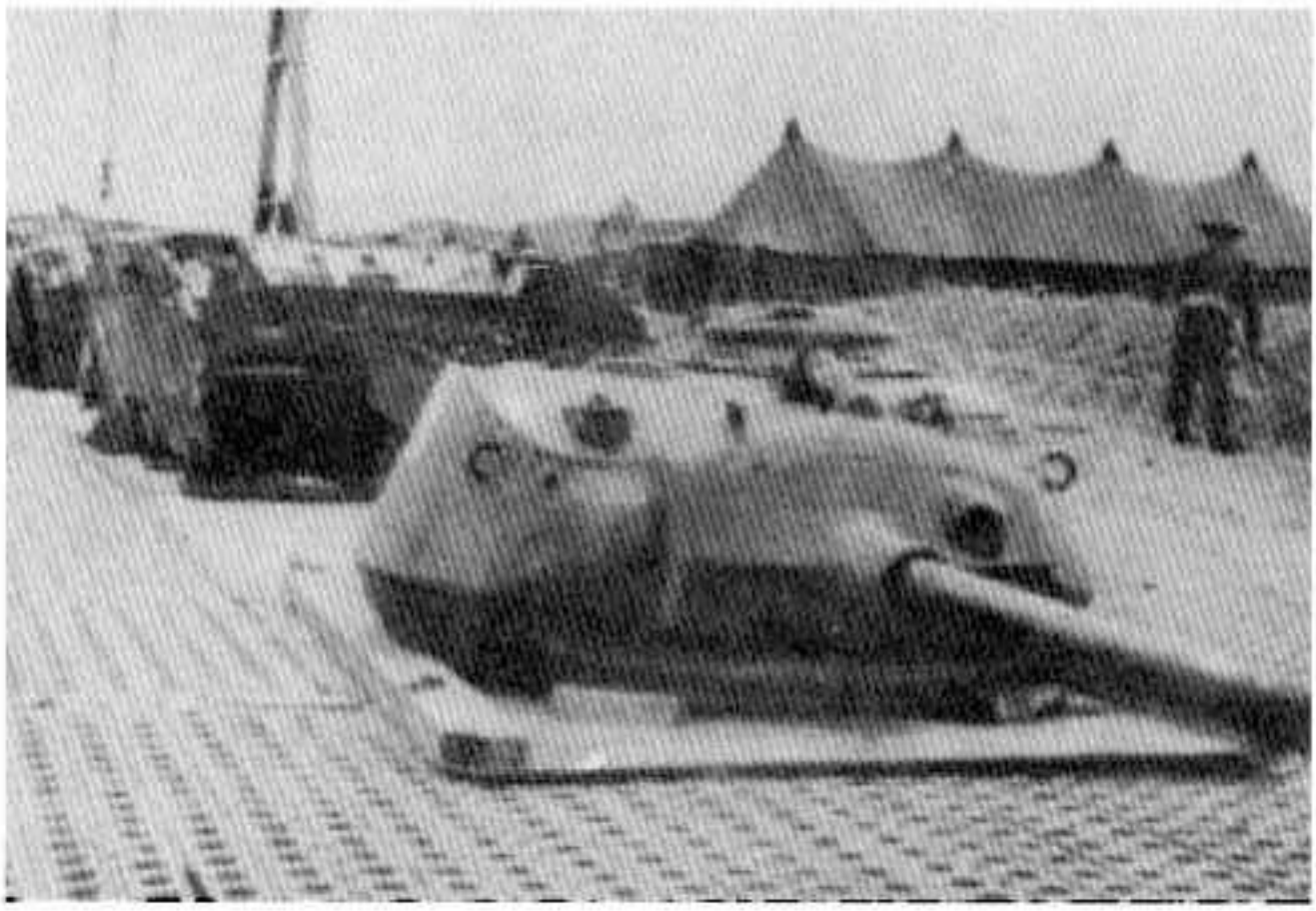

Xe tăng 18 tấn được lắp tại Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 1 năm 1954, sau khi nghe ngóng được một số động thái của Việt Minh, cả Cogny và De Castries dồn mọi cố gắng, củng cố ngày càng vững chắc Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Các công sự phòng thủ được tăng cường. Phía Bắc, Gabrielle - cứ điểm đồi Độc Lập

không chỉ là một vị trí tiền tiêu mà được tăng cường thành "một trong những tổ chức phòng ngự tốt nhất của Tập đoàn cứ điểm", do tiểu đoàn lính An-giê-ri tinh nhuệ đảm nhiệm. Gabrielle phải cùng Beatrice - Him Lam bảo đảm che chở khu Trung tâm đề kháng, cho sân bay từ hướng Bắc - Đông Bắc. Do vị trí của nó, ở chính hướng Bắc của sân bay, Gabrielle được tăng cường mọi phương tiện cần thiết, đủ sức bảo vệ đường trục máy bay hạ cánh và khu vực nhảy dù. Phía Nam, Isabelle - Hồng Cúm được mở rộng, từ một cứ điểm thành một cụm cứ điểm, một trung tâm đề kháng lớn, có sân bay phụ, có pháo binh và xe tăng riêng. Hai tiểu đoàn Âu - Phi phải đủ sức đứng vững ở vị trí này. Hoả lực pháo binh của vị trí được dùng để yểm trợ cho cả khu Trung tâm Mường Thanh. Toàn bộ số phận của quân đồn trú phụ thuộc vào việc bảo đảm cho sân bay được tự do phát huy tác dụng. Hướng phòng ngự chủ yếu tập trung vào các vị trí trung tâm, tức là vào việc bảo vệ trực tiếp đường băng hạ cánh của máy bay. Hai phần ba tổng số quân đồn trú phải bảo đảm tính vững chắc của phân khu Trung tâm, gồm 5 cụm cứ điểm nằm hai bên bờ sông Nậm Rốm, phân khu này có Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm và cũng là nơi xuất phát của lực lượng phản kích, gồm 3 tiểu đoàn dù và 7

xe tăng. Các điểm cao phía Đông của hai cụm điểm tựa Dominique và Eliane đóng vai trò quan trọng khống chế toàn bộ khu Trung tâm. Quân đồn trú dưới cánh đồng thuộc khu Trung tâm có thể dựa vào sự yểm trợ của Dominique và Eliane để tăng cường sức đề kháng.

Đến đầu tháng 2 năm 1954, về cơ bản Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã khá hoàn chỉnh. Đã nhiều lần De Castries huy động lực lượng diễn tập các phương án phòng ngự và phản công, với sự "phối hợp tuyệt đẹp" của bộ binh, pháo binh, xe tăng và máy bay. Đến khi Việt Minh nổ súng tiến công (ngày 13 tháng 3 năm 1954), lực lượng của Pháp đã lên đến gần 12.000 tên trong đó gồm 17 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đại đội xe vận tải. Về vũ khí gồm 60 đại bác, súng cối hạng nặng cỡ 105mm, 120mm và 155mm; 10 xe tăng 18 tấn, 200 xe vận tải, 14 phi cơ trinh sát và khu trục; lương thực, đạn dược dự trữ dùng trong 3 tháng.

Ngày 20 tháng 2 năm 1954, Mỹ viện trợ cho Pháp 40 máy bay các loại, từ máy bay ném bom B.26 đến máy bay vận tải C.47, C.119... Cũng trong tháng 2, Mỹ gửi sang Việt Nam 200 lính kỹ thuật thuộc đơn vị phục vụ không quân để giúp Pháp bảo trì và sửa chữa các máy bay mà

Mỹ đã cung cấp. Hằng ngày người ta lại thấy vị chỉ huy có dáng dấp hoàng đế la mã này đầu đội chiếc mũ ca lô đỏ tự lái chiếc xe zep đi kiểm tra các cứ điểm cùng với cô thư ký xinh đẹp của mình. Và ngày nào cũng vậy cứ đến 17 giờ, một cuộc giao ban lại diễn ra trong hầm Sở chỉ huy ở trung tâm. Không có bất cứ một bất lợi nào dù là nhỏ nhất khiến Bộ chỉ huy Pháp ngày càng hài lòng về Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Dựa vào lực lượng hùng hậu, hệ thống hỏa lực mạnh, công sự, vật cản được xây dựng một cách vững chắc, hoàn chỉnh, Bộ chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương coi Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá" và tin chắc "sẽ gây cho Việt Minh một thất bại nghiêm trọng" ở đây. Hiển nhiên, người tự hào nhất là tác giả của nó, De Castries. Ông ta không tiếc lời ca ngợi cái công trình vĩ đại mà mình đã xây dựng tại thung lũng Mường Thanh, nhiều lần đã huênh hoang tuyên bố: "Mục đích của Điện Biên Phủ là để nghiền nát ý muốn điên rồ của Việt Minh". Ông ta cũng không ngần ngại mà "khoe" nó trước tất cả thế giới. Nhiều quan chức cấp cao và các tướng tá Pháp, Mỹ đến thăm Điện Biên Phủ đã nói: "Đây là một Verdun ở châu Á", "Đây là một hình thức phòng ngự rất mạnh, ngay trong đại chiến thứ hai cũng không sánh kịp", "Đây sẽ là tử địa nếu cộng sản dám đụng đến"; Bộ trưởng Quốc phòng Plêven đã có một

"ấn tượng sảng khoái" sau khi lên Điện Biên Phủ. tận mắt chiêm ngưỡng "Verdun châu Á", trở về Paris lớn tiếng tuyên bố trước Quốc hội Pháp rằng: "Tôi không tìm thấy người nào nghi ngờ tính vững chắc của tập đoàn cứ điểm. Tôi đánh giá cao tinh thần và lòng tin của binh sĩ Pháp ở đây. Họ đang mong đợi cuộc công kích của Việt Minh...". Không thể kể hết những lời phát biểu hùng hồn, những câu tuyên bố huênh hoang và những ý nghĩ tự hào, mãn nguyện của những nhà cầm quyền, những người có chức sắc, những người liên quan tới Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của cả Pháp và Mỹ mà sau này chúng ta mới có dịp được biết qua các sách, báo từ cả hai phía; chỉ biết rằng sau này khi "pháo đài Điện Biên Phủ" không thể hiện được như những gì người ta mong muốn thì chính những con người ấy chỉ biết "câm họng" như những khẩu pháo của Piroth hay nếu có chăng đó là những tiếng xịt, nổ của tuyệt vọng, đau đớn.

Bằng sự chủ quan, kiêu ngạo ấy, ngày 3 tháng 2 năm 1954, De Castries đã cho quân rải truyền đơn, thách thức quân đội Việt Nam đánh vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ:

"Gửi Đại tướng Võ Nguyên Giáp:

Nghe tin ngài mang nhiều Đại Đoàn lên đây để giao chiến và định đem quân vào ăn tết trong Điện Biên Phủ. Chúng tôi sẵn sàng đón tiếp ngài.

Kí tên: De Castries

Chỉ huy GONO".

Từ khi xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ cho đến trước khi diễn ra trận đánh, cả Navarre và Cogny không ngừng lên thăm Điện Biên Phủ, tổng cộng Navarre đã lên đây 9 lần, Cogny 11 lần. Lần cuối cùng của Navarre là vào ngày 4 tháng 3 năm 1954, khi cùng Cogny lên thị sát tình hình một lần nữa, Navarre bắt đầu có những băn khoăn, lo lắng và đặt ra giả thuyết tập đoàn cứ điểm có thể sẽ phải đứng trước một đối thủ không dễ gì đối phó được. Navarre ngỏ ý muốn đưa thêm 3 tiểu đoàn lên để lập thêm một trung tâm phòng ngự nữa ở giữa hai phân khu Mường Thanh và Hồng Cúm để bảo đảm chi viện hoả lực cho cụm cứ điểm đồi Độc Lập (Gabrielle) và để có thêm lực lượng phản kích có hiệu lực hơn. Nhưng cả Cogny và De Castries đều thấy không cần vì "càng thấy ta dâng thêm lực lượng Việt Minh càng do dự và hoãn cuộc tiến công; cần phải khích họ tiến công ngay mới được". De Castriescòn quả quyết: "Thật là một tai hoạ đối với tinh thần binh sĩ nếu Việt Minh không tiến công nữa! Tất cả mọi người, từ sĩ quan đến binh sĩ đều sẵn sàng chờ đối phương đánh vào. Chúng tôi không e ngại gì hết...".

Những lo ngại của Navarre là hoàn toàn có căn cứ. Hàng loạt những thất bại liên tiếp của quân đội Pháp tại đồng bằng Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên, cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ lúc bấy giờ đã không được như ý muốn "luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công" của ông ta. Kế hoạch Navarre buộc phải chuyển hướng nhiều lần theo tình hình thực tế. Rồi những tin tức tình báo liên

tiếp đưa về ngày một rõ nét hơn về công cuộc chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ của đối phương. Bên cạnh đó, Navarre cũng cần phải tính đến một nước cờ khác mà ông ta không hề muốn đó là trường hợp Điện Biên Phủ bị thất thủ. "Lần đầu tiên chính phủ Pháp nhận thấy Tổng tư lệnh Navarre có sự lo ngại như vậy". Thêm vào đó một người chỉ huy như Navarre hẳn nhiên cũng nhận ra được một chân lý, chân lý của thời đại. Quân đội của ông ta không phải đang đương đầu với chỉ một quân đội của một nước khác, mà đó là cả một dân tộc. Một dân tộc với lòng yêu nước nồng nàn, tha thiết, có một khát khao độc lập đến cháy bỏng và được dẫn dắt bởi một Đảng cộng sản luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết mà đứng đầu là vị lãnh tụ tối cao, chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với những băn khoăn đó, Navarre và các quan chức cấp cao Pháp đã phải đau đầu tìm mọi cách để đối phó. Và việc đầu tiên cần làm là ra lệnh cho De Castries tăng cường phòng ngự cho Điện Biên Phủ một cách tuyệt đối, đồng thời "trả lại quyền ưu tiên chi viện bằng không quân cho Điện Biên Phủ", ngày đêm củng cố Điện Biên Phủ thành một "con nhím" thực sự nguy hiểm nếu nó bị đe dọa. Thỉnh thoảng, De Castries tiến hành mở những trận đánh thọc ra xung quanh Tập đoàn cứ điểm hòng tìm những trận địa của Việt Minh. Ở các mặt trận phối hợp, không quân Pháp cho bắn phá tất cả các con đường đi lên Điện Biên Phủ nhằm ngăn chặn sự chi viện của đối phương. Việc ném bom vào các kho tàng, các bến đò, vào các tuyến đường giao thông quan trọng được diễn ra ồ ạt

và liên tục. Và một việc không thể không làm đó là tìm một đường rút lui cho quân đồn trú Pháp nếu Điện Biên Phủ bị thất thủ. Navarre ra lệnh cho Cogny bí mật xúc tiến việc nghiên cứu rút quân sang Thượng Lào. Sau này, cái kế hoạch đó cũng đã được người ta ra lệnh thực hiện nhưng đã bị quân đội Việt Minh chặn đứng.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra đời nhằm thu hút chủ lực quân đội nhân dân Việt Nam đến để giao chiến, tại đó người Pháp sẽ dùng ưu thế về mọi mặt vượt trội để tiêu diệt đối phương. Trên thực tế, Navarre đã bị cuốn theo các hoạt động trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 của Quân đội nhân dân Việt Nam mà ông ta không hề biết. Trận đánh xảy ra không bất ngờ mà nó hoàn toàn nằm trong những tính toán của Đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng dù cho Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là tâm điểm của kế hoạch Navarre một cách bất đắc dĩ thì cũng không thể phủ nhận một sự thật nó thật sự mạnh, là sự tập trung ưu tiên cao độ của Pháp và can thiệp Mỹ, là một thách thức lớn đối với Quân đội Việt Nam.

Như vậy, người Pháp đã sẵn sàng cho một trận đánh lớn, họ quyết nghiền nát quân chủ lực Việt Nam, họ chờ đợi một thắng lợi mang tính chất quyết định để có thể giải quyết Việt Minh một cách nhanh chóng, ổn định tình hình Đông Dương, kết thúc sự mệt mỏi sau một thời gian dài quay trở lại xâm lược Việt Nam mà chưa được như ý muốn.

Nỗ lực, kỳ công dựng một cái bẫy ở Điện Biên Phủ, De Castries đâu có ngờ rằng từ các phía bên trên các dãy núi xung quanh lòng chảo, một cái bẫy khác cũng đang

dần được hình thành. Mỗi động tĩnh, mỗi hành động, mỗi diễn biến của De Castries và Tập đoàn cứ điểm không qua được tầm mắt của đối phương.

Khi biết quân đội Pháp bắt đầu tập trung lực lượng tại Điện Biên Phủ và xây dựng một Tập đoàn cứ điểm tại đây để nhử đối phương đến giao chiến, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hiểu rằng, khó có thể tránh được một trận đánh lớn mà ngược lại đây có thể sẽ là trận quyết tử của Quân đội Việt Nam. Được giao toàn quyền quyết đinh, vừa là Bí thư Đảng ủy kiêm Tổng tư lệnh mặt trận, tướng Giáp đã có những cân nhắc, tính toán chiến lược để có thể giành được chiến thắng quan trọng ở chiến dịch này. Sau khi phân tích tình hình thực tế và khả năng chiến đấu của quân đội mình, ông đã có "quyết định quan trọng nhất cuộc đời cầm quân" thay đổi từ phương châm tác chiến từ "Đánh nhanh, thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc". Đối với Quân đội Việt Minh, Điện Biên Phủ không phải không có những lợi thế. Những vùng rừng núi và những quả đồi bao bọc bốn phía quả thật khá thuận lợi cho Việt Minh, giúp họ có thể che giấu được các loại vũ khí đặc biệt là những khẩu pháo to mà địch khó phát hiện ra được.

Tuy nhiên, để có thể vận chuyển được những khẩu pháo nặng hàng tấn đó trên đoạn đường núi cheo leo, hiểm trở, vượt qua những đoạn dốc cao, vực sâu để đến được hầm trú ẩn dành cho pháo đã được ngụy trang từ trước là một thách thức không hề nhỏ.

Bộ đội Việt Minh kéo pháo vào trận địa.

Nhưng quân đội đã hành động nhanh chóng, bí mật gần như cả đêm trong một thời gian ngắn và những gì họ đạt được là cả một kỳ tích không dễ gì có được một lần thứ hai. Vì những con đường mòn rất hẹp với chiều rộng 3m, mọi cố gắng đưa pháo vào trận địa chỉ bằng sức người, chỉ cần bánh xe chệch hướng một chút, pháo sẽ rơi xuống khe núi sâu. Với nỗ lực phi thường, kiên nhẫn và sự hi sinh thầm lặng, những người lính Việt Nam đã kéo được pháo vào vị trí chiến đấu trước mưa bom bão đạn bắn phá của máy bay oanh tạc.

Với nhân dân Việt Nam, chiến dịch Điện Biên Phủ là kỳ tích tiếp nối những kỳ tích. Lần đầu tiên và cũng là duy nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, số lượng dân công ra mặt trận rất lớn, gấp nhiều lần quân đội. Chỉ tính riêng đội quân xe đạp thồ đã lên đến hơn 2 vạn người. Chưa tính và không thể nào tính

hết được biết bao nhiêu dân công tiếp lương, tải đạn, làm đường suốt biên giới trở về từ mọi miền Tổ quốc. Những hoạt động ấy không nằm trong bất cứ sự tính toán nào cho dù đó là nền khoa học hiện đại của Navarre hay Mỹ. Đã có biết bao tấm gương hi sinh anh dũng hay vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ khiến cho chiến dịch Điện Biên Phủ trở nên thiêng liêng hơn bao giờ hết. Và Điện Biên Phủ sau này đã đúng như những gì người ta mong đợi.

Thực ra, Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ không phải không có những sơ hở. Đã có nhiều điểm yếu từ "con nhím" này mà người Pháp có cả vô ý và hữu ý cho qua nó mà chỉ đến khi sa lầy ở Điện Biên Phủ những điểm yếu đó mới được người ta đem ra để phân tích, để đánh giá nguyên nhân thất bại của quân đội viễn chinh Pháp tại trận chiến này.

Thứ nhất, địa thế của một thung lũng lòng chảo, núi non bao bọc xung quanh, đã bị người Pháp đánh giá sai khi quyết định xây dựng một Tập đoàn cứ điểm tại nơi đây. Rõ ràng, khi chọn cho mình ở một vị trí thấp hơn, Navarre đã tự đẩy mình vào thế bị động phòng ngự, đối phương có thể nổ súng bất cứ lúc nào. Nếu quân đội của tướng Giáp chọn vị trí trên những ngọn núi xung quanh thì Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ rơi vào tình thế bất lợi, bị bao vây, kìm hãm. Nhà báo Ghi-lanh đã từng ví: Điện Biên Phủ như một "sân vận động mà Việt Minh đã chiếm những hàng ghế bậc cao".

Thứ hai, Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị cô lập, nằm chơ vơ giữa núi rừng trùng trùng, điệp điệp, rất xa những căn cứ hậu phương của Thực dân Pháp.

Mọi nguồn viện trợ, tiếp tế cho "con nhím" này chỉ bằng một con đường duy nhất là hàng không. Nếu đường giao thông này bị cô lập thì Tập đoàn cứ điểm này sẽ nguy khốn. Và thực tế sau này đã chứng minh, khi quân đội của tướng Giáp chiếm được sân bay Mường Thanh, cắt đứt được con đường vận chuyển duy nhất này, "con nhím" Điện Biên Phủ đã bị "đói" một cách trầm trọng và mất dần sức chiến đấu.

Thứ ba, khi nhìn vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ về cơ bản đó là một khối gắn kết chặt chẽ, được bao bọc, bảo vệ bởi những loại phương tiện, vũ khí hiện đại nhất lúc bấy giờ. Nhưng trong thực tế, các cứ điểm vẫn hoàn toàn độc lập về khả năng chiến đấu và phòng thủ. Khi bị tấn công, lực lượng chủ yếu vẫn là nguồn tại chỗ, cộng thêm với sự yểm trợ hỏa lực và một phần nhỏ sự ứng cứu từ xa. Tuy nhiên, lực lượng này không cơ động và không kịp thời, Quân đội Việt Minh rất dễ dàng đối phó.

Thứ tư, đó là sự chủ quan, coi thường đối thủ và sự tự đánh giá mình quá cao đến từ chính bộ não của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Người khai sinh ra "con nhím" này là Navarre, người chịu trách nhiệm về "con nhím" này là Cogny, người chỉ huy "con nhím" này là De Castries. Nhưng đối với cả ba con người này, Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một sự viễn hoặc, ngạo mạn đến không tưởng.

Trong cuốn "Đông Dương hấp hối", Navarre viết: "Không một nhân vật có thẩm quyền nào dù là dân sự hay quân sự, dù là Bộ trưởng Pháp hay nước ngoài, Tổng

tham mưu trưởng quân đội Pháp hay tướng lãnh Hoa Kỳ đến thăm Điện Biên Phủ mà không bị choáng ngợp bởi sức mạnh phòng thủ của nó, và họ đã thể hiện sự hài lòng đối với tôi. Theo tôi được biết, cho đến trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ xảy ra, không có một sự nghi ngờ nào xuất phát từ bất cứ ai về khả năng phòng ngự của Tập đoàn cứ điểm này và cũng không có một bản báo cáo nào không thuận lợi được chuyển đến cho tôi". Cogny thì rất nhiều lần tuyên bố trước báo giới phương Tây, rằng: "Bộ chỉ huy Pháp tin chắc sẽ gây cho Việt Minh một thất bại nghiêm trọng ở Điện Biên Phủ. Chúng tôi chờ đợi những cuộc chiến đấu gay go và kéo dài. Chúng tôi sẽ thắng."; lúc khác lại: "Tôi mong muốn như thế! Pháo binh Việt Minh có thể gây ra phiền toái nhưng người ta sẽ làm cho chúng phải câm họng... Pháo phòng không của Việt Minh sẽ chẳng bao giờ làm ngụp được Điện Biên Phủ... Tướng Giáp bị bắt buộc phải đánh. Ông ta không thể tiến mạnh ở Lào vì bị một cái nút xuất hiện bịt lại... Tôi sẽ làm tất cả cho ông ta ăn bụi và khiến cho ông ta phải chừa cái ý muốn thực hiện chiến lược quân sự lớn đi...". Và De Castries thì hợm hĩnh: "Được lắm! Họ từ trên cao bắn xuống chúng tôi ư? Tôi sẽ đội cái mũ ca lô đỏ của tôi lên cho họ trông rõ tôi hơn"; và: "Phải làm cho Việt Minh kéo xuống thung lũng này. Nếu họ xuống, chúng tôi sẽ tóm được họ. Trận đánh có thể gay nhưng nhất định chúng tôi sẽ chặn họ lại và cuối cùng thế nào cũng nắm được một mục tiêu tập trung mà chúng tôi sẽ "quật"...".

Cho dù đó chỉ là một phần nguyên nhân người Pháp sụp đổ tại Điện Biên Phủ thì ngay từ đầu, đó cũng chính là mầm mống báo hiệu sự thất bại cay đắng của quân đội viễn chinh Pháp sau này, cùng với những gì diễn ra trong 56 ngày đêm khói lửa sau đó thì tất cả những gì mà De Castries cùng Bộ tham mưu của ông ta có thể làm được vào chiều ngày 7 tháng 5 lịch sử ấy là ở trong hầm Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và chờ đợi những người lính Việt Minh đang hừng hực khí thế tiến vào, kết thúc những chuỗi ngày chờ đợi trong mệt mỏi, bất lực.

2. Sự chỉ đạo của De Castries trong quá trình diễn ra chiến sự

Đến trước ngày quân ta nổ súng mở màn chiến dịch, Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ:

- Được xây dựng hoàn chỉnh với 49 cứ điểm, bố trí thành 8 trung tâm đề kháng.

- Có số lượng dự trữ 9 ngày lương thực, 8 ngày về chất đốt, hơn 27.000 quả đạn 105mm, gần 3.000 quả đạn 155mm, chín cơ số đạn cho pháo 75mm của chiến xa và gần 23.000 quả đạn cối 120mm.

- Quân số địch trong Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã lên tới 16.200 tên, trong đó có 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh.

- Trung tá Charles Piroth, chỉ huy pháo binh đảm bảo rằng, 24 khẩu pháo 105mm sẽ dư sức đối mặt với bất kì loại vũ khí nào của Việt Minh và 4 khẩu pháo 155mm sẽ hoàn toàn dập tắt những gì chưa bị phá hủy.

Trước khi trận đánh diễn ra vài ngày De Castries cùng tham mưu của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ cũng nghe ngóng được tình hình, nắm bắt được thông tin tương đối đầy đủ về kế hoạch tấn công của Việt Minh. De Castries cho quân chốt chặt Him Lam và chờ đợi thời cơ để nghiền nát quân chủ lực Việt Nam.

Con nhím Điện Biên Phủ chuẩn bị xù lông.

17h ngày 13 tháng 3 năm 1954, Việt Minh nổ súng vào cứ điểm Him Lam, bắt đầu đợt tiến công thứ nhất vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Các loại trọng pháo đã được bố trí sẵn trên các đồi cao xung quanh lần lượt nhả đạn xuống dưới lòng chảo. Về phía Việt Minh đây là một trận đánh lớn của Đại đoàn 312 (thiếu Trung đoàn 165), do Bộ tư lệnh Đại đoàn 312 chỉ huy nhằm tiêu diệt một trong những trung tâm đề kháng ngoại vi kiên cố nhất trên hướng Đông Bắc của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Từ các phía trên những triền núi xung quanh lòng chảo, hàng ngàn viên đại bác các cỡ lao vun vút vào các vị trí ở cứ điểm Him Lam. Toàn bộ Him Lam rung chuyển trước đòn tấn công khá bất ngờ này. Thông tin liên tiếp dội về Sở chỉ huy của De Castries. Bộ não của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ "giật mình" trong sợ hãi.

Pháo binh của Việt Minh tấn công vào cứ điểm Him Lam, ngày 13/3/1954.

Tại sở chỉ huy của De Castries là cả một sự hỗn loạn, rối ren. Mất hoàn toàn liên lạc với Him Lam, các cuộc điện đàm sau đó là một loạt những báo cáo về tổn thất nặng nề của cứ điểm này. De Castries và những người đứng đầu thực sự lúng túng và người ta bắt đầu lo sợ những đòn tấn công tiếp theo của Việt Minh. De Castries liên tiếp điện thoại cho Trung tá Piroth nắm bắt tình hình và yêu cầu ông ta cần có những biện pháp phản pháo ngay tức khắc nhưng cũng như cấp trên của mình, viên chỉ huy pháo binh này cũng đang hoảng loạn và sợ sệt không kém.

Tất cả quân đồn trú Pháp đã thực sự hãi hùng khi các công sự chủ chốt của họ bị pháo kích dữ dội từ trên các ngọn núi xung quanh. Đó là những nỗ lực phi thường của Việt Minh khi họ đã kéo những khẩu pháo lên các

sườn dốc cheo leo mà nhất loạt từ các cấp chỉ huy cho tới binh lính Pháp đã cho là không thể nào vượt qua được.

18 giờ 30 phút, thêm một loạt đạn pháo bắn trúng hầm chỉ huy Him Lam làm một số sĩ quan Pháp chỉ huy tại cứ điểm này chết.

Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Him Lam đã tràn ngập quân Việt Minh, họ đã hoàn toàn kiểm soát được cứ điểm này. Hơn 400 lính Pháp đã bị loại khỏi vòng chiến đấu, nhiều loại vũ khí bị phá hỏng, tuyến phòng thủ ngoại vi kiên cố nhất của quân đội Pháp bị phá vỡ. Người ta không thể ngờ được rằng, De Castries lại mất Him Lam nhanh đến như vậy. Mọi nỗ lực nhằm cứu nguy cho cứ điểm này ngay sau đó đều trở thành vô ích. De Castries suy nghĩ mông lung lắm. Làm thế nào mà những khẩu pháo của Việt Minh lại đưa được lên núi cao và khiến cho hệ thống pháo binh của Piroth không thể làm gì được? Đối phương đã vượt qua được lưới lửa dày đặc, tiến đến Him Lam như thế nào mà không bị tai mắt của ông ta phát hiện? Đơn vị chốt giữ Him Lam tinh nhuệ bậc nhất, vậy mà lại nhanh chóng gục ngã chỉ một thời gian ngắn sau cuộc tiến công? Mất Him Lam, tâm trạng De Castries rối bời.

Hai mươi lăm năm sau, trong giới quân sự Pháp có người nhận xét như thế này: "Sự thất thủ nhanh chóng của trung tâm đề kháng Him Lam là một tai hoạ như đã từng xảy ra trong chiến tranh. Nhưng điều cần nói là đáng lẽ phải phản ứng tức khắc một cách kiên quyết thì đại tá De Castries lại để cho mình bị chìm đắm trong không khí bi quan mà sự kinh hoàng đã gây nên trong Sở chỉ huy của ông ta...".

9 giờ sáng ngày 14 tháng 3 năm 1954, một chiếc xe jeep cắm cờ trắng có dấu chữ thập đỏ cùng với một xe vận tải và một xe cứu thương từ Mường Thanh chạy đến cứ điểm Him Lam. Pháo đài thép Him Lam chỉ còn là một đống đổ nát, những lô cốt, ụ súng, hầm hào đều bị xới tung. Số lính của tiểu đoàn 3 bán lữ đoàn Lê dương 13 chỉ còn là hàng trăm xác chết ngổn ngang nằm lẫn lộn trong đất đá, la liệt khắp nơi. Họ thu lượm được rất ít thương binh.

Đối với Quân đội Nhân dân Việt Nam, trận mở màn vào cứ điểm Him Lam đã thành công ngoài sức tưởng tượng. Không cần nói thêm về sức mạnh của trung tâm đề kháng này, vậy mà chỉ sau 5 giờ đồng hồ đã không thể đứng vững thì cả Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ không phải là không thể công phá.

Mất Him lam, De Castries dồn mọi cố gắng vào Độc Lập và Bản Kéo nhằm cứu nguy cho phòng tuyến phía Bắc này. Cũng như đối với cứ điểm Him Lam, De Castries có nhiều lý do để tin rằng quân của ông ta có thể đứng vững được ở cứ điểm Độc Lập bởi vị trí này được tổ chức phòng ngự kiên cố không kém gì Him Lam do tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 7 (V/7e/RTA) cũng là một đơn vị tinh nhuệ rất đáng tin cậy bảo vệ. Sau trận thất bại đầu tiên, sáng ngày 14 tháng 3 năm 1954, De Castries đã ra lệnh củng cố về mọi mặt và tiếp tế đầy đủ cho Độc Lập "đến mức trung tâm đề kháng đủ sức cầm cự ít nhất được 4 ngày"; đặc biệt là pháo binh sẽ rút kinh nghiệm từ hôm trước nên quyết lấy lại uy tín không làm mọi người thất vọng.

Đúng như dự đoán, sáng sớm ngày 15 tháng 3 năm 1954, quân Việt Minh ồ ạt tiến công vào sườn phía Bắc và phía Nam cứ điểm Độc Lập. Trận đánh diễn ra rất ác liệt. Một số sĩ quan Pháp lần lượt bị thương vong. Toàn bộ súng cối 81mm và 120mm của Pháp bị phá hủy. De Castries ra lệnh nhiều cuộc phản kích bằng pháo 105mm và 155mm, một tiểu đoàn, một số xe tăng từ Mường Thanh ra ứng cứu nhưng tất cả đều thất bại. Sau hơn 3 giờ chiến đấu giằng co từ cả 2 phía, cứ điểm Độc Lập cũng không thoát khỏi số phận giống như cứ điểm Him Lam, bị đánh chiếm một cách nhanh chóng.

Với những sự kiện xảy ra trong mấy ngày vừa rồi khiến De Castries thấy nao núng tinh thần. Vốn nuôi hy vọng rằng chỉ mấy ngày sau khi thay tướng Gilles, cái cơ ngơi đồ sộ mà mình đã cất công xây dựng trên cánh đồng Mường Thanh này sẽ là nấc thang để đến với danh vọng và một ngôi sao cấp tướng, xứng đáng với công trạng mà ông ta đã thể hiện. Vậy mà chỉ sau ba ngày, mọi việc đã đảo lộn hết. Thế cờ đã hoàn toàn thay đổi có lợi cho đối phương. Những gì đã được đánh giá là chiến lược đối với quân Pháp giờ đây đang đi ngược lại hoàn toàn so với dự kiến ban đầu.

Như vậy phòng tuyến phía Bắc chỉ còn lại Bản Kéo. Cứ điểm này là một bản nhỏ nằm ở phía Tây Bắc sân bay và phía Tây Nam đồi Độc Lập, được xây dựng trên ba điểm cao phía Bắc của Bản Kéo, do tiểu đoàn Ngụy người Thái chiếm giữ và do viên thiếu tá người Pháp tên là Thi-mon-niên chỉ huy. Hai trận đánh ở cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập hai ngày qua đã làm cho tinh thần

của những người lính ở đây thêm nao núng. Nhất là đêm 15 tháng 3 năm 1954, khi vị trí đồi Độc Lập ở gần Bản Kéo bị tiến công, số lính Ngụy ở đây hầu như không ngủ, họ nằm nghe tiếng súng, tiếng pháo từ Đồi Độc Lập vọng về. Họ rì rầm nói chuyện, lo sợ cho thân phận lính đánh thuê của mình.

Từ ngày 15 tháng 3, tiếng loa nói bằng tiếng Thái và tiếng Kinh của Việt Minh từ trên các điểm cao xung quanh Bản Kéo vọng về kêu gọi lính ra hàng, cùng với những tờ truyền đơn đã lọt vào tay họ từ những ngày trước đó, đã khiến anh em biết rằng quay về với kháng chiến sẽ được khoan hồng, cùng các dân tộc khác như Mông, Xá, Kinh... ở Điện Biên đánh giặc, cứu nước.

Máy bay của quân Pháp bị bắn cháy trên bầu trời Điện Biên Phủ.

Cứ điểm Độc Lập nhanh chóng bị đánh chiếm. Bản Kéo bị bức hàng vô điều kiện. Phân khu Bắc hoàn toàn bị xóa sổ. Việt Minh đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.000 lính Pháp, bắn rơi 12 máy bay.

Đến lúc này, nhớ lại những lời tuyên bố huênh hoang trước khi xảy ra trận đánh quả là khác xa một trời một vực. Cả bộ máy hoạt động của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đều đã đánh giá sai đối phương và đều bị ảo tưởng vào những lời khoác lác của các cấp chỉ huy. De Castries, người đứng mũi chịu sào, cũng đã từng nhiều lần huênh hoang, giờ đây cũng đang rơi vào trạng thái trầm cảm nhất là sau khi bị mất Him Lam và Độc Lập. Ông ta bắt đầu nghĩ tới việc tìm đường rút sang Lào từ phía Nam.

Ken Lơ quá sợ hãi không còn tinh thần chiến đấu, đầu luôn đội mũ sắt và ngồi nép gọn vào góc hầm chắc chắn nhất trong Sở chỉ huy, sau đó được đưa về Hà Nội và người thay vào vị trí đó là trung úy DuRuix.

Quân đồn trú Pháp bắt đầu căng thẳng, mệt mỏi và lo sợ về một kết thúc thảm hại cho số phận của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

De Castries không ra khỏi hầm chỉ huy như thường lệ. Người ta không còn thấy thấp thoáng chiếc mũ ca lô đỏ của ông ta đi kiểm tra các cứ điểm như vẫn làm.

Tại Sở chỉ huy của Cogny ở Hà Nội, lòng tin tưởng giờ đã chuyển sang thái độ bi quan sâu sắc: "Điện Biên Phủ quả là một cái bẫy, một cái bẫy khổng lồ, không phải đối với Việt Minh nữa mà là đối với chúng ta rồi".

Nhưng có lẽ đau đớn nhất phải nói đến Trung tá Piroth, Chỉ huy pháo binh của quân đội Pháp. Piroth bị mất một bên cánh tay ở Ý năm 1943 trong thế chiến thứ hai. Khi Việt Minh chưa tấn công, Piroth vô cùng chủ quan và quá tin tưởng vào bản thân mình. Ông ta luôn tự khẳng định trước các vị chỉ huy của mình cũng như các

chính khách nước ngoài khi đến thăm Điện Biên Phủ, sức mạnh thần thánh của những khẩu pháo dưới sự chỉ huy của ông ta. "Không một khẩu pháo nào của Việt Minh bắn nổi đến ba phát mà không bị pháo của tôi phá hủy". Nhưng khi tiếng pháo đầu tiên nổ trên bầu trời Điện Biên Phủ, Piroth mới thực sự hoảng hốt, choáng váng trước sức mạnh mà viên trung tá này chỉ có thể nghĩ được rằng nó từ trên trời rơi xuống. Việc phản pháo của y hoàn toàn thất bại. Không thể để đâu hết những nỗi xấu hổ, ê chề, sự bất lực về bản thân thì nghĩ đến cái chết đến với ông ta là điều tất yếu. Piroth đã tự sát bằng quả lựu đạn ngay trong căn hầm chỉ huy pháo. Ngay khi nhận được tin, để tránh làm mất tinh thần binh sĩ, De Castries đã cho lấp căn hầm đó đi, giấu biệt tin tức Piroth tự sát và chỉ báo cáo tình hình đó cho vị chỉ huy của mình ở Hà Nội.

Trung tá Piroth – Chỉ huy pháo binh của Pháp tại Điện Biên Phủ.

Như vậy chỉ trong vòng 5 ngày chiến đấu, cánh cửa phía Bắc của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị mở toang. Đa số các tướng tá Pháp đã thấy được những tính toán sai lầm của mình và nhận thấy những điểm yếu chết người của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Những điểm yếu ấy ngày càng bộc lộ rõ và đâu đó người ta bắt đầu nghĩ tới một tương lai mịt mù, một kết thúc buồn thảm của quân đội Pháp trong trận chiến này.

Có khá nhiều hành động tiêu cực trong đám binh lính Pháp, nhưng về cơ bản, họ vẫn tăng cường chiến đấu và bảo vệ công trình phòng thủ này hết mức có thể với những hy vọng mong manh. Tuy nhiên, ngay cả những cấp chỉ huy cũng đang rất đau đầu với những gì đang diễn ra. Sự kiện của trung tuần tháng ba vừa qua trên thung lũng Mường Thanh khiến cả Navarre và Cogny không những chỉ bất ngờ mà còn có những điều chính họ cũng không giải thích nổi. Các cuộc điện thoại liên tiếp của De Castries khẩn cấp đòi chi viện. Bộ chỉ huy quân đội Pháp đang trở nên rối ren. Tình thế mới buộc họ phải có những tính toán. Trong những lúc nguy cấp, người Pháp luôn có những tính toán. Và lần này cũng không ngoại lệ. Họ tính rằng, khi mùa mưa đến Việt Minh không thể giải quyết vấn đề hậu cần và sẽ bỏ cuộc, Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ tránh được một thất bại. Trên thực tế, mùa mưa là một thất bại nữa của người Pháp khi không thể cứu nguy được như những gì họ nghĩ mà càng đẩy họ vào tình thế tuyệt vọng bi đát hơn. Lúc này, Bộ chỉ huy Pháp chỉ còn biết cố gắng cầm cự được càng lâu càng tốt để Hội nghị Genève sẽ nhóm họp vào đầu tháng 7, sẽ

có thỏa thuận ngừng bắn ở Đông Dương trước khi "con nhím" của họ gục hẳn.

Từ ngày 17 tháng 3, Quân đội Việt Minh không ngừng cố gắng xây dựng một loạt các hệ thống trận địa tiến công và bao vây xung quanh Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Hệ thống này gồm các đường hào trục, đường hào nhánh để vận chuyển và cơ động lực lượng với vô số những hầm trú ẩn và hầm chỉ huy. Bên cạnh đó, Việt Minh cũng liên tiếp mở những cuộc oanh tạc dữ dội, những đợt xung kích bất ngờ vào các vị trí đã định sẵn làm tiêu hao một phần nhỏ sinh lực quân đồn trú Pháp. Không chỉ có vậy, ngay từ những ngày đầu của trận chiến, bằng cách đánh áp sát họ đã làm tê liệt hệ thống sân bay vô cùng quan trọng của Pháp, loại bỏ khả năng cất, hạ cánh tại sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm.

Pháo binh Việt Minh bắn vào dãy đồi phía Đông mở đầu đợt tấn công thứ hai của chiến dịch.

Từ ngày 27 tháng 3 trở đi không một máy bay nào có thể tiếp cận được với Điện Biên Phủ. Mọi tiếp tế của Hà Nội cho Tập đoàn cứ điểm chỉ bằng con đường thả dù. Điều này cho thấy, cầu hàng không mà Bộ chỉ huy Pháp đặt rất nhiều kỳ vọng trên thực tế lại không đáp ứng được nhu cầu ngày càng cấp thiết của Tập đoàn cứ điểm khổng lồ tại thung lũng Mường Thanh.

Bất chấp những tổn thất nặng nề từ cả hai phía, 18 giờ ngày 30 tháng 3 năm 1954, đợt tiến công thứ hai của Quân đội Việt Minh vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bắt đầu.

Các cao điểm phía Đông, một số vị trí bảo vệ sân bay ở phía Tây, các trận địa pháo và lô cốt, hầm công sự của Pháp chìm trong khói lửa. Cũng như đợt tiến công thứ nhất, suốt nửa giờ đầu, hệ thống pháo binh hùng mạnh của người Pháp không thể lên tiếng.

Các dãy đồi phía Đông bao gồm các cao điểm A1, C1, D1, E1, C2 chạy dài theo con đường 41 là bức tường chắn để bảo vệ khu Trung tâm Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ở Mường Thanh. Tại đây, De Castries hình thành 8 cụm cứ điểm nhằm tạo hướng phòng ngự chủ yếu để ngăn chặn đối phương từ phía Đông và Đông Bắc đánh vào khu Trung tâm. Nếu giữ được các điểm cao phía Đông này, quân Pháp mới có chỗ dựa để cố thủ. Chính vì vậy cuộc chiến tại những cao điểm này diễn ra vô cùng phức tạp và gay go từ cả hai phía. Những giờ đầu, sau những đòn tấn công rất mạnh mẽ, Quân đội Việt Nam nhanh chóng chiếm được những vị trí then chốt ở vòng ngoài,

phá tan được hệ thống hàng rào dây thép gai, chờ thời cơ để tổ chức mũi thọc sâu vào hầm chỉ huy tại các cứ điểm. Nhưng cũng rất nhanh chóng, De Castries đã bàn với tham mưu kịp thời đưa ra những phương án để đối phó với tình hình đang rất khẩn trương. De Castries đã huy động toàn bộ lực lượng pháo, xe tăng và đại bác đồng loạt xuất quân phản kích; các tiểu đoàn dù vừa được tăng cường, các lực lượng cơ động điều từ Mường Thanh tới, các tiểu đoàn đã bị tổn thất cũng được tập trung lại ưu tiên cho cuộc phản kích này, quyết tâm bảo vệ những vị trí then chốt không cho đối phương chiếm giữ.

Đồi A1 là một cao điểm hết sức quan trọng, che chở cho trung tâm Sở chỉ huy. Cuộc chiến đấu diễn ra ở đây vô cùng ác liệt, hai bên giành giật nhau từng tấc đất, từng mét chiến hào. Cả hai bên dồn toàn bộ tâm huyết, huy động mọi nguồn lực để có thể chiếm được ngọn đồi này. Đối với De Castries thì đây là cứ điểm quan trọng cuối cùng để bảo vệ cho Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đối với tướng Giáp, đây là điểm then chốt nếu muốn kết thúc được chiến dịch này.

Pháo đạn gầm rít suốt đêm ngày. Khói lửa mù mịt trời thung lũng lòng chảo Điện Biên Phủ. Đâu đâu cũng thấy những xác chết. Thương vong của cả hai bên là khá lớn.

Cùng với các cao điểm phía Đông, quân Việt Minh cũng mở thêm những cuộc tiến công vào các vị trí then chốt khác. Đêm 1 tháng 4, Việt Minh đột nhập bất thần vào vị trí 106 bảo vệ sân bay về phía Tây và tiêu diệt

gọn. Đêm 2 tháng 4, uy hiếp cứ điểm 311A ở phía Tây rồi chiếm hẳn vị trí này. Đêm 18 tháng 4, diệt vị trí 105 bảo vệ phía Bắc sân bay. Trận địa bao vây của Việt Minh từ phía Đông, Tây, Bắc cũng tiến vào sân bay, cắt ngang sân bay và cuối cùng sân bay Mường Thanh đã bị vô hiệu hóa hoàn toàn. Phạm vi chiếm đóng ngày càng bị thu hẹp. Quân Pháp không thể tiếp cận được với sân bay. Mọi tiếp viện cho Điện Biên Phủ chỉ còn trông chờ vào dù tiếp tế. Chúng thả quân vào ban đêm còn thực phẩm và đạn dược vào ban ngày. Tuy nhiên, Pháp không thể thường xuyên duy trì được các hoạt động tiếp tế đó. Phong trào "săn tây bắn tỉa" của Việt Minh hoạt động mạnh, máy bay Pháp buộc phải bay cao hơn và thả dù từ độ cao hơn 2.000m, cộng với gió mạnh khiến nhiều dù thả đồ tiếp tế rơi không đúng chỗ, lạc sang trận địa bao vây của đối phương. Pháo cao xạ của Việt Minh kiểm soát chặt chẽ và làm chủ bầu trời. Hoạt động không quân bị thu hẹp lại, tinh thần sĩ quan, binh lính Pháp căng thẳng và sút kém trông thấy. Họ bị cô lập với thế giới bên ngoài và luôn bị uy hiếp bởi các đợt pháo kích. Mùa mưa lại tới, các hầm công sự của quân Pháp trở nên lầy lội, nhếch nhác. Trong hầm là một mớ hỗn độn cả người sống và người chết. Số quân Pháp đã chết không có chỗ chôn. Số thương binh không di tản được, lại không được cấp cứu kịp thời chất đầy trong các hầm công sự của Pháp và chỉ chờ chết. Số còn lại cố trú ẩn trong hầm với một tinh thần hoảng loạn, sợ sệt; bệnh tật, đói khát luôn rình rập. Tình cảnh của quân đồn trú Pháp ngày càng trở nên cùng cực, bi đát.

Không thể bảo vệ nguyên vẹn các vị trí, De Castries dần dần mất hết phương hướng.

Việt Minh ngày càng có những hoạt động mạnh mẽ, dứt khoát và liên tục. Cuộc chiến đấu ngày càng yếu thế cho người Pháp.

Trong lúc cuộc chiến tại Điện Biên Phủ đang diễn ra gay go, quyết liệt, ngày 15 tháng 4, một bức điện báo vô cùng quan trọng và tức thời đối với De Castries đến từ Hà Nội. Đại tá De Castries đã được thăng lên cấp Thiếu tướng, bên cạnh đó một số chỉ huy và các binh lính khác trên chiến trường trong đó có Trung tá Langlais cũng được lên hàm theo lời gợi ý của Tổng thống Mỹ. Trước máy vô tuyến điện, Navarre động viên De Castries cố gắng làm tròn trách nhiệm chống giữ Điện Biên Phủ. Cogny thì chúc mừng: "Tôi đã gửi lon Thiếu tướng và các đồ mừng đến cho ngài. Cả thế giới đang chúc mừng ngài. 52 nhà báo quốc tế đang tập trung ở Hà Nội để dõi theo hành động của ngài".

Hiển nhiên tất cả đều biết đó là một quyết định mang tính chất chính trị nhằm động viên De Castries và quân đồn trú Pháp ở Điện Biên Phủ tiếp tục chiến đấu đến cùng. Dù rằng thành tích không thấy mà thay vào đó là một loạt những tin dữ về "con nhím" Điện Biên Phủ bay về Hà Nội; nhưng xét cho cùng, việc thăng cấp cho De Castries cũng hoàn toàn chính đáng cho những nỗ lực và cố gắng của ông ta. Đối với tất cả những người Pháp có mặt tại Điện Biên Phủ, đây có thể được coi là tín hiệu vui mừng nhất kể từ khi có Tập đoàn cứ điểm. Một buổi ăn mừng lên lon âm đạm được diễn ra ngay tại Sở chỉ huy

với lon Thiếu tướng của De Castries được chế tác từ vỏ đồ hộp, được chúc tụng bằng thứ rượu vang chua loét và tinh thần có phần khiếp đảm của vô số những kẻ cố gắng nở nụ cười nhưng chỉ chờ cơ hội để có thể thoát được địa ngục trần gian này.

Nói về chiếc lon Thiếu tướng của De Castries, sau này mới có tài liệu ghi lại rằng chính những tên lính Lê Dương đóng tại cứ điểm C1 đã nhặt được tại chiến hào một kiện hàng trong đó có ghi rõ: "Gửi tận tay Tướng De Castries". Lúc đầu họ định chuyển kiện hàng này về Ban tham mưu, nhưng khi phát hiện ra hai chai rượu Mác tanh trong hộp bị vỡ, họ lại quyết định không gửi lên. Họ sợ De Castries sẽ cho rằng họ uống hết rượu rồi đập vỡ chai đi. Họ khám trong kiện hàng lấy thuốc lá Luxky ra hút rồi chôn phù hiệu cấp tướng đi. Từ đó người ta không bao giờ còn nhìn thấy lon thiếu tướng đó nữa.

Nếu như cho đến trước khi diễn ra chiến sự tại Điện Biên Phủ, De Castries ngạo mạn, hống hách bao nhiêu thì cho đến thời điểm này De Castries ủ rũ, bạc nhược và bất lực bấy nhiêu. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ chỉ còn biết cố chống cự trong yếu ớt và mòn mỏi chờ đợi những sự hỗ trợ về mọi mặt từ Hà Nội. De Castries gần như không ló mặt ra ngoài mà chỉ suốt ngày trong hầm, thỉnh thoảng ra một số mệnh lệnh và việc làm duy nhất được thực hiện thường xuyên đó là những cuộc điện thoại về Hà Nội thông báo về sự tàn lụi dần dần của Điện Biên Phủ. Mọi việc ông ta đều giao cho hai phó của mình là KeLen và Bigia.

Tại Hà Nội, trong Tổng hành dinh của Navarre người ta bắt đầu mâu thuẫn, bới móc và đùn đẩy trách nhiệm cho nhau về cái pháo đài bất khả xâm phạm ở Điện Biên Phủ. Tất cả cũng chỉ vì người ta biết khó có thể cứu vãn được tình cảnh ngày càng bi đát của Tập đoàn cứ điểm này. Họ ngồi đây và cãi nhau. Ở Điện Biên Phủ số quân đồn trú Pháp đang phải cố chống trả trong vòng vây của Quân đội Nhân dân Việt Nam với một tinh thần rời rạc. Cho dù đó là lí do gì để trút bỏ trách nhiệm thì cái cách họ đưa quân đến lòng chảo phía Tây Bắc Việt Nam này để chiến đấu giành chiến thắng và không tìm cho họ được một lối thoát khi sắp thất bại là một tội ác không gì có thể bao biện được.

Suốt nửa tháng sau đó, De Castries không còn tính tới chuyện tái chiếm các ngọn đồi phía Đông đã mất mà chỉ ra sức phòng thủ, củng cố lực lượng và các hầm hào chờ đợi một đợt tấn công mới, có thể là cuối cùng.

Đêm 1 tháng 5 năm 1954, quân Việt Minh mở đợt tấn công thứ ba vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

21 giờ ngày 1 tháng 5, Việt Minh mở đợt pháo bắn dữ dội vào Isabelle, trong khi đó Élian đất đá bị đạn pháo nghiền nát thành bùn cùng lẫn với nó là những xác chết.

2 giờ sáng ngày 2 tháng 5, đến lượt Dominique 3 và Huguette 5 thất thủ. Cùng lúc Huguette 4 và Élian 2 cũng bị tiến công nhưng vẫn còn giữ được. 2 giờ 30 phút, phía Tây bị tràn ngập và đến 4 giờ thì bị tê liệt hoàn toàn.

Số phận Điện Biên Phủ đã được định đoạt. "Con nhím" Điện Biên Phủ đang ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Cho đến sáng ngày 4 tháng 5 năm 1954, De Castries chỉ còn chỉ huy được 20 cứ điểm trong hệ thống phòng ngự của mình. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngày càng bị thu hẹp. Tất cả các cuộc phản kích nhằm phá vây của De Castries đều thất bại.

Các bức điện của De Castries từ Điện Biên Phủ gọi về cho chỉ huy của mình ở Hà Nội quả thật đau đớn, xót xa: "Tôi không có một cái gì để nâng cao tinh thần của binh sĩ lên..., tôi không dám đến thăm họ với hai tay rỗng tuếch".

"Trời mưa làm ngập các hầm hào và làm sụp đổ các nơi trú ẩn. Hoàn cảnh các binh sĩ bị thương ngày càng trở nên thê thảm. Họ nằm chồng chất lên nhau trên các hố bùn và hoàn toàn không có một tí vệ sinh nào...".

Ngày 5 tháng 5, trong khi De Castries vẫn còn đang ủ rũ bên bàn làm việc với những máy điện thoại là những vật hữu ích nhất lúc này thì cả Lalande và Bigia đã đều kéo tới Élian. Họ đến đây bởi biết rõ số phận của phân khu Trung tâm sẽ được định đoạt trên hai cao điểm còn sót lại ở phía Đông này sau những đòn tấn công không hề khoan nhượng của đối phương. Tại cứ điểm A1, tiểu đoàn 1 bán lữ đoàn Lê Dương số 13, với những kỳ vọng sẽ đứng vững tại vị trí quan trọng này đã bị tổn thất quá nặng nề sau một thời gian dài phòng ngự. Với những cố

gắng cuối cùng, Lalande quyết định ổn định lại lực lượng với những gì còn sót lại và một bộ phận nhỏ vừa được tăng cường hòng vớt vát lại A1.

Tại Trung tâm Mường Thanh, trước tình hình nguy cấp của phần lớn các cứ điểm ở phía Đông và cả phía Tây, các lực lượng còn lại được lệnh tập hợp, quyết cố thủ đến cùng để bảo vệ hầm chỉ huy. Khắp nơi, chỉ huy các cứ điểm mà người Pháp vẫn còn làm chủ đang yêu cầu De Castries tăng viện.

Sáng ngày 6 tháng 5, với những lời khẩn cầu cấp thiết của De Castries, không quân hỗ trợ từ Hà Nội đã một lần nữa cố gắng bảo vệ cho trung tâm đang bị thu hẹp trong cuộc tấn công ngày càng ác liệt của Việt Minh. Hàng loạt các máy bay của Pháp và Mỹ bay trên bầu trời Điện Biên Phủ với những nỗ lực cuối cùng đến với Tập đoàn cứ điểm. De Castries yêu cầu oanh tạc vào Dominique 1 và 2, bắn rốc két đạn lõm xuống Élian 1. Nhưng ngay chiều tối ngày 6 tháng 5, những trận mưa bom đạn dữ dội đã trút xuống tất cả các cứ điểm còn lại mà De Castries còn nắm giữ.

Cuộc tấn công cuối cùng và ác liệt nhất diễn ra ở đồi A1. Một khối thuốc nổ ngàn cân cách hầm ngầm vài chục mét đã xới tung đồi A1, thổi bay những chiếc lô cốt bên trên và cuốn theo phần lớn đại đội dù 2 của Étmơ đang đóng ở đây. Đây là đòn quyết định cho số phận cái "cuống họng" của "con nhím" này. Những giờ sau đó là những tiếng nổ dền vang suốt đêm không lúc nào ngớt.

Cuộc chiến đấu còn diễn ra bằng các loại súng, lựu đạn, lưỡi lê trên từng vị trí, từng thước chiến hào, từng ụ súng. Thương vong của cả hai phía là không thể đếm được. Sau khi mất lô cốt "Cây đa cụt", người Pháp đã sử dụng đến những viên đạn, quả lựu đạn cuối cùng. Viên chỉ huy Pugiê bị thương nặng và bị bắt. Trước khi trời sáng, trận đánh tại cao điểm phía Đông này kết thúc sau 39 ngày đêm bão lửa. Sáng ngày 7 tháng 5 năm 1954, đồi A1 đã lọt vào tay Việt Minh. Lá cờ Quyết chiến Quyết thắng của Việt Minh tung bay trên cao điểm A1 báo hiệu giờ tàn của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Với việc chiếm được A1, trung tâm đề kháng Éliane phía Đông Tập đoàn cứ điểm đã hoàn toàn sụp đổ, Việt Minh gần như đã nắm chắc phần thắng vì chỉ còn cách hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm của tướng De Castries khoảng 500m.

Đến sáng ngày 7 tháng 5 năm 1954, De Castries gần như đã mất hết tất cả các cứ điểm quan trọng của Tập đoàn cứ điểm, những gì còn lại chỉ là cơ quan đầu não đang bị tê liệt. Vấn đề thời gian là yếu tố duy nhất lúc này bởi Việt Minh đã ở khắp nơi, họ chỉ còn đợi lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận từ chỉ huy của họ ở trong một khu rừng cách đó không xa. "Con nhím" Điện Biên Phủ đang hấp hối trên một diện tích nhỏ bé. Tình thế tuyệt vọng của người Pháp đã trở nên rõ rệt hơn bao giờ hết. Những chiếc xe tăng, những khẩu pháo, những tiếng đạn súng lần lượt câm họng trước những đợt tấn

công ào ạt như vũ bão của Quân đội Việt Minh. Những tên lính Pháp cũng lần lượt vứt súng đầu hàng, số khác cố rút chạy trong tuyệt vọng.

Khi tướng De Castries báo cáo tình hình qua điện đàm với tướng Cogny ở Hà Nội, kết cục đã đến cho Tập đoàn cứ điểm này. De Castries chọn ra 800 lính từ những đơn vị bị tiêu hao lực lượng và hy vọng cầm cự đến khi màn đêm buông xuống để tìm cơ hội rút lui vào rừng. Nhưng chỉ đến khoảng 15 giờ khả năng kháng cự của binh lính Pháp đã cạn kiệt, Việt Minh đã tiến lên và chiếm trọn những cứ điểm cuối cùng. De Castries hội ý với cấp dưới và hết thảy đều thừa nhận một cuộc phá vây chỉ có thể dẫn đến cái chết thảm hại. Quyết định được đưa ra là chiến đấu đến những viên đạn cuối và để các đơn vị riêng lẻ giáp mặt với đối phương.

17 giờ, cuộc trao đổi cuối cùng giữa Cogny và De Castries là phải làm gì với số binh lính bị thương nằm ở khắp nơi. Cogny quả quyết: "Hãy nói cho tôi biết ông bạn già, bây giờ phải kết thúc, chắc chắn như vậy. Nhưng tất cả những gì mà tướng quân đã làm cho đến nay đều rất đẹp. Không nên dìm tất cả xuống vực thẳm. Tướng quân sẽ bị tràn ngập... nhưng không có sự đầu hàng, không có cờ trắng. Xin lấy danh dự quân nhân mà hứa với ngài như vậy. Đây là một người đã hy sinh suốt đời cho quân đội Pháp, xin gửi chào vĩnh biệt. Tốt lắm, tôi tin vào lời hứa danh dự của ông.

Tổ quốc sẽ coi Thiếu tướng là một trong những "Anh hùng thanh khiết nhất. Vĩnh biệt."

Kết thúc cuộc điện thoại với Cogny là những cuộc trao đổi cuối cùng, mệnh lệnh cuối cùng mà De Castries nhận từ người chỉ huy của mình. Và có lẽ cái mệnh lệnh đó sẽ không bao giờ được thực hiện bởi ngay sau đó trong cuộc nói chuyện với vợ mình, bằng một giọng xúc động, De Castries đã hứa là sẽ về để rồi chưa đầy nửa giờ đồng hồ tiếp theo người ta nhìn thấy những lá cờ trắng mọc lên khắp nơi, trong đó có nóc hầm Sở chỉ huy.

17 giờ 30 phút, khi đội xung kích do Tạ Quốc Luật dẫn đầu tiến thẳng vào căn hầm của Trung tâm Tập đoàn cứ điểm, De Castries cùng toàn bộ tham mưu của Pháp đã ngồi sẵn đợi để đầu hàng. De Castries chỉ có thể nói được câu "đừng bắn tôi". Bộ tham mưu của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ lặng lẽ nối đuôi nhau bước ra khỏi căn hầm. Dáng lầm lũi, vẻ mặt thất thểu trong phút "lâm chung" đã thay thế cho sự huênh hoang, kiêu căng thuở ban đầu. Giấc mộng "Điện Biên Phủ" hoàn toàn chấm dứt.

Toàn bộ khu Trung tâm đã nằm gọn trong tay Việt Minh, chỉ còn cứ điểm Isabelle nằm phía Nam của trận địa do Đại tá LaLande chỉ huy cùng với 2.000 sĩ quan và binh sĩ cũng đang đơn phương độc mã chống chọi và cuối

cùng cũng không có lấy một cơ hội thoát thân. Những binh sĩ Việt Minh đầy khí thế đã thắt chặt gọng kìm quanh số lính Lê dương đang muốn phá vây. Lúc 21 giờ 40 phút, một máy bay do thám Pháp báo cáo về Sở chỉ huy tại Hà Nội cho biết đã thấy cứ điểm này bị pháo kích dồn dập. Thông báo cuối cùng phát ra từ cứ điểm này sau đó vài giờ và được chiếc máy bay do thám tiếp âm về Hà Nội: "Cuộc phá vây thất bại... Không thể tiếp tục liên lạc được. Ngưng và chấm dứt".

24 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến sự tại thung lũng Mường Thanh đã chính thức kết thúc. Việt Minh hoàn toàn làm chủ Điện Biên Phủ.

Những tù binh Pháp đầu tiên bị bắt tại mặt trận Điện Biên Phủ

.* *Quân đội Việt Minh đánh chiếm cứ điểm Đồi E.*

* *Quân đội Việt Minh lợi dụng có pháo binh tiến lên tấn công tiêu diệt các cứ điểm của quân Pháp.*

Ngày 14/3/1954 Pháo cao xạ 37 mm của ta lần đầu xuất trận

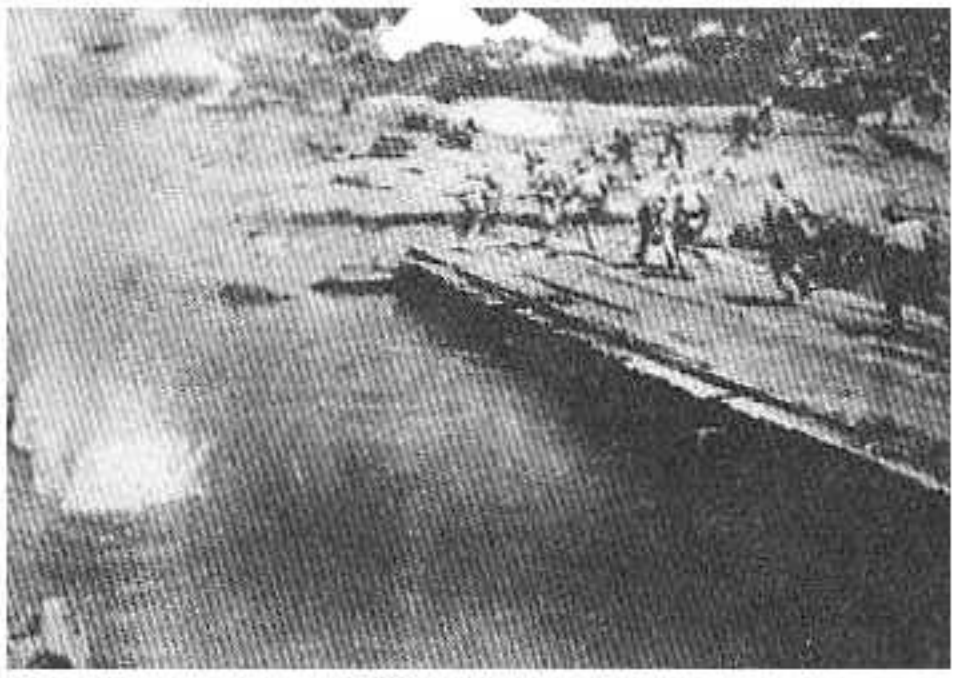

** Quân đội Việt Minh xung kích vượt sông Nậm Rốm tiến vào phân khu Trung tâm.*

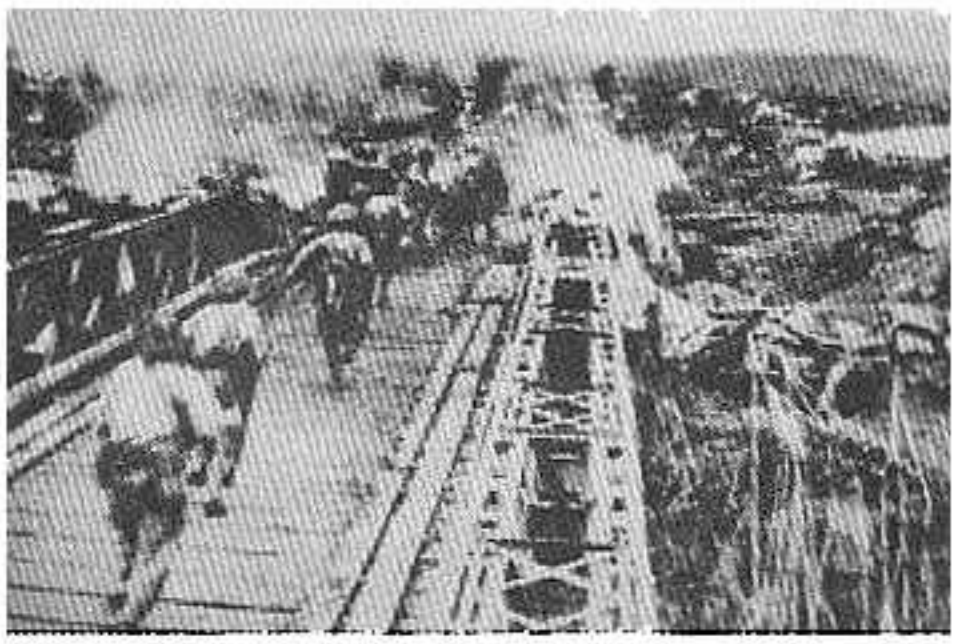

** Quân đội Việt Minh vượt cầu Mường Thanh đánh vào Sở chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.*

Cả nước Pháp như lặng đi. Một sự im lặng đến đáng sợ. Sự im lặng này là kết thúc của Navarre với những tham vọng từ bản kế hoạch mang tên chính mình, của Cogny và De Castries với những ảo tưởng xuẩn ngốc về cái Tập đoàn cứ điểm "mạnh nhất Đông Dương", và của binh lính Pháp với một sự mệt mỏi, hoảng loạn sau 56 ngày đêm dữ dội trong bom đạn, khói lửa tại mặt trận Điện Biên Phủ. Với nước Pháp, sự im lặng này chỉ có thể gọi bằng cái tên: thảm bại. Với quân đồn trú Pháp trong

các hầm công sự ngập ngụa bùn lầy và xác chết, có thể đó là sự giải thoát.

Hơn sáu tháng sau khi quyết định đánh chiếm Điện Biên Phủ, người Pháp đã chính thức chấm dứt những tính toán đối với Đông Dương. Ở vùng đất này Quân đội Việt Minh đã đánh bại Quân đội Pháp bất chấp "cuộc chơi" này đã được người Pháp tính toán để giành chiến thắng.

200 năm trước, vào năm 1754 lũ giặc Phỉ nổi tiếng tàn bạo đã bị tống cổ khỏi đất Mường Thanh. Đúng 200 năm sau, quân đội của một nước hùng mạnh Châu Âu với các loại tàu bay và vũ khí tối tân bậc nhất buộc phải trở thành tù binh, kết thúc mộng tưởng ở Điện Biên Phủ. Giặc Phỉ và quân Pháp, Mường Thanh và Điện Biên Phủ. Tuy hai mà một. Tuy khác nhau mà lại giống nhau. Khoảng cách về không gian và thời gian có khác nhau nhưng cùng một chiến thắng, cùng một khát vọng, cùng một chân lý.

Trận đánh vĩ đại làm rung chuyển thế giới diễn ra tại một thung lũng hẻo lánh của vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam kết thúc nghiêng về phía Việt Minh. Tất cả những gì đã diễn ra ở đây làm cả thế giới bàng hoàng. Những con người yêu nước trên dải đất hình chữ S vỡ òa trong nước mắt, trong tiếng cười và niềm hạnh phúc vô bờ bến. Những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới hân hoan, vui sướng và khát vọng về nhiều "Điện Biên Phủ" như thế nữa ở khắp mọi nơi. Chiến thắng ấy đã đánh thức phong trào giải phóng dân tộc và gieo mầm chiến thắng

tới hàng triệu triệu con người bị nô dịch trên thế giới đang đấu tranh để giành độc lập cho dân tộc mình. Phía bên kia của cuộc chiến tranh, người Mỹ ngậm ngùi, cay đắng không chỉ bởi mất một khoản tiền khổng lồ đầu tư vào cuộc chiến tranh vô nghĩa này mà còn bởi những âm mưu chính trị của họ đã thôn tính từ trước đã hoàn toàn bị phá sản. Và lẽ dĩ nhiên, người Pháp là đau đớn nhất khi thua một cách thê thảm vì đã đánh giá mình quá cao trong một canh bạc quá lớn, họ đã không thể bình định được Việt Nam sau nhiều năm xâm lược, bất chấp sự ủng hộ và viện trợ tối đa của Mỹ cả về kinh tế và quân sự. Sau nhiều năm bị đô hộ, lần đầu tiên một đất nước thuộc địa nhỏ bé ở Châu Á với một nền nông nghiệp lạc hậu, đất không rộng, người không đông nhưng đã đánh bại một đội quân hùng mạnh với những phương tiện chiến tranh hiện đại bậc nhất trên thế giới, giành được lợi thế trên trường quốc tế, thay đổi lại cục diện chiến tranh để rồi tại Hội nghị cấp cao cách đó hơn 10.000km, những nhà cầm quyền nước Pháp đã không còn con đường nào khác là buộc phải ký vào bản hiệp định Genève, công nhận quyền tự do, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào và Cămpuchia đồng thời cuốn cờ, rút quân khỏi Đông Dương. Chế độ Thực dân Pháp tại Đông Dương chính thức chấm dứt.

Việt Minh đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân đồn trú Pháp tại Điện Biên Phủ gồm 16.200 tên, trong đó gồm 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo 105mm, 1 tiểu đoàn công binh, 2 tiểu đoàn súng cối 120mm (gồm 20 khẩu), 1 đại đội pháo 155mm gồm 4

khẩu, một đại đội xe tăng 18 tấn gồm 10 chiếc. Bắn cháy 62 máy bay các loại. Đặc biệt trong trận này Chỉ huy trưởng của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, De Castries cũng bị bắt làm tù binh. Ngoài ra, Việt Minh còn thu được nhiều vũ khí chiến tranh hiện đại khác của Pháp.

Chiến thắng vĩ đại của người Việt Nam tại mảnh đất Điện Biên Phủ năm 1954 là một bước ngoặt của lịch sử thế giới đương đại. Đối với Việt Nam, chưa đầy 10 năm sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, họ đã làm nên một chiến thắng vô song *"Trên thế giới chưa từng có. Trong lịch sử chưa từng thấy"* bằng sức mạnh đoàn kết, nhất trí của toàn dân tộc. Đây cũng là chiến thắng quân sự lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Bằng thắng lợi quyết định này, phong trào đấu tranh của Việt Minh do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã buộc quân Pháp tại Điện Biên Phủ phải đầu hàng vào tháng 5 năm 1954, sau gần hai tháng chịu trận. Thất bại tại Điện Biên Phủ khiến người Pháp đã không thể bình định được Việt Nam, bất chấp nhiều năm chiến đấu. Thất bại này, một lần nữa chứng minh kế hoạch NaVarre chỉ là kế hoạch được vạch ra trên giấy với những đồn thổi của giới cầm quyền của Pháp và Mỹ, không những không thay đổi được chiến cuộc Đông Dương như ý muốn của những người tham chiến mà còn đưa nước Pháp vào tình thế thất thủ hoàn toàn. Thắng lợi này không chỉ thể hiện tinh thần khát khao độc lập, tự do, hòa bình và hạnh phúc của dân tộc Việt Nam mà còn là tiếng nói chung của đa số những con người yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Chiến thắng Điện Biên phủ đã chứng minh một chân lý của thời đại: dù là một đất nước bé nhỏ nhưng nếu biết quyết tâm, biết đoàn kết chiến đấu với đường lối cách mạng đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế thì hoàn toàn có khả năng chiến thắng bất cứ kẻ thù nào.

Hòa bình là ước nguyện lớn nhất của nhân loại. Vậy mà nước Pháp sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, dường như không biết mệt mỏi lại tiếp tục tiến hành một cuộc chiến tranh khác, cuộc chiến tranh tại Đông Dương, một bán đảo nhỏ bé ở Đông Nam Châu Á trong đó có Việt Nam. Hẳn nhiên người Việt Nam đã buộc phải chiến đấu và chiến thắng nếu muốn giành lại quyền sống, quyền tự quyết trong hòa bình và độc lập. Cuộc chiến ấy kéo dài 9 năm kể từ sau khi Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai và kết thúc của nó đã đưa lịch sử của cả hai bên tham chiến bước sang một trang mới. Sau này, nhiều công trình nghiên cứu khoa học về Điện Biên Phủ đã khẳng định, Điện Biên Phủ là bài học đắt giá cho nước Pháp và thực tế lịch sử đã chứng minh: nếu nước Mỹ cũng lấy đó làm bài học cho riêng mình thì thế giới đã bớt đi những mất mát, đau thương không đáng có. Và để kết thúc phần viết này, xin trích dẫn lời viết của nhà văn nổi tiếng của văn học tư sản Pháp Phrăng-xoa Mô-ri-ắc sau khi quân viễn chinh Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ: "Chúng ta đã từng biết nhiều sự đau khổ còn hơn thế nữa, nhưng không có đau khổ nào tùy thuộc ý chí con người bằng đau khổ này".

IV. THẾ GIỚI VỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ

Chiều muộn ngày 7 tháng 5 năm 1954, Điện Biên Phủ im tiếng súng. Tin chiến thắng ở Điện Biên Phủ nhanh chóng bao trùm lên toàn thế giới. Giới báo chí phương Tây vốn đã sôi động từ cuối năm 1953 đầu 1954 với sự ra đời của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nay lại được dịp thỏa sức giật những tít nóng với sự sụp đổ của nước Pháp mà trong đó hẳn nhiên có lắm kẻ cười nhưng cũng không ít người khóc. Một thực tế vẫn đang diễn ra đó là từng cử động ở Điện Biên Phủ luôn được truyền hình một cách gián tiếp thông qua một kênh truyền hình không mấy xa lạ, báo chí.

Ngay khi cuộc đối đầu lịch sử tại thung lũng Mường Thanh được manh nha, trên các trang báo có uy tín đã kịp đưa những tin nóng hổi. Tờ L'Aurore viết: "Cú đánh điếng người của Navarre vào quân Việt. Hàng ngàn quân nhảy dù đã chiếm Điện Biên Phủ, ở xứ Thái, cách Hà Nội 290 km. Quân đội Pháp vững tin ở chất lượng của binh lính và tài năng của các vị chỉ huy". Báo Le Monde của Pháp thì bình luận: "Chúng ta không còn trong thế bị động như hai năm trước đây. Khắp nơi chúng ta đã giành lại thế chủ động". Nhưng khi Điện Biên Phủ thất thủ cả nước Pháp choáng váng. Báo chí cố gắng duy trì "tinh thần Pháp" bằng những bài viết ca ngợi sự anh hùng đến phút cuối của tướng De Castries và các binh sĩ. Tờ L'Aurore số ra ngày 8 tháng 5 với nhan đề: "Nước Pháp tự hào về những binh sĩ của mình trong Điện Biên Phủ". Nhưng sự thật là De Castries đã đầu hàng. "Với việc cho

cắm lá cờ trắng trên hầm chỉ huy, tướng De Castries đã hạ vũ khí và đặt dấu chấm hết cho chiến dịch Điện Biên Phủ. 16 đại tá, 1.749 sĩ quan và hạ sĩ quan, 11.721 quân nhân theo ông vào trại tù binh" - Salgó László viết. Những người vốn đã thổi phồng quá mức về Điện Biên Phủ giờ đây chuyển sang phân tích, quy trách nhiệm. Rằng "Nước Pháp mắc kẹt trong những việc đã rồi, trong ảo tưởng và lừa bịp", và "Nước Pháp thua là vì đã tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa, v.v... Dù có cố biện hộ, cố vớt vát, cố nói tránh như thế nào nhưng tất cả đều cố tránh một sự thật: "Điện Biên Phủ là thất bại to nhất kể từ ngày Pháp đầu hàng Đức năm 1940" (Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trên báo "Cứu Quốc").

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ không chỉ tác động to lớn đối với nước Pháp mà còn mang tầm vóc thời đại, tác động sâu sắc theo chiều hướng tích cực, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh vì hoà bình, tiến bộ của nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định chiến thắng Điện Biên Phủ: "Là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới".

Các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ đã bày tỏ sự tự hào về chiến thắng Điện Biên Phủ, tinh thần đoàn kết, ý chí quật cường của nhân dân Việt Nam, sự khâm phục đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã khẳng định Việt Nam đã chứng tỏ được sức mạnh của mình trong cuộc chiến tranh chính nghĩa chống lại các thế lực xâm lược. Nhân dân các nước bị xâm chiếm

ở khắp các châu lục đã đón nhận sự kiện Điện Biên Phủ như là thắng lợi của chính nước mình, là bài học kinh nghiệm quý báu và là động lực mạnh mẽ đối với cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập của chính họ. An-giê-ri đã tìm cho mình con đường đi đúng đắn để giành độc lập cho dân tộc từ chính thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ: "Thật hãnh diện biết bao cho nhân dân An-giê-ri được làm những người bạn chiến đấu của các bạn... Chiến thắng Điện Biên Phủ là màn mở đầu cho chiến thắng của chúng tôi và ngay từ đó đã báo hiệu một giai đoạn lịch sử mới..."; "Nhân dân nước chúng tôi đã đón thắng lợi Điện Biên Phủ với một niềm vui to lớn khác nào như đối với thắng lợi của bản thân mình. Nhân dân An-giê-ri được khuyến khích bởi thất bại quân sự của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Điện Biên Phủ và được kinh nghiệm của cuộc đấu tranh vũ trang thắng lợi của các đồng chí soi sáng đã mau chóng cầm vũ khí đấu tranh để chấm dứt chế độ thuộc địa mà họ phải chịu 125 năm nay...".

Như một phản ứng dây chuyền lan đi khắp thế giới, tiếp theo An-giê-ri, một loạt các nước thuộc địa khác của Pháp ở châu Phi như Ma-rốc, Tuy-ni-di, Ghi-nê, Ma-li, Ma-đa-ga-xca, Ca-mơ-run... đã nổi dậy một cách mạnh mẽ, ào ạt và nhanh chóng, buộc thực dân Pháp không còn con đường nào khác là phải trao trả nền độc lập cho các nước này.

Đối với các nước ở Mỹ La-tinh Điện Biên Phủ như "ánh đèn pha chiếu rọi", là "kim chỉ nam hành động". Nhà thơ yêu nước của quốc đảo Ha-i-ti Rơ-nê Đê-pê-xtơ-rơ đánh giá: "... Chiến thắng Điện Biên Phủ có một tầm

quan trọng lịch sử quốc tế và đã mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đấu tranh anh hùng của các dân tộc thuộc địa nhằm tự giải phóng khỏi ách chủ nghĩa đế quốc Anh, Pháp, Bỉ và Mỹ. Tinh thần Điện Biên Phủ ngày nay là ánh đèn pha chiếu rọi cho hàng triệu người bị áp bức trên toàn thế giới và sự trung thành với tinh thần quang vinh đó là điều bảo đảm duy nhất cho thắng lợi trong hành động cách mạng chống sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ chúng tôi. Ngày nay, sự thức tỉnh rực rỡ của các dân tộc ở châu Mỹ La-tinh, với Cu-ba là đội tiên phong, đang đi theo đường bay sáng ngời của Điện Biên Phủ". Các bạn Cu-ba luôn coi: "... Thắng lợi của Việt Nam đã là một hy vọng to lớn và tươi sáng cho chúng tôi, đã cổ vũ chúng tôi chiến đấu".

Có thể nói phong trào đấu tranh đòi tự do, độc lập từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ đến những năm 60 của thế kỷ XX, đã đánh đổ ách thống trị của thực dân, đế quốc ở hầu khắp các nước trên thế giới, đa phần trong số đó là thuộc địa của Pháp. Chỉ tính riêng trong năm 1960, 19 nước đã giành được độc lập. Không thể nói đó hoàn toàn chịu ảnh hưởng của chiến thắng Điện Biên Phủ, nhưng cũng không thể phủ nhận tác động to lớn của chiến thắng này. Chiến thắng ấy đã góp thêm một niềm tin, tạo thêm một bước đà và mở ra một tương lai tươi sáng cho phong trào giải phóng dân tộc trên khắp thế giới.

Với nhân dân ba nước Đông Dương chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thắng lợi của quân đội và nhân dân Việt Nam mà còn là thắng lợi chung của nhân dân các nước Đông Dương, là thành quả của tinh thần đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung, mở ra một kỷ nguyên mới cho ba dân tộc trên bán đảo ở Đông Nam châu Á.

** Tổng quân ủy họp quyết định chủ trương tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954.*

** Chỉ huy Sở của Việt Minh tại Hang Huổi He xã Nà Tấu Km 62 Tuần Giáo - Điện Biên Phủ.*

** Quân đội Việt Minh hành quân lên Tây Bắc.*

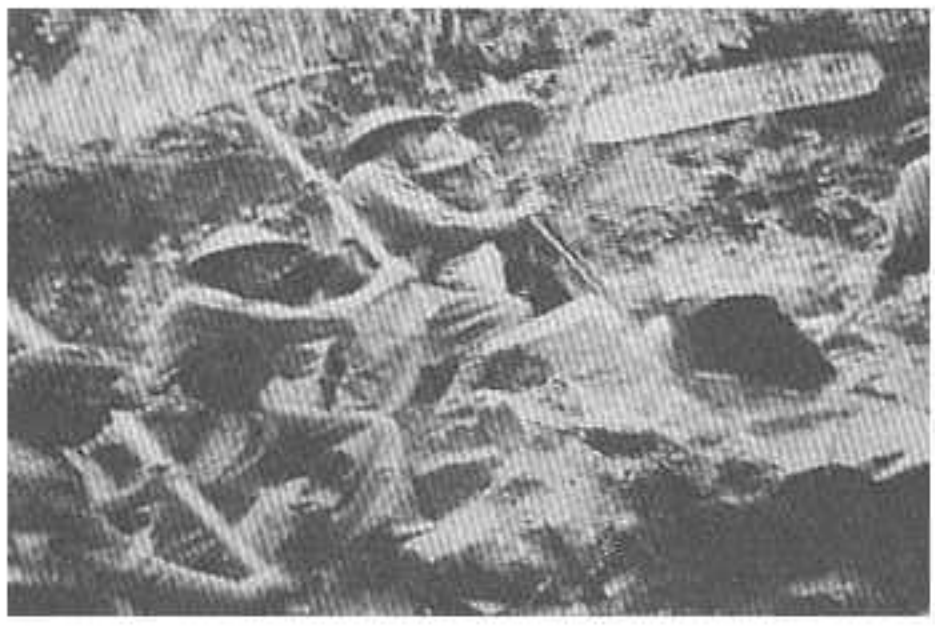

** Việt Minh phá đá, mở đường vào trận địa*

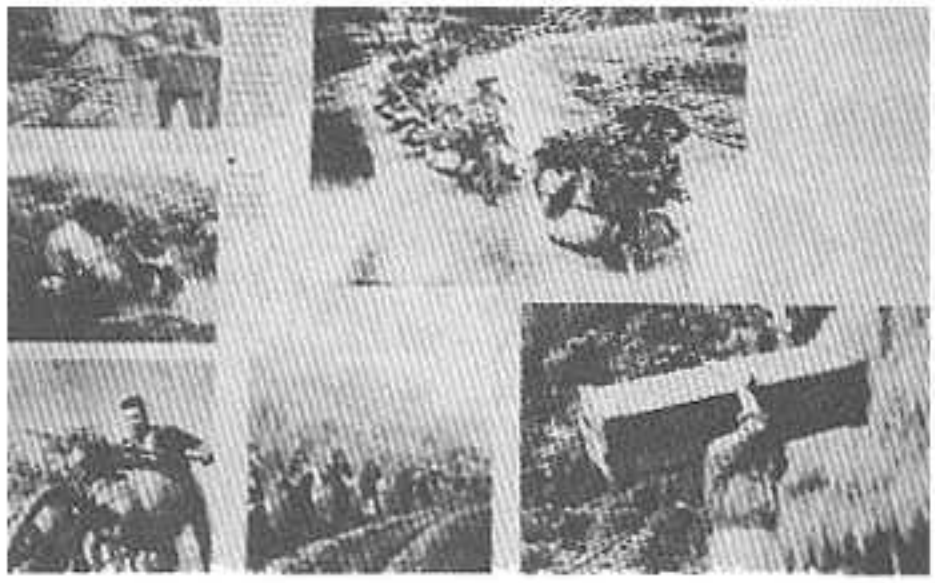

** Dân công hỏa tuyến của Việt Minh vận chuyển lương thực, đạn dược ra phục vụ mặt trận.*

** Quân y tiền phương của Việt Minh tại mặt trận Điện Biên Phủ.*

** Việt Minh cứu chữa thương binh.*

* *Những nụ cười của quân Việt Minh lúc giải lao giữa hai trận đánh*

* *Việt Minh vượt cầu Mường Thanh đánh vào sân bay.*

* *Chiến tranh chấm dứt, nụ cười cảm kích của thương binh Pháp trước chính sách khoan hồng của Việt Minh.*

* *Dẫn giải tù binh Pháp*

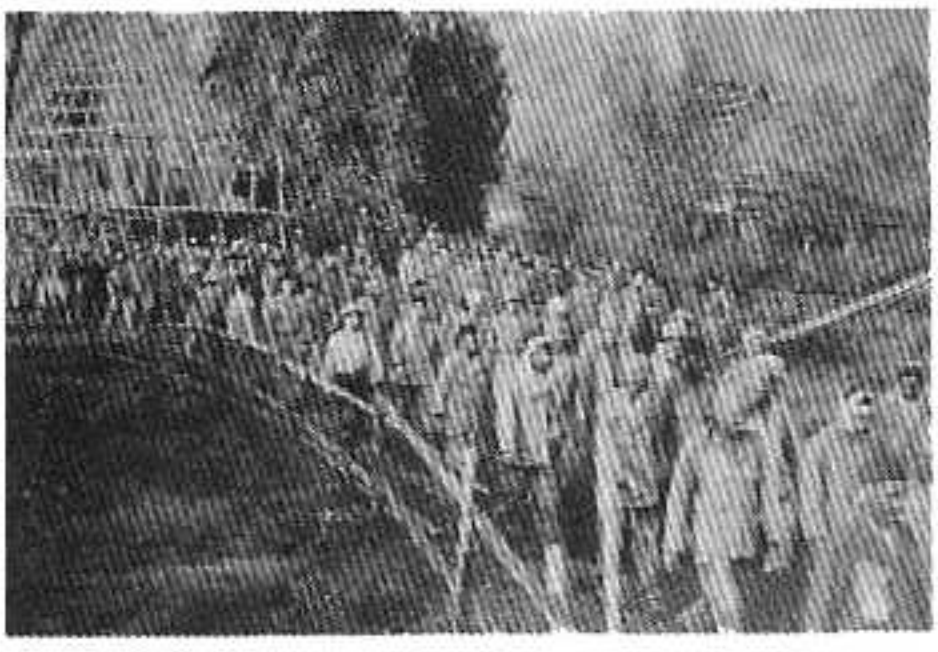

Phất cờ chiến thắng trên nóc hầm Đờ cát

Bộ Chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra hàng

Việt Minh mừng chiến thắng trên chiếc khu trục của Pháp bị bắn rơi tại chiến trường.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Tổng tư lệnh Quân đội Việt Nam trao cờ "Quyết chiến, quyết thắng" cho các đơn vị tại buổi lễ duyệt binh mừng chiến thắng tại Mường Phăng, ngày 13/5/1954.

Phần III

QUÁ TRÌNH TRÙNG TU, TÔN TẠO KHU DI TÍCH CHIẾN TRƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Chiến thắng Điện Biên Phủ là một mốc son chói lọi, một chiến tích vĩ đại, là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp. Chiến công oanh liệt này đã kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ kéo dài chín năm của một nền dân chủ Cộng hoà non trẻ chống lại sự xâm lược và can thiệp của hai thế lực Đế quốc và Thực dân lớn là Mĩ và Pháp. Trên quy mô toàn cầu, chiến thắng Điện Biên Phủ có tầm ảnh hưởng rất lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng và phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa trên thế giới, đánh dấu giai đoạn sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Chính vì vậy, chiến thắng Điện Biên Phủ có giá trị vô cùng lớn lao trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Từ lâu, Điện Biên Phủ đã trở thành khu di tích lịch sử có giá trị đặc biệt quan trọng của quốc gia, là chứng

tích rõ ràng nhất về một trong những cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trên thế giới. Có thể nói, hiếm vùng đất nào lại có nhiều di tích lịch sử có giá trị và mật độ di tích dày như ở tỉnh Điện Biên.

Trong những năm đầu, công tác đầu tư trùng tu, tôn tạo chưa được quan tâm đúng mức do những khó khăn về kinh phí. Mặt khác, hầu hết các di tích đều là bãi chiến trường nằm lộ thiên, chịu tác động của thời gian và các yếu tố thiên nhiên nên một số di tích đã bị xuống cấp, không còn giữ nguyên gốc ban đầu.

Năm 1959, Đảng và Nhà nước bắt đầu quan tâm đến việc gìn giữ và phát huy giá trị của các di tích trên phạm vi cả nước. Từ đó, quá trình trùng tu tôn tạo Khu di tích Chiến trường Điện Biên Phủ được bắt đầu tiến hành, xứng tầm với quy mô và tầm vóc chiến thắng vĩ đại của quân dân Việt Nam. Theo Quyết định số 313-VH/VP ngày 28 tháng 4 năm 1962 về việc xếp hạng những di tích, danh thắng toàn miền Bắc. Khu di tích Chiến trường Điện Biên Phủ được công nhận là di tích cấp Quốc gia.

Từ khi Khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ được công nhận là di tích cấp Quốc gia, công tác trùng tu, tôn tạo được tiến hành như: dựng bia, biển giới thiệu ở hầu khắp các di tích, khôi phục một số hạng mục tại các điểm di tích nổi bật như: di tích A1, di tích hầm De Castries...

Ngày 1 tháng 7 năm 1998, UBND tỉnh đã có tờ trình số 191VC-UB gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa - Thông tin về việc cấp

bách tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp một số di tích. Các điểm A1, hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Mường Phăng được tu sửa, làm mới một số hạng mục. Đồi A1 làm thêm một số cửa mới, san mặt bằng phía chân đồi giáp đường Trường Chinh, phía Tây giáp đường 279, san mặt bằng làm bãi đỗ xe cho khách tham quan diện tích 2.000m^2.

Năm 1999, nhân dịp kỷ niệm 45 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đã tu bổ cấp thiết một số hạng mục quan trọng nhất tại di tích như Mường Phăng, hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đồi A1 và nâng cấp Nhà trưng bày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đối với hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, làm lại hệ thống hàng rào xung quanh hầm và mở rộng về phía Nam, thay lại toàn bộ cột bê tông cốt thép và hàng rào thép gai, xây nhà bảo vệ, bán vé; phục chế lại hệ thống giao thông hào bằng bê tông giả đất, đánh gỉ, sơn lại toàn bộ các tấm tôn vòm bằng sắt, phục chế lại 8 tấm tôn vòm. Cầu Mường Thanh được thay thế 90 % gỗ mặt cầu, đánh rỉ và sơn lại toàn bộ khung sắt cầu.

Năm 2003, để chuẩn bị chào mừng kỉ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, một dự án trùng tu tôn tạo với quy mô lớn đã được tiến hành. Đồi A1, di tích Mường Phăng, được tu bổ đáng kể. Hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được giải tỏa mặt bằng, đổ nhựa và áp phan toàn bộ nền đường trong khu di tích. Tôn tạo đường kéo pháo bằng tay ở Nà Nhạn; cải tạo bãi duyệt binh mừng chiến thắng và xây dựng Nhà văn hóa ở bãi

duyệt binh. Đặc biệt một tượng đài chiến thắng được đúc bằng đồng lớn nhất Việt Nam đã được đặt trên đồi D1, là biểu tượng của chiến thắng và hòa bình sẽ trường tồn mãi cùng non sông đất nước.

Năm 2009, Khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ là một trong mười di tích được công nhận là di tích cấp Quốc gia đặc biệt đợt một theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt.

Tuy nhiên, nguồn kinh phí hằng năm dành cho công tác trùng tu, tôn tạo di tích ở Điện Biên còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Hiện nay, Đảng và Nhà nước đang kêu gọi "xã hội hóa" trùng tu, tôn tạo các di tích. Đây là một việc làm cần thiết trước mắt và lâu dài và sẽ trở thành một trong những biện pháp có hiệu quả để gìn giữ và phát huy giá trị của các khu di tích lịch sử. Với giá trị và tầm vóc của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, tháng 4 năm 2012, tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội (HANDICO) đã tài trợ kinh phí và trực tiếp thi công Dự án mái che các hiện vật ngoài trời. Công trình có tổng mức đầu tư 5,2 tỷ đồng và được đưa vào sử dụng ngày 25 tháng 4 năm 2012 với toàn bộ 12 hạng mục nhà mái che cùng các công trình phụ tại chín điểm di tích khu vực thành phố Điện Biên Phủ, đảm bảo chất lượng, kĩ thuật, mĩ thuật và góp phần giữ nguyên được hiện trạng di tích. Đây là công trình được áp dụng đầu tiên đối với các di tích lịch sử trên phạm vi cả nước. Mái kính sẽ tránh được tình trạng "phơi trần" ở các di tích, hệ

thống kính chuyên dụng sẽ ngăn cản được toàn bộ bức xạ, tia cực tím của mặt trời tác động trực tiếp lên hiện vật.

Tiến tới kỷ niệm 60 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2014), tỉnh Điện Biên đã xây dựng Đề án kỉ niệm với nhiều kế hoạch, hoạt động có ý nghĩa trong đó có công tác nâng cấp Khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ, đáng chú ý là việc xây dựng mới Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kịp thời phục vụ khách đến tham quan.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hồ sơ di tích hầm chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tư liệu Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.*

2. *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử,* Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nxb Quân đội Nhân dân năm 2000.

3. *Sông núi Điện Biên,* Trần Lê Văn, Hội Văn học Nghệ thuật Lai Châu, 2000.

4. *Kỷ vật Điện Biên, Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam,* Nxb Quân đội Nhân dân, 2004.

5. *Báo Sự kiện và nhân chứng,* số 122, tháng 2 2004.

6. *Di tích lịch sử và văn hóa Điện Biên Phủ,* Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, 2008.

7. *Tiếng sấm Điện Biên Phủ,* Nxb Quân đội Nhân dân, 1974.

8. *Điện Biên Phủ mốc vàng lịch sử,* Nxb Quân đội Nhân dân, 1994.

9. *Điện Biên Phủ mốc vàng thời đại,* Nxb Quân đội Nhân dân, 2004.

10. *Điện Biên Phủ - Trận thắng thế kỷ,* Hoàng Minh Thảo, Nxb Chính trị quốc gia, 2004.

11. *Chiến thắng Điện Biên Phủ, Sự kiện - hỏi và đáp,* Nxb Chính trị quốc gia, 2004.

12. *Điện Biên Phủ qua con mắt người nước ngoài,* Nxb Lao động, 2004.

13. *Điện Biên Phủ nhìn từ phía bên kia,* Lê Kim, Nxb Thanh niên, 2004.

14. *Tại sao Điện Biên Phủ,* Nxb Thanh niên, 2004.

15. *Trận chiến Điện Biên Phủ,* Jules Roy, Nxb Hà Nội, 2005.

16. *Thắng Pháp trên bầu trời Điện Biên Phủ,* Lưu Trọng Lư, Nxb Quân đội Nhân dân, 2004.

17. *Tổng tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp,* Trần Trọng Trung, Nxb Chính trị quốc gia, 2006.

18. *Điện Biên Phủ, tuyển tập hồi ký,* Đinh Xuân Dũng, Nxb Chính trị quốc gia, 2004.

19. *Đông Dương hấp hối, hồi ký của Navarre,* Nxb Công an nhân dân năm, 2004.

20. *Thời điểm của những sự thật, Henri Navarre,* Nxb Công an nhân dân, 2004.

21. *Tướng Navarre với trận Điện Biên Phủ,* Jean Pouget, Dịch giả: Lê Kim, Nxb Công an Nhân dân, 2004.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5

PHẦN MỘT: TIỂU SỬ DE CASTRIES 7

PHẦN HAI: TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ 13

I. Kế hoạch Navarre 13

1. Nội dung kế hoạch Navarre 13
2. Vì sao Điện Biên Phủ lại có trong kế hoạch Navarre? 22

II. Quá trình chiếm đóng và xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 27

1. Vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ 27
2. Quân đội Pháp tiến hành chiếm đóng Điện Biên Phủ 32
3. Lý do Navarre chọn De Castries chỉ huy Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 37
4. Quân đội Pháp xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 43

III. Vai trò của De Castries đối với Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 59

1. Sự chỉ đạo của De Castries và Bộ Tham mưu trong quá trình xây dựng Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 59
2. Sự chỉ đạo của De Castries trong quá trình diễn ra chiến sự 76

IV. Thế giới với Điện Biên Phủ 105

PHẦN III: QUÁ TRÌNH TRÙNG TU, TÔN TẠO KHU DI TÍCH CHIẾN TRƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ 114

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 119

DE CASTRIES
&
Tập Đoàn Cứ Điểm Điện Biên Phủ
(PHÒNG NGHIỆP VỤ)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Nhà A2 - 261 phố Thuỵ Khuê, phường Thuỵ Khuê,
Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: 08044806 - Fax: 08043538
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC
VŨ NAM HẢI
Chỉ đạo nội dung:
PHẠM VĂN HƯNG
ĐÀO NGỌC LƯỢNG

Biên tập: **Nguyễn Thế Vinh**
Vũ Thị Tuyết Nga
Hà Văn Trình
Lò Thị Hồng Nhung
Vẽ bìa: **Hoàng Giang**

In 1000 cuốn khổ 13,5x20cm tại Công ty in Ngọc Châu
Số đăng ký KHXB: 1447-2012/CXB/07-44/HĐ
In xong nộp lưu chiểu quý I/2013

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
BẢO TÀNG CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

DE CASTRIES
Và tập đoàn cứ điểm
Điện Biên Phủ

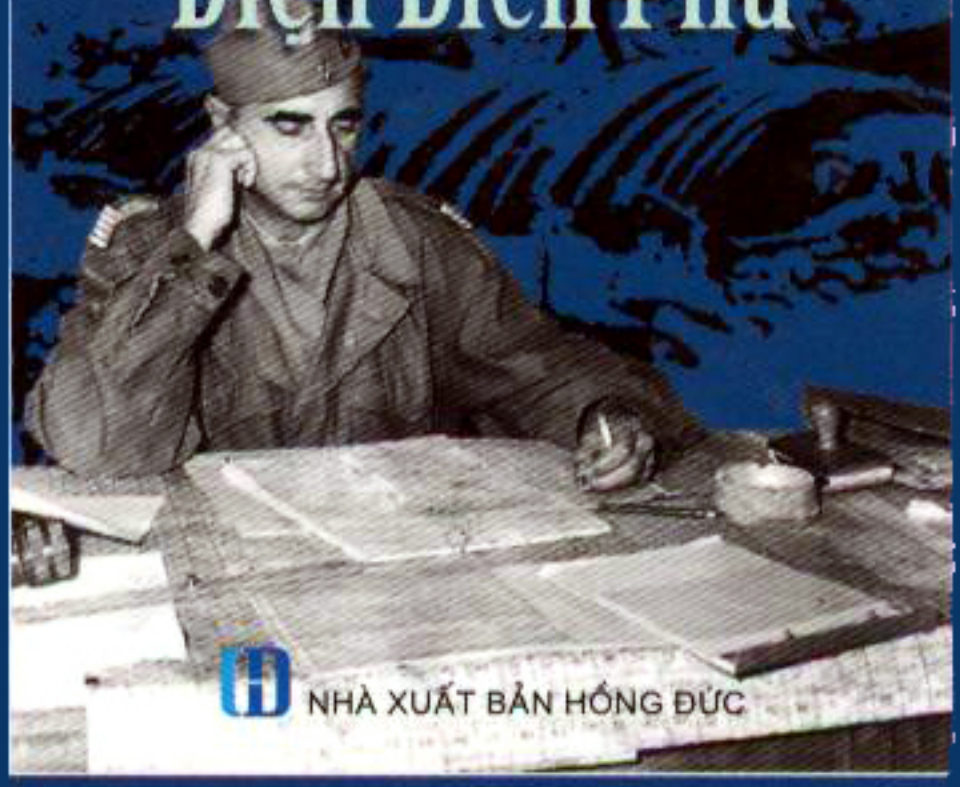

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC